

SÁNG TẠO

THÁNG NĂM 1958

KHẢO LUẬN

MAI THẢO Vấn đề sân khấu Việt Nam
NGUYỄN SA Sự cô độc thiết yếu
NGUYỄN ĐÌNH HÒA . . . Thân thể thi sĩ H.W. Longfellow
NGUYỄN DUY DIỄN Phân tích nghệ thuật
THÁI BẠCH Bạch Mai thi xã
LỮ HỒ Vấn đề dạy Văn quốc ngữ

SÁNG TÁC

VÕ PHIẾN Kể trong đêm khuya
TÔ THÙY YÊN Trong vườn địa đàng
THẠCH TRÂN Trăng dorm đèn
DOãn QUỐC SỸ Dòng sông định mệnh

THƠ TỰ DO CỦA

NGƯỜI SÔNG THƯỢNG - NGỌC DŨNG
NGUYỄN SA - HOÀNG BẢO VIỆT

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

T.T. HIỆP: BAN CA VŨ NHẠC HUẾ, Trình diễn CA VŨ NHẠC CỔ
V.N - NGUYỄN TRUNG: TRIỂN LÃM HỘI HÒA của NGUYỄN
VĂN QUẾ - TRƯỜNG GIANG: TRIỂN LÃM ĐÌNH TRỌNG và HUY
TƯỜNG - NGUYỄN ĐĂNG: SÁCH MƠI, TRĂNG NƯỚC ĐỒNG
NAI của NGUYỄN HOẠT.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KỶ CON - SAIGON

số 20

GIÁ : 10\$00

tạp chí văn nghệ

Sáng Tạo

số 20

tháng Năm 1958

mai thảo - doãn quốc sỹ -

nguyên sa - thái bạch -

lữ hồ - tô thùỳ yên - võ phiến -

thạch trân - nguyên đình hòa -

nguyễn duy diễn - nguyễn đăng

hoàng bảo việt - nguyễn trung -

trần thanh hiệp

Sáng Tạo số 20 tháng 5 - 1958

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: *Muôn Phương*
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 20
tháng 5 - 1958

MỤC LỤC

	Trang
1. VẤN ĐỀ SÂN KHẤU VIỆT NAM MAI THẢO	9
2. PHÂN TÍCH NGHỆ THUẬT NGUYỄN DUY DIỄN	37
3. KỂ TRONG ĐÊM KHUYA VÕ PHIẾN	47
4. CHUYẾN XE CHIỀU - NGHẸN NGÀO NGƯỜI SÔNG THƯƠNG	78
5. ĐÊM NGỌC DŨNG	82
6. NGỎ Ý NGUYỄN SA	84
7. VẤN ĐỀ DẠY VĂN QUỐC NGŨ LỮ HỒ	87
8. DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH DOÃN QUỐC SỸ	99
9. BẠCH MAI THI XÃ THÁI BẠCH	147
10. ĐI TÌM THẾ GIỚI TRẺ CON HOÀNG BẢO VIỆT	159
11. TRONG VƯỜN ĐỊA ĐÀNG TÔ THÙY YÊN	176
12. THÂN THỂ THI SĨ H.W. LONGFELLOW NGUYỄN ĐÌNH HÒA	186
13. TRĂNG ĐỐM ĐÈN THẠCH TRÂN	201
14. SỰ CÔ ĐỘC THIẾT YẾU NGUYỄN SA	212

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

T.T. HIỆP: BAN CA VŨ NHẠC HUẾ, Trình diễn CA VŨ NHẠC CỔ V.N (trang 227) - **NGUYỄN TRUNG:** TRIỂN LÃM HỘI HOA của **NGUYỄN VĂN QUẾ** (trang 231)- **TRƯỜNG GIANG:** TRIỂN LÃM ĐÌNH TRỌNG và HUY TƯỜNG (trang 235) - **NGUYỄN ĐĂNG:** SÁCH MỜI, TRĂNG NƯỚC ĐỒNG NAI của **NGUYỄN HOẠT** (trang 239).

o O o

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO
Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM
TÒA SOẠN TẠP CHÍ SÁNG TẠO:
133B, đường Ký Con – SAIGON

VẤN ĐỀ SÂN KHẤU VIỆT NAM

MAI THẢO

LÁ thư ngỏ mời ba nữ diễn viên cộng tác trong việc dựng hai kịch ngắn của Thanh Tâm Tuyền và Trần Lê Nguyễn do nhóm kịch Những Tác Phẩm Chọn Lọc gửi đi, đăng trên Sáng Tạo và mấy tờ báo bạn được mấy ngày, trái với dự đoán của riêng tôi về điểm “không đòi hỏi điều kiện vật chất” ghi trong thư, đã có một số rất đông hưởng ứng lời kêu gọi đó đến gặp Ban Kịch ở tòa soạn. Phần lớn đều rất trẻ tuổi, chưa từng lên sân khấu lần nào, không một chút kinh nghiệm diễn xuất. Họ đến chỉ vì lòng yêu kịch một cách hồn nhiên với thiện chí đóng góp một phần dựng xây bé nhỏ.

Hiện tượng bất ngờ và cảm động này giúp tôi nhận định được một điều: mặc dầu tình trạng yên ngủ của sân khấu hiện nay, ngành kịch vẫn có một chỗ đứng trong đời sống tinh thần và tri thức của những người yêu nghệ thuật. Chỉ cần ném đi một hòn đá lập tức có những tiếng vang lớn đáp lại. Chỉ cần một sự mở đầu là cùng với sự hưởng ứng nhiệt thành của lớp người yêu sân khấu, chúng ta cũng dễ dàng gây được một phong trào kịch rầm rộ, làm sống lại được hiện tình buồn thảm và hoang vắng của sân khấu Việt Nam. Không sợ không có những người đến xem ở dưới kia, chỉ sợ trên này màn không mở, không có kịch.

Những người bạn đến vô điều kiện với sân khấu ấy đã nói chuyện với tôi, bày tỏ lòng yêu kịch của họ, hỏi về chi tiết nội dung kịch bản đồng thời đã nêu lên những thắc mắc muốn được giải thích. Những câu hỏi thuộc nhiều loại, tựu trung vẫn quy vào hai thắc mắc chính:

- 1) Những nguyên nhân nào đã gây nên

tình trạng bất động của sân khấu Việt Nam?
Tình trạng này còn kéo dài bao nhiêu lâu?

2) Những người có trách nhiệm và thẩm quyền trong ngành kịch đã và đang làm gì để chấm dứt tình trạng bất động đó?

Và tôi đã chỉ trả lời được một phần nhỏ. Trên toàn thể, thú thực tôi đã lúng túng. Hai câu hỏi trên gói tròn tất cả vấn đề sân khấu Việt Nam. Chúng đứng sừng sững trong đầu trong tim những người yêu kịch, những nhà đạo diễn, những nhà viết kịch có tâm huyết và có tinh thần trách nhiệm. Nó là một thảm kịch của ngành kịch, của những người làm nghệ thuật đứng trong bộ môn sân khấu. Tôi không giải quyết được với các bạn. Vì thảm kịch này đến nay cũng chưa được giải quyết. Sân khấu vẫn nằm trong ngõ cụt.

Khoảng thời gian bốn năm trở lại đây – tôi muốn nói từ ngày có hiệp định chia cắt đất nước – người văn nghệ Việt Nam đứng trước

biến cố lịch sử, trước tương lai đất nước và tiền đồ văn nghệ, mang một tinh thần trách nhiệm mới, đã có những nỗ lực đáng kể trong lĩnh vực sáng tác, đã gây được những thành tích, đã góp được một phần không nhỏ trong công cuộc xây dựng chung.

Trên các ngành thơ văn họa nhạc đã có những buổi trình diễn, đã có những cuộc triển lãm, đã có những tác phẩm được in ra, đánh dấu và ghi nhận những nỗ lực đó. Duy có ngành kịch là im hơi bất tiếng. Ngoài một vài vở kịch thỉnh thoảng thấy đăng trên mấy tờ tạp chí, nói những tiếng nói yếu ớt nhất của kịch, sân khấu mới Việt Nam mang hình ảnh một khoảng trống vắng đen tối, bao phủ trong một bầu không khí im lặng hoàn toàn.

Ở những sân khấu thủ đô, ngoài những buổi trình diễn mệnh danh là Đại nhạc hội, thu hẹp trong phạm vi tiêu khiển giải trí, ca nhạc là chính yếu, kịch có len vào được cũng chỉ là những trò múa rối, ánh đèn riềm suốt

mấy năm nay chưa từng được cái vinh dự chảy lên cho một đêm kịch nào, mà kịch ở đó là một vinh dự cho nghệ thuật diễn xuất, là một phản ánh cao đẹp của cuộc sống và con người. Tôi muốn nói tới những đêm kịch đánh dấu lịch sử văn học nghệ thuật, làm thỏa mãn sự đòi hỏi những người yêu kịch trên khía cạnh nghệ thuật và trí thức của kịch.

Bốn năm nay chúng ta không có kịch. Đó là một sự thật. Sân khấu chúng ta khép kín lại. Ngành nghệ thuật này chưa được một lần nói tiếng nói đúng và thực của nó. Nó chưa được tiêm thuốc hồi sinh để đứng lên và sống lại. Vậy mà nó phải được sống lại. Nó gào thét sự có mặt của nó. Tôi nghĩ rằng sinh hoạt văn nghệ ở đây sở dĩ vẫn thiếu vắng một cái gì để tạo nên cái sắc thái toàn diện cần yếu, bao nhiêu cố gắng bao nhiêu thành tích của các ngành nghệ thuật khác tổng hợp lại vẫn không gây được một phong trào, một không khí toàn thể, chỉ vì sự vắng mặt của sân khấu.

Lỗi ở đâu? Tại ai? Những người có trách nhiệm đã làm được những gì đáng kể? Vấn đề không đặt ra như vậy. Tôi không muốn nhìn vào sân khấu cái nhìn thưởng công định tội. Tôi chỉ muốn nói đến một tình trạng, tình trạng đó không được phép kéo dài nữa, tôi chỉ muốn nêu lên một vấn đề, vấn đề này đòi hỏi một sự tham gia với những phương thức giải quyết chung. Bởi vì những hoạt động của sân khấu đã chứa đựng một tính chất tập thể. Sự khác biệt của nó đối với các bộ môn khác ở đó.

MỘT CÁI NHÌN TỔNG QUÁT

Nhìn trở lại — tôi vẫn lấy bốn năm gần đây làm giới hạn — phải công nhận có những lúc sân khấu tưởng như được sống lại. Gần nhất là trước lúc Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc năm ngoái. Ngành kịch xôn xao sửa soạn những đêm trình diễn cho Đại Hội này. Cùng với sự thành lập của Ban kịch Võ Đức Diên, một tổ chức đông người và công kênh, những buổi họp và tập kịch được tổ chức liên tiếp ở nhiều

nơi. Những nhóm kịch được thành lập. Báo chí hồi đó tường thuật về những sinh hoạt văn nghệ, nói nhiều đến những sinh hoạt kịch.

Trường Khoa Học Kỹ Thuật rồi trường Sư Phạm trong mấy tháng liền được chọn làm chỗ tập dượt vở kịch xuôi ba màn *Bão Thời Đại* của Trần Lê Nguyễn. Đồng thời ở câu lạc bộ Văn hóa Bình Dân hàng ngày cũng có những buổi tập diễn vở kịch phóng tác *Hàm Lệ* của Trọng Miên. Không khí sân khấu ồn ào sôi nổi. Người ta bắt gặp luôn luôn bóng dáng của những đạo diễn hoặc phụ tá đạo diễn: Trọng Miên, Trần Lê Nguyễn, Tiền Phong, Minh Đăng Khánh v. v... Sân tập thì hàng ngày có mặt những diễn viên quen thuộc như: Giáng Hương, Kiều Hạnh, Minh Trang, Võ Đức Duy, Phạm Đình Sỹ. Đến cả những diễn viên bất đắc dĩ, tài tử, như Tạ Tỵ, Mai Thảo cũng có mặt.

Những nhà viết kịch cũng tìm thấy cảm hứng sáng tác trong không khí đó. Thanh Tâm Tuyền hoàn thành vở kịch ba màn *Buổi Hòa*

Nhạc Cuối Cùng trong thời kỳ này. Đến như Đinh Hùng chỉ làm thơ ít khi viết kịch cũng vùi đầu trong vở *Phụng Cầu Hoàng*. Người ta còn nhắc đến *Trở Về* của Minh Hải, *Hai Màu Áo* của Minh Đăng Khánh, đến những sáng tác của Trọng Tấn, của Vi Huyền Đắc, những kịch vui của Trọng Lang. Còn bao nhiêu người khác nữa.

Không khí văn nghệ thủ đô hồi đó trước đối tượng thời gian là ngày khai mạc Hội Nghị Văn Hóa Toàn Quốc bùng bùng một không khí sửa soạn trình diễn, với viễn tượng rực rỡ của những đêm kịch lớn. Tôi tưởng mặc dầu là rồi không đi đến đâu tinh thần hy sinh và lòng thiết tha của một số diễn viên đối với nghệ thuật cũng là một điểm son đáng ghi nhớ. Nhưng điều bất hạnh là Hội Nghị Văn Hóa Toàn Quốc đã không được khai mạc đúng kỳ hạn dự định. Cứ hoãn lại, cứ chậm lại mãi tới khi khai mạc được thì mọi hoạt động về sân khấu đã đình chỉ. Đó là một trong những thất bại chính. Phần trình diễn thiếu sân khấu coi

như không có gì. Không khí xẹp xuống. Diễn viên tản mát mỗi người một nơi. Kịch bản trở lại đời bản thảo với những trang giấy tối tăm không được biết tới ánh sáng tiền trường.

Tôi còn nhớ mãi nỗi thất vọng lớn lao của toàn thể các anh chị em từ tác giả đến đạo diễn đến diễn viên trước một mùa kịch khởi đầu tốt đẹp đã sụp đổ một cách thảm hại. Sau đó là một tâm trạng mệt mỏi buông xuôi. Sân khấu như một con vật bị thương nặng không bước đi được nữa. Tâm trạng này ngày lại ngày kéo dài, trở nên trầm trọng. Một trong những cố gắng cuối cùng: Ban kịch Hải Đăng được thành lập. vở kịch thơ *Tro Tàn Điện Ngọc* của Trần Việt Hoài là một trong những vở của chương trình thực hiện. Nhưng Hải Đăng chẳng sáng được bao lâu. Sau một vài chuyến vừa tập vừa diễn ở Lục tỉnh, nó không được một lần ra mắt thủ đô và đã tắt đi trong cái nền trời tối đặc của sân khấu. Những sự thất bại này tuy vậy cũng đã đem lại một số kinh nghiệm.

Căn cứ trên nhận định: thất bại vì thiếu tổ chức, một số người chưa chịu bỏ tay hướng vào vấn đề tổ chức nội bộ. Họ nhận định rằng: Kịch đòi hỏi một chương trình khoa học, một tổ chức chu đáo, mang một tính chất trường cửu. Thay vào mục đích thực hiện một hay nhiều đêm kịch họ thành lập những tổ chức lâu dài. Hình thức xưởng, hội được áp dụng. Điển hình nhất cho sự chuyển hướng hoạt động này phải kể tới xưởng kịch Tin Yêu một sáng kiến của Trần Lê Nguyễn sau nhiều lần trao đổi ý kiến với một số bạn hữu. Kế hoạch lập xưởng được thảo ra và chuyển tới các bạn hữu trong ngành. Tôi ghi sự có mặt và ý kiến của Mặc Đỗ, Nghiêm Phú Phi, Minh Hải, Võ Đức Duy, Vũ Khắc Khoan v. v...

Nhưng mặc dầu lòng tin yêu của những người khai sinh ra nó, xưởng kịch chỉ thành hình trên giấy tờ và cũng ngã xuống trong sự non yếu sau khi chỉ thực hiện được một phần nhỏ mọn của chương trình là trình diễn ở Đài phát thanh. Đó cũng là trường hợp Lan Đình

kịch xã của Trọng Miên. Kinh nghiệm: chương trình khoa học nhưng thiếu điều kiện thực hiện. Kết quả vẫn là thất bại. Tuy vậy những hoạt động này cũng gây được một tiếng vang bé nhỏ là đã khiến cho mọi người nhìn vào kịch một cách đứng đắn và đã đưa tới những dự thảo, những cuộc họp mặt khác.

Tôi nhớ đến những lần họp mặt ở nhà riêng Tạ Tỵ, Thanh Nam, mọi người bàn định tới vấn đề phải viết những sáng tác mới, thích hợp với không khí mới, đến việc tạm thời bỏ qua những vở kịch dài, hướng trọng tâm vào những đoàn kịch để sáng tác và thực hiện đều được gọn và nhẹ. Hết thấy đều công nhận sự cần thiết tạo cho sân khấu một bộ mặt mới. Người ta còn bàn tới việc phiên dịch, phóng tác những kịch bản ngoại quốc để kịp thời có vở diễn và gia tăng cho sân khấu Việt Nam một sắc thái quốc tế.

Tôi nhớ đến những lần họp mặt ở nhà riêng Mặc Đỗ, Nguyễn Sỹ Tế. Vấn đề thảo luận vây

chung quanh điểm có nên diễn lại những kịch cũ như Vân Muội, Hồng Điệp của Vũ Hoàng Chương hay không, hoặc có nên xét tới những vở kịch cũ còn chứa đựng một tinh thần quốc gia dân tộc của những tác giả ở bên kia vĩ tuyến? Còn rất nhiều những buổi họp mặt, trao đổi ý kiến của các nhóm bạn hữu khác mà tôi tiếc không được dự để thuật lại ở đây. Dầu chúng không đưa tới một kết quả cụ thể nào, nhưng cũng hữu ích, và cũng đã phản ánh được một phần nổi bật khoản của toàn thể trước vấn đề tìm một lối thoát cho sân khấu.

Nói chung, cuộc thảo luận, buổi họp mặt nào, vấn đề nào được đặt lên mặt bàn cũng chỉ biểu hiện cho một ý thức về sân khấu. Đó là ý thức của những người khát khao cái không khí huy hoàng của những đêm kịch, muốn kéo sân khấu Việt Nam ra khỏi sự bất động của nó mà không được. Tất có người sẽ bảo tôi: cái gì thực hiện được hãy nói. Tôi lại nghĩ rằng những “sự thực âm thầm ấy” cần được nói ra. Đó chính là hình ảnh của sân khấu Việt Nam

trong suốt mấy năm nay, gồm bằng rất nhiều nhiệt tâm rất nhiều thiện chí mà không vượt qua được trở lực, bằng những cuộc sửa soạn âm thầm không được đem lên ánh sáng.

Những người có trách nhiệm trước hết đã công nhận sự bất lực của họ. Họ tự nhận đã thất bại. Tâm trạng đó cũng phải được nói ra vì nó nằm trong cái tâm trạng chung của sân khấu Việt Nam hôm nay. Những người đến với sân khấu, thu hẹp lại trong một buổi họp mặt, một ý kiến, nhưng họ thành thực và không vụ lợi. Thảm kịch của sân khấu cũng là thảm kịch trong đời sống nghệ thuật cá nhân của họ nữa. Thuật lại những tâm trạng những thất bại ấy, tôi chỉ tiếc không biết hết, không nói được hết. Cái bề ngoài lặng lẽ bất động kỳ thực chứa giấu những sôi nổi thường xuyên.

Kịch không ở ngoài mà ở trong hậu trường. Kịch của những người trong cuộc. Những sự thất bại ấy lại không hoàn toàn vô ích. Nhìn lại vẫn giúp chúng ta rút tỉa được những kinh

nghiệm quý báu. Nhận định lại những thất bại ấy còn làm sáng tỏ được một số vấn đề cần được giải quyết:

VẤN ĐỀ KỊCH BẢN

Theo như tôi được biết, những vở kịch hiện chúng ta đã có trên tay chỉ có thể xem như đủ trong một hoặc hai đêm kịch. Nghĩa là thiếu. Cố nhiên ở đây tôi chỉ nói tới những kịch bản có giá trị, nội dung đã được tranh luận, giá trị được công nhận. Vấn đề đặt ra phải được giải quyết trên phạm vi rộng lớn, phong trào kịch liên tiếp không thể thu lại trong một hai chương trình diễn xuất. Công việc lựa chọn kịch đem trình bày sẽ khó khăn nếu chúng ta chỉ vồn vện trên tay số vốn hiện thời là bốn, năm vở. Lại còn phải kể tới trường hợp một vở kịch hay nhưng khó dựng hoặ vấp phải những trở lực về hóa trang hay cảnh trí.

Thí dụ: *Buổi Hòa Nhạc Cuối Cùng* của Thanh Tâm Tuyên đọc thì hay nhưng động

tác ít, kịch tính chìm lặng, ẩn giấu trong tâm trạng nhân vật hơn là phơi mở trên diễn tiến của chuyện kịch, đòi hỏi một lối diễn xuất tinh tế mới làm sống được vở kịch trên sân khấu. *Thành Cát Tư Hãn* của Vũ Khắc Khoan với cái không khí vàng son của một triều đại cũ, khi dựng sẽ là cả một vấn đề cho phần trang trí dàn cảnh. *Quán Nửa Khuya* của Trần Lê Nguyễn với lối phân cảnh toàn diện cũng chỉ có thể thích hợp với những sân khấu có một diện tích lớn. Cố nhiên là khi dựng có thể thay đổi, giản dị hóa tất cả, nhưng không ít thì nhiều những thay đổi đó cũng làm sai lạc một phần bộ mặt kịch bản.

Chúng ta phải có những tác phẩm mới, vấn đề đặt ra cho người viết kịch là những tác phẩm mới đó không được bỏ qua hai yếu tố: 1) Viết để dựng. 2) Việc dựng phải thích ứng với phương tiện về hoàn cảnh hiện hữu. Tôi muốn nói rõ: Người viết kịch phải đặt đối tượng cho sáng tác là sân khấu và lớp người thưởng ngoạn. Như vậy đã là phản lại một nguyên tắc căn bản

của sáng tác. Làm thế nào được? Tình trạng sân khấu – hiện tại chẳng những chỉ đòi hỏi những kịch bản giá trị mà những kịch bản đó còn có thể dựng một cách dễ dàng, không tốn kém, đồng thời dành được sự thích thú của lớp người yêu kịch trong trình độ thưởng ngoạn hiện tại của họ nữa. Như thế không có nghĩa là đánh thấp thu hẹp nghệ thuật mà chỉ là nhìn vào sân khấu một cách thực tế.

Những trở lực và những thất bại đã tới không cho phép chúng ta còn có những tham vọng, những ảo tưởng lớn. Đây là nếp sống một gia đình khó và đông con, cái gì cũng phải tính toán không thể phí phạm. Sáng tác phải để diễn, mà diễn thì phải ngó tới những phương tiện và thực trạng của địa hạt trình diễn. Đó là một sự thực đương nhiên không thể chối cãi không thể quên lãng.

Tóm lại, vấn đề kịch bản, chúng ta mới chỉ có một số lượng tối thiểu làm vốn vừa đủ cho một vài đêm kịch và thiếu cho một phong trào

kịch lâu dài rộng lớn. Đòi hỏi ở người viết kịch bây giờ những sáng tác mới, lại đòi hỏi những sáng tác đó phải mang một nội dung thích hợp, một bố cục thuận tiện cho việc trình diễn, là đòi hỏi quá nhiều.

Không có gì chán nản bằng viết xong một vở kịch, đổ mồ hôi nước mắt rồi để đấy. Nhưng việc gì làm được trước cứ phải làm trước. Chờ đợi đến lúc có đủ điều kiện mới viết là gây thêm nỗi phiền hà cho một tình trạng đã sẵn khó khăn. Mặt khác, trong khi chờ đợi đem lên sân khấu, kịch bản vẫn có thể là đầu đề nghiên cứu khảo luận, nó giúp chúng ta duy trì được một tình trạng sinh hoạt thường xuyên và đem lại những lợi ích chung rất đáng kể.

Chúng ta thường thấy một vở kịch viết xong chưa có nghĩa là xong hẳn. Kỹ thuật đặc biệt của kịch và những bất ngờ xảy đến lúc dựng, làm cho một kịch bản thường vẫn phải sửa đi chữa lại, thêm bớt nhiều lần. Điểm này cũng giống như với điện ảnh. Tôi biết vở Bão

Thời Đại đã được tác giả sửa chữa hàng chục lần. Đến tay đạo diễn, lại có những thêm bớt mới. Bạn hữu góp ý kiến lại thêm bớt nữa. Bây giờ giá có dựng, tôi chắc tác giả vẫn lại có thể thay đổi lại hết. Vì những lý do trên mà ngay từ bây giờ chúng ta phải có những sáng tác mới.

VẤN ĐỀ DIỄN VIÊN

Mấy tháng trước đây nếu tôi không lầm, có một dự định mở lớp hướng dẫn kịch nghệ do một số anh em có ít nhiều kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn phụ trách, nhưng rồi vì vấn đề hợp thức hóa khó khăn lại không thành. Thật là một điều đáng tiếc. Năm ngoái, ngành kịch ở đây cũng có một dự định tương tự không thành như vậy. Chính quyền hay đoàn thể hay tư nhân, bất cứ ai có điều kiện tổ chức những lớp hướng dẫn đều phải thực hiện công việc ấy bằng được. Không hẳn là chúng ta đứng trong tình trạng thiếu diễn viên. Chúng ta có những diễn viên kinh nghiệm và thông minh đủ khả năng làm sống bất cứ một nhân vật kịch nào.

Nhưng vấn đề đào luyện lớp diễn viên mới khẩn cấp ở hai điểm:

1) Hiện nay có biết bao nhiêu bạn trẻ yêu thích sân khấu đang chờ đợi những lớp hướng dẫn như vậy để năng khiếu được phát huy một cách tốt đẹp và chắc chắn. Nước nào trên thế giới cùng nhan nhản những trường hướng dẫn cho đạo diễn cho diễn viên. Vấn đề học tập kỹ thuật diễn xuất chẳng những cần thiết cho những người mới bước vào địa hạt kịch mà cả cho những diễn viên đã thành thục với sân khấu. Trường hợp những tài tử trứ danh về sân khấu điện ảnh quốc tế đã tới đỉnh danh vọng còn quay về trường học tập là một điều đáng cho chúng ta suy nghĩ.

2) Đúng về mặt thực tế, những lớp hướng dẫn làm vui thêm không khí sinh hoạt chung, duy trì sự có mặt của sân khấu trong đời sống thường nhật. Đã tới lúc nghệ thuật sân khấu phải được chuyên môn hóa. Kịch gia diễn viên phải có một cái vốn căn bản nghệ thuật tối thiểu

để làm trọn vai trò mình. Một vài vở kịch đã được diễn trong những đại nhạc hội ở đây với lối diễn xuất hoặc quê mùa, hoặc ngớ ngẩn vô ý thức, phản bội nội dung và ý nghĩa kịch bản. Chính vì những diễn viên đạo diễn thiếu căn bản đã xem sân khấu là một góc buồng ngủ, kịch là tuồng cương và diễn là một vấn đề tùy hứng. Đã hết lúc chơi kịch. Đã tới lúc làm kịch.

Quy luật và nguyên tắc của nghệ thuật sân khấu không chỉ đòi hỏi ở chúng ta một năng khiếu riêng, lòng say mê, mà còn là một cái vốn hiểu biết không thể có được ngoài sự học tập có phương pháp hướng dẫn. Saigon đã có những trường hướng dẫn về hội họa về âm nhạc mà tại sao đến nay vẫn chưa có một trường hướng dẫn về kịch nghệ? Thật khó hiểu. Hay tại sân khấu không “chính thức” như hội họa, âm nhạc? Hay tại chúng ta đã bằng lòng với những thứ mệnh danh là quái kiệt là thần đồng? Tôi yêu kịch nhưng tôi chỉ có những hiểu biết rất tương đối về sân khấu. Nếu có một lớp hướng dẫn được mở ra ở đây tôi sẽ là người đầu tiên

đến ghi tên. Hàng nghìn người yêu kịch chắc cũng nghĩ như tôi. Những lớp hướng dẫn kịch nghệ phải được mở ra, những người có năng khiếu phải được đào luyện sẵn sàng. Như đối với vấn đề kịch bản, họ cũng sẽ là cái “vốn” ứng đáp cho mọi nhu cầu cần thiết, một khi phong trào kịch có cơ thuận tiện dấy lên.

BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Đặt vấn đề cho kịch, thì còn thật nhiều vấn đề. Nói tới kịch bản tới diễn viên mới chỉ là nói tới cái việc gây vốn, giải quyết mấy vấn đề có thể thực hiện bất cứ lúc nào, trong phạm vi cá nhân trong khi chờ đợi sửa soạn cho một phong trào kịch rộng lớn thành hình. Có những vấn đề khác không kém phần trọng đại, có khi hơn, như thuê rạp, tìm sân khấu, lựa chọn địa điểm tập dượt và trình diễn thích hợp, vấn đề phong cảnh, phân phối công việc hợp lý, và sau hết, vấn đề gai góc nhất là tiền, cái cơ sở thực tế nó quyết định hết thảy hoạt động nào phải tiếp

xúc với thực tế, thì tôi lại không đề cập tới ở đây.

Tại sao? Tại vì những vấn đề này đã vượt khỏi phạm vi giải quyết của cá nhân, chúng thường đặt ra liên khít với lúc trình diễn, Nói tới giải quyết phải là sau khi sân khấu đã có một tổ chức mạnh mẽ và hữu hiệu, với đầy đủ năng lực và quyền hạn để đảm nhiệm tất cả những công việc đó. Sân khấu muốn phát triển theo một hướng tiến nào vẫn phải đặt lại vấn đề tổ chức. Nhìn trở lại những nguyên nhân thất bại của hầu hết, các hoạt động lớn nhỏ từ trước đến nay, kinh nghiệm vẫn là: thiếu tổ chức. Những người yêu kịch của chúng ta bắt tay vào việc thường vì lòng say mê, sau một quyết định vội vã, kết quả một phút cao hứng, không lường đoán được một cách thực tế những trở lực vĩ đại tích lũy trước cửa ngõ sân khấu.

Vào sân khấu với một tâm hồn nghệ thuật không đủ. Phải xây dựng nó bằng một lực lượng tinh thần và vật chất kết hợp lại, lực

lượng đó đủ uy thế giải quyết mọi vấn đề, từ lớn đến nhỏ. Viết kịch là một hành động nghệ thuật. Làm kịch là nhúng tay vào tất cả những phiền hà thực tế. Tôi chắc người nào đã từng bắt tay ít nhiều vào hoạt động sân khấu trong thời gian mấy năm trở lại đây sẽ không thấy vấn đề dung dị như chúng ta tưởng, nó không thu trong việc thể hiện một nội dung kịch bản, không chỉ giới hạn trong phạm vi tiền và hậu trường, mà nó còn bề bộn còn linh tinh còn phức biệt như một xã hội.

Trong điều kiện thực tế của sân khấu Việt Nam, một người không thể làm kịch, một nhóm không thể làm kịch. Xưởng Kịch Tin Yêu của Trần Lê Nguyễn không thể thực hiện nổi mặc dầu tổ chức khoa học và kế hoạch tỉ mỉ vì chỉ có một nhóm với Trần Lê Nguyễn.

Một tổ chức kịch muốn đạt tới kết quả, tôi nói tối thiểu là một vài buổi diễn, nền tảng phải được xây dựng trên một phạm vi tối đa, xét theo trở lực và điều kiện, không khí hiện tại

của sân khấu. Tính vừa là hụt. Phải tính rộng thì hụt lại là vừa. Những nhóm kịch đang loay hoay đặt những nền tảng đầu tiên sẽ thất bại và những tổ chức sắp tới khác cũng sẽ thất bại nếu không xây dựng trên cái quy mô rộng lớn nhất, nghĩa là sự thực hiện phải chắc chắn trên từng điểm một của chương trình. Tổ chức sân khấu không chấp nhận sự tình cờ và sự may rủi. Nó là một con toán phải được tìm thấy đáp số. Từ trước tới nay sở dĩ chúng ta thất bại vì cái tinh thần biệt phái chúng ta đưa vào tổ chức kịch, vì những hoạt động riêng lẻ âm thầm chỉ là những hòn đá ném đi và rơi xuống nửa chừng đường. Lập luận rằng: nhỏ làm nhỏ, lớn làm lớn, có sao làm vậy, không thể đúng cho sân khấu. Kinh nghiệm đã nói với chúng ta như vậy. Đã tới lúc phải vượt khỏi hình thức nhóm, hội.

Phương thức giải quyết cuối cùng cho sân khấu là phải chính thức và công khai hóa vấn đề sân khấu. Nói cụ thể hơn, phải tiến tới thành lập Hội Sân Khấu Việt Nam, quy tụ trong tổ

chức thống nhất này tất cả mọi khả năng và lực lượng, phối hợp mọi chương trình hành động trong một chương trình kế hoạch thống nhất. Không thể có một lối thoát khác và tôi cũng không nói đây là một khám phá. Tất cả mọi người đã tham gia sinh hoạt sân khấu chắc cũng đã nghĩ như tôi và bây giờ nhận thức là chỉ có lối thoát ấy. Sự thực thì sau những thất bại đầu tiên chúng ta đã nghĩ ngay tới điều đó nhưng rồi nếp sinh hoạt cách biệt và những quan điểm dị đồng lại đẩy lui chúng ta về những khoảng đất riêng lẻ cũ, ở đó trong suốt bốn năm nay bao nhiêu thiện chí cố gắng chỉ là những phát đạn tầm đi quá yếu không sao bắn thẳng được cái thành lũy trở lực.

Bây giờ thì khởi hành lại. Và lần này phải đi bằng đường lớn. Kịch bản xếp đồng đã âm mục. Sân khấu hoang vắng tưởng như cỏ dại đã lấp kín. Ngõ thoát duy nhất nằm trong sự thành hình một Hội Sân Khấu Việt Nam với đầy đủ tính chất công khai và chính thức của nó.

Thực tình tôi không nhìn thấy ngõ thoát nào khác. Sự chậm muộn không cho phép kéo dài những cuộc thăm dò. Bài học kinh nghiệm của bốn năm đã đắt lắm và không thể trả thêm.

Hội Sân Khấu Việt Nam, cứu cánh cuối cùng của sân khấu, sẽ được tổ chức như thế nào, phạm vi và phương hướng hoạt động ra sao, sau này tất cả chúng ta sẽ quyết định. Tôi nói tất cả, vì tôi chắc chắn sự tham dự sẽ nồng nhiệt, và điều kiện, toàn thể. Chúng ta phải nghĩ ngay tới vấn đề đó. Tôi không cố động sự đình chỉ những hoạt động riêng lẻ. Nhưng thiết tưởng rằng cái việc đáng làm nhất bây giờ vẫn là cái việc tổ chức lại.

Ngày nào Hội Sân Khấu Việt Nam thành hình lập tức sân khấu sẽ có những chuyển mình lớn. Tôi tin tưởng như vậy. Trước một tổ chức chính thức và đường hoàng, mỗi người một nhiệm vụ nhất định, trở lực sẽ nhỏ lại. Mọi hoạt động sẽ dễ dàng, ngõ thoát sẽ phá vỡ. Chứ bây giờ mỗi nhóm một nơi, mạnh ai làm

nấy thì hoạt động nào cũng vẫn nhìn trước cái kết quả của nó. Chúng ta phải thành lập ngay Hội Sân Khấu Việt Nam, khi ở đâu lại tất cả từ tổ chức đó.

Đó là trọng tâm việc làm khẩn cấp nhất của tất cả những người có lòng với sân khấu, nhìn vào nó một cách sáng suốt thực tiễn, nhận định đúng hiện tình đang yên ngủ của nó. Bởi vì nếu không có một yếu tố mới thì cái tình trạng bần bật yên ngủ của sân khấu vẫn còn cứ kéo dài không biết đến bao giờ.

KẾT LUẬN

Mục đích bài viết này không có tham vọng gì hơn là gióng lên một tiếng chuông nhắc nhở. Mặc dầu nhận thức được trọn vẹn tính chất thiết yếu của nó, chúng ta ít nói đến sân khấu quá. Sự im tiếng này làm cho sân khấu đã im tiếng càng chìm sâu mãi vào lãng quên.

Sáng Tạo đến nay đã tới số 20, mới chỉ có một bài Sân khấu và vấn đề xây dựng con người

của Vũ Khắc Khoan đăng trong số 1, là một bằng chứng. Những quan niệm sáng tác kịch, những sáng kiến tổ chức và kinh nghiệm cá nhân, phải được trao đổi và ghi lại trên mực đen giấy trắng. Bộ môn nghệ thuật này phải được chứng minh là vẫn đứng hàng đầu trong sinh hoạt của chúng ta. Một không khí thuận tiện phải được duy trì cho tới ngày thành lập được Hội Sân khấu. Hãy tìm phương pháp chấm dứt thảm kịch của ngành kịch. Để ngay từ bây giờ, sân khấu mỗi khi được nhắc tới không đến nỗi vẫn chỉ là một tâm trạng nhớ thương gửi về những mùa kịch huy hoàng cũ.

MAI THẢO

PHÂN TÍCH NGHỆ THUẬT

NGUYỄN DUY DIỄN

ÁCH đây ít lâu, sau khi đọc một đoạn giảng về kỹ thuật bố trí khung cảnh của Nguyễn Khuyến trong bài Thu điếu: nào là kỹ thuật lũy tiến, kỹ thuật tiệm tiến, kỹ thuật xếp lớp, kỹ thuật dùng đối tượng v. v.... một học sinh ở lớp Đề Nhị có tới gặp tôi và đề ra một thắc mắc:

– Phải chăng đó là dụng ý của tác giả hay chỉ là kết do sự phân tích của nhà phê bình thích “chẻ sợi tóc ra làm tư”?

Ngay về phần riêng tôi, khi bàn về kỹ thuật

tả cảnh của Nguyễn Du trong hai câu:

Triều cao non bạc trùng trùng,

Với trong còn tưởng cánh hồng lúc gieo.

tôi cũng được một vài bạn học sinh ở lớp Đề Nhị sinh ngữ đề ra thắc mắc tương tự như trên nghĩa là rất hoài nghi không chắc đó có phải là dụng ý thực của cụ Tiên Điền không. Sự thắc mắc trên đây không phải chỉ nhóm khởi trong giới học sinh mà còn lan rộng ra cả trong phạm vi của một số trí thức nữa.

Mà thực vậy, một hôm nhân khi bàn tới một cuốn sách nghiên cứu khá công phu về truyện Kiều mới xuất bản, một ông bạn nhà văn có nói với tôi một câu nửa đùa, nửa thực:

– Giá cụ Tiên Điền mà sống lại, đọc những tác phẩm của những kẻ hậu sinh phân tích về tư tưởng, tâm sự, nghệ thuật văn chương mình, có lẽ cụ ngạc nhiên, hoảng hốt và rồi sẽ chết

luôn để không bao giờ dám xin sống lại nữa.

Câu nói mỉa mai của nhà văn nọ quả ứng nghiệm, nhưng lần này không phải là cụ Tiên Diễm sống lại, mà là một nhà văn trứ danh hiện còn sống và cũng rất quen biết của chúng ta, một hôm nhân nói về một tác phẩm mới xuất bản có mục đích phân tích nghệ thuật văn chương của mình, đã mỉm cười ngỏ ý kiến với tôi:

– Đọc những đoạn phân tích về nghệ thuật tả cảnh, tôi không khỏi ngạc nhiên vì tác giả đã áp dụng nào là luật cận, viễn, nào là phép xếp đặt các lớp lang, phép pha trộn màu sắc và ánh sáng, phép biến nét v.v... để “mổ xẻ” từng đoạn văn của tôi – Những điều đó quả thực tôi không hề nghĩ tới bao giờ hết. Tôi viết một cách giản dị, hồn nhiên chứ đâu có thời giờ để mà xếp đặt với dụng ý này hay dụng ý nọ như điều mà tác giả đã gán ghép.

Câu nói trên đây của nhà văn trứ danh nọ

làm cho tôi chợt nhớ tới câu nói của thi sĩ Paul Valéry: sau khi ngồi nghe hàng người một học giả diễn thuyết về cái hay trong một bài thơ của mình, thi sĩ Paul Valéry, đợi cuộc diễn thuyết bế mạc, đã tìm tới bắt tay diễn giả và nói:

– Nhờ có ngài mà tôi mới có thể hiểu nổi được thơ của... tôi.

Câu nói đó, mới nghe, tưởng là có tính cách mỉa mai khéo léo, nhưng nếu xét cho kỹ thì cũng có thể là câu nói rất thành thực nữa. Tới đây hẳn cô người mỉm cười ngờ vực: “Nhất định là mỉa mai, chứ thành thực thế nào: Chẳng lẽ một tác giả lại không hiểu thơ mình mà phải cần một người khác giảng giúp ư?”

Trường hợp giảng hộ này, nếu tôi không lầm, đã nhiều lần xảy ra. Nhưng quan trọng hơn cả có lẽ là trường hợp của nhà đại danh họa Picasso... Sau khi đã chán các trường họa, Picasso liền “phát minh” ra lối tranh lập thể. Nhưng lúc đầu, những tranh lập thể của Pi-

casso chưa được công chúng có cảm tình chỉ vì ông chưa giải thích được sự phát minh của mình một cách hợp lý – hay nói một cách khác chưa làm cho quần chúng cảm thông được cái “đẹp mới” của trường lập thể – chưa làm cho quần chúng cảm thông được như vậy chính là vì ông chưa thấu triệt được mọi cạnh góc của cái đẹp do ông xướng xuất ra. Nhưng sau phải nhờ có Apollinaire một nhà phê bình văn nghệ hơn là một họa sĩ, đã lần lượt đem những tác phẩm lập thể của Picasso ra để phân tích từng điểm, nêu lên những sự tìm tòi mới lạ, từ đó quần chúng mới cảm thông được cái đẹp, xô vào hoan nghênh nhiệt liệt Picasso – Và trường họa lập thể từ đó mới trở nên một trường hóa có lý thuyết vững vàng, mang trong mình nó một triết lý của thời đại.

Như vậy không phải là dám nói các văn nhân, nghệ sĩ đã không ý thức nổi về cái “đẹp” do mình tạo ra mà chỉ là để nêu lên một sự thực mà chúng ta cần hiểu nguyên do.

Các văn nhân, nghệ sĩ nổi danh đều là những thiên tài – điều đó là một sự hiển nhiên không ai có thể chối cãi. Ở họ là nơi tập trung những nỗi vui, buồn, đau khổ của thời đại cũng như tinh hoa của cái đẹp muôn đời. Tất cả đều thấm nhập vào tâm hồn họ, dù là hình ảnh thoáng qua của một chiếc lá lìa cành, dù là tiếng tách rạn của một chiếc vỏ cây căng nhựa trong một ngày nắng mới, dù là cái màu sắc chập chờn của một hồn hoa đương rã cánh trong đêm sương tịch mịch, dù là cái chớp mắt rất nhẹ của một người đẹp thoáng qua không hò hẹn v. v... Tất cả đều đảo lộn xoay chiều để rồi nằm lắng sâu trong cõi u minh của tiềm thức: đó chính là cái vốn rung cảm phong phú của con người nghệ sĩ vậy.

Rồi tới khi họ bút xuống mặt giấy hay lên khung vải để sáng tác, người nghệ sĩ đi diễn tả một cách hồn nhiên, thoải mái, nhưng có biết đâu những tình cảm dào dạt, xen lẫn với những hình ảnh mong manh chìm lặn trong cõi tiềm thức vụt theo nhau “bật” lên, quẩn vào lời

thơ, vào nét họa, vào dấu nhạc một cách vô thức (inconsciemment) mà chính người nghệ sĩ không mấy khi ngờ tới. Sau khi đã sáng tác, người nghệ sĩ thỏa mãn, cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm thênh thang, và như thế đã là đủ rồi. Cho nên người nghệ sĩ là con người diễn tả cái đẹp chứ không phải là con người phân tích cái đẹp, diễn tả tư tưởng chứ không phải phân tích giải phẫu tư tưởng. Do đó, họ thỏa mãn mà không cần phải tìm hiểu tại sao mình thỏa mãn. Họ nhìn thấy cái đẹp của tác phẩm mình nhưng không cần phải phân tích cái đẹp một cách tỉ mỉ, đặt nó vào hệ thống chặt chẽ.

Sống trong thế giới huyền diệu của lý tưởng, thoát ly mọi ràng buộc của cuộc sống, nên họ không khỏi ngạc nhiên khi thấy các nhà phê bình đem tác phẩm của họ ra mà phanh phui, mổ xẻ, đưa lưỡi dao sắc bén để len lõi vào tận cội tiềm thức của họ, khai quật lên những tư tưởng, những tình cảm, những hình ảnh cũng như những màu sắc hỗn loạn. Họ ngạc nhiên, họ hoảng hốt cho rằng đó chỉ là những chuyện

vẽ với, “họa xà thêm túc” của những nhà phê bình muốn hệ thống hóa tất cả, và lôi họ từ thế giới tự do, phóng khoáng vào một thế giới “nhân công” tầm thường.

Nhưng nếu tĩnh tâm để suy tưởng thì họ không khỏi nhận rằng những điều mà các nhà phê bình nêu lên là những điều mà đa số có thực. Chỉ vì nó nằm lúi sâu trong tiềm thức và vụt hiện ra dưới dòng chữ, dưới nét họa một cách tự nhiên, vô thức, nên người nghệ sĩ không kịp nhận thấy cái hệ thống liên tục, có lý do gián tiếp đó thôi. Một chứng cứ là tại sao cũng một câu thơ, cũng một đoạn văn, cũng một bản nhạc, cũng một bức họa, nghĩa là cũng từng ấy tiếng, từng ấy câu, từng ấy dấu, từng ấy nét, từng ấy màu sắc mà dưới bàn tay của một người bình thường, nhà phê bình, dù cố gắng đến đâu, cũng chẳng tìm thấy gì xứng đáng để mà phân tích, ấy thế mà dưới bàn tay của một thiên tài, nhà phê bình tìm thấy không biết bao thú để mà bàn bạc, phân tích, cảm thông. Họ có thể lần lượt khám phá được mãi – mà không

bao giờ cạn nguồn cảm hứng – những vẻ đẹp kỳ diệu, mệnh mang, sâu sắc ẩn náu dưới mỗi hàng chữ, ở mỗi nét họa, ở mỗi điệu nhạc.

Từ trước đến giờ đã có biết bao nhiêu cuốn sách bàn về cái hay, cái đẹp của truyện Kiều, và sau này sẽ còn có bao nhiêu cuốn sách bàn về cái hay, cái đẹp của truyện Kiều nữa. Người thì nhìn nó dưới cạnh góc này, kẻ thì nhìn nó dưới cạnh góc khác. Và có thể nói: có bao nhiêu nhà phê bình thì có từng ấy cạnh góc nhận xét. Đúng như câu nhà văn nào đó đã nói ở trên:

– Nếu cụ Tiên Điền mà sống lại, đọc những tác phẩm của những kẻ hậu sinh nghiên cứu về tư tưởng, tâm sự và nghệ thuật văn chương mình, có lẽ cụ ngạc nhiên....

Nhưng bảo là: cụ sẽ chết luôn để không bao giờ xin sống lại nữa, thì e không đúng. Cụ có thể ngạc nhiên trong lúc đầu, nhưng chỉ trong một thời gian suy tưởng, cụ sẽ không khỏi nhận thấy sự khám phá của những kẻ hậu

sinh quả có nhiều lý do tồn tại. Nó đã bắt gặp những điều mong manh nằm sâu trong cõi u minh của tâm hồn cụ, mà từ trước đến giờ, những màu sắc xôn xao, những nhạc điệu nao nức của cuộc sống đã làm cho nó bị lấn át. Và tôi tin rằng cụ sẽ không muốn chết, mà còn muốn sống mãi mãi, sống bất diệt, sống vĩnh viễn để có thời gian mà “bắt gặp mình” nghĩa là để “hiểu mình”, “thương mình”, “yêu mình” qua những tác phẩm phân tích nghệ thuật văn chương truyện Kiều vậy.

* * *

Trình bày những điểm như trên, chúng tôi không có mục đích gì khác là để nhấn mạnh rằng: Phân tích nghệ thuật là một công việc khám phá cái đẹp – không phải cái đẹp vẽ vờ, bịa đặt — mà là cái đẹp đã sẵn có từ muôn thuở trong bản thân tác phẩm cũng như trong cõi u minh của tâm hồn con người nghệ sĩ.

NGUYỄN DUY DIỄN

KỂ TRONG ĐÊM KHUYA

VÕ PHIẾN

VÀO khoảng tám giờ sáng hôm đó, lúc người bạn đưa tôi đến căn phòng ấy thì chẳng có một ai ở nhà. Nhưng trong nhà có đến sáu bảy chiếc va-li lớn, nhỏ, màu sắc khác nhau. Trên cái bàn học gần cửa sổ trước là hai chồng sách vở, với một ít bút, mực, sổ con vút lộn xộn. Nhìn chung quanh những giày guốc la liệt, những quần áo vắt trên giá mũng, trên lưng ghế, cách bày biện giường phản v. v... thì thực là bừa bãi, thiếu trật tự. Nhưng trông riêng cách xếp đặt trên một vài chỗ nằm thì cũng thấy có dấu vết những bàn tay cẩn thận, chu đáo, ngăn nắp. Cái cẩn thận ở đây chỉ đủ lo cho thơm tất sạch sẽ tại chỗ phần riêng của

mình mà thôi, chứ không quan tâm đến toàn thể.

Chúng tôi thay đồ đặc tắm rửa, nói cười tự do như ở nhà mình. Bạn tôi cắt nghĩa rằng ở đây không có đàn bà. Nhà này do sở hỏa xa thuê cho một viên chức độc thân ở. Người ấy rủ thêm hai bạn đồng nghiệp và hai người em họ – học sinh trung học – đến ở chung. Các viên chức hỏa xa làm việc trên xe, đi đi về về bất thường, ăn cơm tháng ở tiệm. Căn nhà thuộc về năm người đàn ông, chẳng ai buồn để ý đến trách nhiệm cai quản, người nào cũng có quyền thỉnh thoảng rủ về đôi ba anh em bạn tự do đùa giỡn, ngủ lại trên giường những kẻ vắng mặt. Và các nhân viên hỏa xa thì thường vắng hay vắng mặt đôi ba ngày liền. Trong nhà ấy bạn của người nào người ấy tiếp, những kẻ khác thản nhiên, không lưu ý.

Rủ nhau đi ăn uống xong, trở về nhà thì mới vừa mười giờ sáng. Tuy nhiên chúng tôi cứ lên giường, buông mùng, ngủ, để bù lại đêm

trước phải thức trên tàu. Lúc tôi giật mình thức dậy thì trong nhà nghe náo nhiệt ồn ào. Không biết là một hay hai giờ trưa. Cũng không biết lúc đó từ phòng trước đến phòng sau tất cả có bao nhiêu người, mấy chủ mấy khách, chỉ nghe tiếng guốc kéo lê, tiếng nói cười tự do hể hả. Không ai quan tâm đến sự hiện diện của tôi. Vẫn nằm im lặng, tôi mở mắt. Giữa phòng một người vạm vỡ, mặc quần cụt, áo may-ô quay lưng lại phía tôi đang cúi húi lau chiếc mô-bi-lét. Trước cái bàn bên cạnh, một thanh niên có lẽ chưa đến ba mươi tuổi, ngồi quay mặt về phía tôi, gác cả hai chân lên bàn, cắt móng tay. Chợt anh ta ngước mắt lên ngó về phía giường tôi nằm. Tôi vừa kịp nhắm mắt lại. Anh ta lại ngó xuống các ngón tay. Tôi hé mở hai mắt, nhìn qua lông nheo, tò mò quan sát. Người thanh niên ấy có một khuôn mặt đẹp kiểu con gái, da trắng, môi đỏ, mái tóc rất đen, nhưng không được chải. Sự chăm chú của anh ta khiến tôi bắt chước trông theo xuống hai bàn tay: các ngón tay đều dài, rất dài, dài đến hơi khác thường và trông mềm nhũn. Lưng bàn tay có

nhiều da đùn lại.

Qua giấc ngủ trưa ngon lành, trong người khỏe khoắn tôi muốn nằm yên kéo dài cái cảm giác khoan khoái, nên vô tình ngắm nghía người thanh niên ấy khá lâu. Dần dần tôi để ý đến một điểm đặc biệt là từ trên mặt cho đến hai bàn tay của anh ta luôn luôn có những rung động, cựa quậy, những rúa run khe khẽ, nhấc nhòe, giậm giật. Những ngón tay dài và run rẩy ấy khiến tôi nghĩ đến những cử chỉ lúng túng, ngượng nghịu. Khi cắt xong móng tay, anh ta đưa bàn tay trái lên ấp lấy cổ. Các bắp thịt dưới hai mí mắt của anh ta thay nhau rung rung như những làn sóng nhỏ dồn tới vã vào bờ mi mắt. Anh ta có tật thỉnh thoảng khịt mũi một cái. Tôi đang theo dõi những ngộ nghĩnh ấy thì anh ta lại ngó về phía tôi nằm. Tôi vội vàng nhắm mắt. Rồi anh ta quay đi, tôi lại hé mắt nhìn. Cứ thế ba, bốn lần liên tiếp. Chợt tôi nghĩ rằng có lẽ tôi đang nằm trên giường của anh ta, khiến anh mất một giấc ngủ trưa. Cử chỉ mỗi lúc quay lại ngó chừng đó có một ý

nghĩa chờ đợi. Đúng rồi, cái cách buông xuôi thân hình mềm oặt trên ghế ấy, cái lối ngồi gác cả chân lên bàn ấy chính là một cách nằm bất đắc dĩ. Rõ ràng là một biểu lộ mệt mỏi. Có lẽ anh ta vừa trải qua một đêm và nửa ngày trên tàu! Tôi ân hận, áy náy. Anh ta chợt quay nhìn. Bất giác tôi lại nhắm mắt. Nhưng muộn quá, tôi có cảm giác anh ta đã bắt gặp ánh mắt tôi. Sau một phút ngập ngừng, tôi mím môi, mở mắt nhìn thẳng vào anh ta, khoát mừng ngồi dậy. Anh ta cũng cười, rút hai chân bỏ xuống đất. Chúng tôi bắt tay nhau. Tôi có cảm tưởng đang siết một bàn tay nhỏ bằng nửa bàn tay vừa trông thấy. Tay anh ta mềm nhẽo, ấm hâm hẩm, và ướt dâm dấp. Có lẽ anh ta cũng có ý thức về sự khác thường của bàn tay mình nên rút tay ra rất nhanh. Chúng tôi trao đổi với nhau năm ba câu rồi bước ra phòng ngoài để cho anh ta nằm nghỉ.

Đó là lần đầu tiên chúng tôi tiếp xúc nhau. Tôi không ngờ sau đó mười hai giờ tôi được nghe câu chuyện tâm sự mà anh ta bảo là “quan

trọng nhất trong đời” anh ta.

Một điều đáng nói nữa là suốt buổi chiều hôm đó chúng tôi không gặp nhau. Gần bảy giờ tối tôi đang thơ thẩn ở một góc phố tình cờ trông thấy anh ta. Tôi sực nhờ sự quấy rầy của mình khi trưa, muốn chuộc lại bằng một thái độ vốn vã thân mật. Tôi tiến lên chào trước, và chúng tôi cùng đi dạo với nhau. Qua những lời chuyện trò, anh ta tỏ ra là một người rất khiêm tốn, dễ thương. Tôi rủ anh ta vào một tiệm giải khát. Lúc ra khỏi tiệm cả hai chúng tôi đều viện lý do có việc riêng để chia tay. Nét mặt anh ta lúc đó tôi nhớ rõ không hẳn là vui tươi, nhưng biểu lộ một vẻ thanh thoi thích thú. Anh ta vừa đi vừa huýt sáo nhỏ nhỏ.

Chín giờ đêm tối về nhà trọ. Một người học sinh ở trên, mặc quần cụt ngồi học bài trước bàn. Giữa nhà, anh nhân viên hoa xa chủ nhà đang đọc một tờ báo hàng ngày vừa phát hành buổi tối. Đang phân vân không biết đêm nay Thiện người bạn đã nhường giường cho tôi hồi

trưa – có về không, tôi đang lo về chỗ nằm của mình. Tôi lên tiếng hỏi:

– Hình như anh Thiện lại đi làm việc đêm?

Người chủ nhà ngược lên nói:

– Không, đêm nay anh ấy nghỉ. 6 giờ sáng mai mới phải theo chuyến tàu Sài Gòn Tuy Hòa. Tôi vừa trông thấy anh ấy về nhà thay đồ rồi kia mà! Có lẽ đang ở ngoài phòng tắm.

Anh ta ngó quanh quất có vẻ tìm kiếm, rồi cúi xuống định tiếp tục đọc báo. Bỗng anh ta vụt ngẩng lên, nói thêm:

– À, anh cứ lên giường tôi mà nghỉ. Nhà còn mấy cái ghế bố nữa. Còn nhiều chỗ ngủ chán – Tha hồ mà!

Tôi chợt nhớ lại lúc đi vào nhà có trông thấy một người ngồi trong bóng tối, ngoài hiên lâu, ngã nép mình sát trên thành bao lớn, như

chăm chú nhìn xuống đường. Có lẽ đó là Thiện.

Tôi bước ra, đến gần một bên, nhận ra quả là Thiện. Nhưng anh ta vẫn không hay biết. Tôi đặt một tay lên vai, hỏi:

– Suy nghĩ gì ghê thế?

Anh ta giựt mình, quay lại. Tôi không thể trông rõ nét mặt anh ta như thế nào, nhưng giọng nói thì hoàn toàn khác với ban chiều. Giọng nói ấp úng của một người mất hết bình tĩnh. Tôi đứng bên cạnh anh ta một lúc lâu trong bóng tối, mà cả hai không nói gì với nhau. Anh ta vẫn nhìn xuống đường như rất chăm chú. Trông từ trên cao xuống, đường Trần Hưng Đạo với những chiếc xe đạp lướt đi sát đất, những nhóm người cử động vầy la mà không có tiếng, những hoạt động lao xao mà gần như lặng lẽ, càng nhìn lâu càng có một cảm giác buồn buồn. Thiện bảo tôi đi nghỉ trước. Tôi vào chưa đến cửa phòng thì gặp anh chủ nhà bước ra, vẻ hấp tấp, y phục chỉnh tề. Thiện

cũng nhìn theo, cho đến khi tiếng giày anh ta mất dưới thang lầu.

Hơn 11 giờ đêm người chủ nhà vẫn chưa về, tôi ra đóng cửa để ngủ thì không còn thấy Thiện ngồi trước hiên lầu nữa. Nhưng khi tôi với tay kéo cánh cửa sổ cuối cùng thì anh ta vừa bước đến, ánh đèn trong nhà chiếu lên nét mặt bơ phờ và lên mái tóc đen ướt xịu: anh ta vừa đi dạo ngoài trời về. Tôi mở cửa hỏi:

– Anh vào nghỉ chứ? Đi đâu về khuya thế?

Anh ta đang sắp sửa ngồi lại chỗ cũ, nhưng vội vàng nói:

– Vâng, vâng.

Và anh ta bước vào. Vừa ngả lưng lên giường, tôi vừa hỏi:

– Đêm nay chắc anh có chuyện buồn?

Anh ta nhìn tôi, cố gắng nhích miệng cười mà không trả lời. Vào khoảng hơn một giờ sáng tôi nghe tiếng cửa đập lại thục mạnh, tôi giật mình thức giấc. Đèn trong phòng vẫn sáng. Ở giường bên cạnh không có Thiện. Một lát sau anh ta bước vào. Tôi nằm suy nghĩ vẩn vơ, e ngại về thái độ bứt rứt đau khổ của anh ta, không biết nên can thiệp bằng cách nào. Nếu anh ta bị sốt hay bị một vết thương ngoài da thì thực dễ dàng, nhưng đối với những chuyện tâm sự của anh ta thì một thái độ sống sã của tôi có thể lộ bịch: chúng tôi mới biết nhau có một ngày. Tôi xoay người lại, nằm nghiêng, lặng lẽ nhìn anh ta ngửa mặt hút thuốc. Một lúc sau anh ta nhồm dậy bùng cái tàn thuốc và gặp tôi đang nhìn. Anh ta mỉm cười vụng về, như bảo tôi đừng quan tâm, rồi quay mặt vào phía trong vách, nhưng không hiểu nghĩ thế nào, vài phút sau anh ta bỗng quay ra, nói với tôi bằng cái giọng như tiếp tục một câu chuyện thân mật đã kéo dài từ lâu:

– Con người ta thường âm thầm thâm dặt

sự việc để gây ra những đau khổ rắc rối quá sức. Tự mình gây cho mình. Cái phần ảnh hưởng của hoàn cảnh chung quanh đối với sự sướng khổ của một đời người thực ít. Cuộc đời thân nhiên biết đâu đến những dày vò vô cơ mà mỗi người tự gây ra để chịu đựng phải không anh?

Đến lượt tôi mỉm cười gượng gạo, không hiểu ý định của anh ta. Im một lúc. Anh ta có vẻ bối rối vì chợt nhận thấy câu nói của mình trịnh trọng mà ý nghĩa tầm thường quá. Anh ta muốn làm cái gì để thanh minh, muốn cố gắng chứng tỏ rằng sự thực mà anh ta đang sống không phải tầm thường như thế. Anh ta khịt khịt liên tiếp mấy cái, quật một tay ra sau, với lấy một tờ báo hằng ngày đưa cho tôi, rồi chỉ vào một cột tin vặt ở trang tư. Tôi đọc:

TỰ TỬ HAY ÁM SÁT? Đô Thành – Hồi 9 giờ 30 ngày 6-2 tại nhà cô Châu Thị C... ở đường Cao Đạt, gần nhà đèn Chợ Quán, có xảy ra một vụ án mạng mà nguyên do còn ở trong vòng bí mật: Người xấu số nói trên là một thiếu

phụ 25 tuổi, làm nghề cô đỡ, có chồng hiện làm việc tại một hãng xuất nhập cảng. Theo lời khai của người đẩy tờ giấy thì sáng hôm đó giữa cô và chồng có chuyện bất bình, xích mích nhau, đến khi người đẩy tờ đi chợ về thì thấy cô C... nằm chết trong phòng bên vũng máu, cô có nhiều vết cắt rất sâu. Người chồng lúc ấy không có ở nhà. Nhà chức trách đang tiến hành cuộc điều tra.

Tôi ngẩng lên nhìn Thiện ra ý hỏi thêm, thì gặp anh ta đang ngó chăm vào mặt tôi, môi run run, và khịt mũi hai ba cái liền. Tôi lên tiếng:

– Những dòng văn tắt này là “cái thần nhiên của cuộc đời”. Để so sánh với một đêm không ngủ của anh!

– Đây chắc chắn là xúc động sau cùng, nhưng không phải là xúc động quan trọng nhất mà cô ta đem đến cho tôi đâu. Thế nhưng suốt đời tôi có thể kể như tôi chưa nói một câu nào với cô ta. Và chỉ có một lần tôi ở bên cạnh cô ta

được mười lăm phút thì lại là một trường hợp hoàn toàn tình cờ như mua phải hai cái vé liền số trong rạp hát. Chỉ có vậy mà bao nhiêu rắc rối điên đảo trong một đời.

Anh ta ngồi dậy, ngó về phía giường của hai anh học sinh đang ngủ, rồi rủ tôi bước ra ngoài hiên. Thành phố đã ngừng hoạt động. Trên mặt đường rộng thênh thang một ít xe tắc-xi thấp tẹt lủi đi loang loáng.

Chúng tôi ngồi đối diện nhau nhưng không thấy rõ mặt nhau, vì ngồi trong bóng tối mờ mờ. Anh ta bắt đầu kể:

– Một mùa hè cách đây chín năm, sau khi đậu trung học xong, tôi được một vị giáo sư đem theo gia đình ông ta đi nghỉ mát ở Nha Trang. Mỗi ngày tôi phải hướng dẫn cho hai đứa con trai và một con gái nhỏ của ông ôn lại bài vở trong vài giờ. Công việc thực ra không có gì là khó nhọc cả. Từ sáng sớm cho đến chín giờ chúng tôi chơi ngoài bãi cát. Xế chiều, chúng

tôi lại ra biển. Nhưng tôi cảm thấy tù túng là vì mỗi khi bước về nhà tôi phải dè dặt từng cử chỉ, giữ gìn từng chút trong lúc đứng ngồi, cẩn thận từng lời nói, không khí sinh hoạt ấy thực là khó chịu đối với một người con trai mới lớn, quen sống tự do ở thôn quê như tôi. Cùng một lúc tôi phải chịu tất cả những bức bối do sự rụt rè của một học sinh sống gần bên ông thầy, và của một người ở làng quê đột nhiên phải thích ứng với những lễ lối khuôn phép của một gia đình trí thức sang trọng ở thành thị. Vị giáo sư của tôi là một học giả đi nghỉ mát với tám thùng sách to tướng và những tháng hè năm ấy hình như ông đang nghiên cứu về văn hoá đời Trần. Người vợ – chắc anh đã nghe nói đến bà N.D. Đ. – bà ta cũng có trình độ học thức cao hơn của tôi nhiều. Trong nhà lại còn có một người bạn thông thái là ông T.V.G. do trường Viễn Đông Bác cổ phái vào để khảo về nghệ thuật Chăm. Đó là một người khoảng bốn mươi tuổi, vừa ở Pháp về được ba năm, vóc người to lớn, đeo kính trắng. Ông ta rất thích thú với công việc, thường mang một chiếc máy ảnh đi hàng

tuần vào các làng người Chăm. Khi ông trở về tôi nhớ lần nào trông ông ta cũng hể hả khoan khoái, ông ta thường hát đi hát lại một bài hát lạ lùng trong đó có câu: “Những con chim se sẻ yêu mến những nhà địa lý học” lặp quanh quẩn nhiều lần. Mỗi lần ngồi vào bàn làm việc ông ta quen khoác chiếc áo bờ-lu có thêu một con phượng to tướng nhiều màu sắc sỡ giữa ngực.

Có lẽ tôi hơi dài dòng về các nhân vật trong gia đình. Nhưng như thế để anh thấy rằng tôi bị lạc lõng và cô độc hoàn toàn. Có khi suốt cả hai tuần nhà khảo cứu ấy không có chuyện gì để có dịp nói với tôi vài câu. Bà N.D. Đ có những giao thiệp khách khứa riêng của bà, và thỉnh thoảng giữa tôi và bà có điều gì bàn bạc thì chẳng qua cũng xung quanh việc học hành của mấy đứa con. Còn giữa ba đứa bé và tôi thì chắc anh đã biết là không thể nào có một sự thông hiểu nhau, hoàn toàn thân thiết nhau được. Sự cách biệt về tuổi tác chẳng bao nhiêu nhưng cũng đưa đến những cách biệt tâm lý

sâu sắc. Chúng đang ở tuổi thích vật lộn, vốc cát, bắt còng, thích mang mặt nạ, đeo gươm giả, đọc truyện trinh thám, thích đùa giỡn nghịch ngợm. Tôi thì năm ấy vừa mười tám tuổi, tôi có những xôn xao kín đáo, những mơ mộng rạo rực của tuổi tôi.

Cái tình trạng cô độc tâm tình ấy và tâm lý tự ti mặc cảm của một học sinh quê mùa sống giữa gia đình thông thái và sang trọng của thầy khiến tôi luôn luôn có vẻ dăm chiêu, khắc khổ, vụng về, dáng điệu khép nép khổ sở. Nếu tôi có bạn bè trong thành phố thì có lẽ tôi đã tìm được chỗ thoát. Nhưng tôi lại mới đến Nha Trang lần đầu, ra khỏi gia đình, vị giáo sư là hoàn toàn xa lạ, không có một người thân thuộc quen biết nào. Những giờ nhàn rỗi tôi chỉ thơ thẩn trong phòng một mình, trong lúc mấy đứa trẻ đùa nghịch ngoài vườn. Tôi đọc sách chán rồi lại bên cửa sổ nhìn vợ vẩn.

Không biết tự hôm nào, tôi bắt đầu để ý đến ngôi nhà bên cạnh ấy. Có lẽ không đây

một tuần lễ sau khi đến Nha trang. Cố nhiên là một phần do nó ở ngay trước cửa sổ phòng học, nghĩa là trước mắt tôi. Nhưng không phải chỉ có thế mà khiến tôi có cảm tình với nó, tò mò ngắm nghía nó như rình rập, một hy vọng. Phải còn có những dấu hiệu nào khác, những dấu hiệu nhỏ nhất, có thể là vu vơ nên ngày nay tôi không thể nào nhớ lại nổi, nhưng một linh cảm khiến lúc ấy tôi tin tưởng và hướng về ngôi nhà đó chờ đợi. Cuối cùng, một tối thứ bảy tôi trông thấy cô ta.

– Cô C...?

Thiện ngừng lại, nhìn tôi, như chưa hiểu, rồi anh ta sực nhớ, trả lời:

– Vâng. Cô C. ấy.

Anh ta đưa bàn tay trái ấp lấy cổ, ngồi yên lặng một lúc lâu, thản nhiên ngó lên hàng chữ bằng ống nê-ông đỏ xanh quảng cáo một hiệu la-ve, tắt sáng giữa nền trời khuya. Khi Thiện

tiếp tục thì giọng nói thêm chậm rãi, bình tĩnh:

– Bây giờ chắc là tôi không thể hình dung lại và không thể kể lại đúng những cảm xúc yêu đương của cái thời ấy. Không phải là chúng ta đã đến tuổi già nua nguội lạnh. Nhưng phải nhận rằng ở tuổi chúng ta, về những loại cảm xúc ấy chúng ta không còn được cái mặn nhuệ tinh vi như thời mười tám đôi mươi được. Tôi vừa dùng đến chữ “linh cảm”, kể thì quá đáng. Sự thực có lẽ tôi đã bắt gặp đâu đó trong vườn nhà bên cạnh dấu vết của sự hiện diện một người con gái: hoặc chiếc áo, hoặc cái quai nón màu quá tươi phơi trên dây, hoặc tiếng gọi vô tình của lũ trẻ con hoặc cách bài trí của một căn phòng trống thấp thoáng qua cửa sổ v. v... Nghĩa là không có một bằng cứ cụ thể chắc chắn nào, nhưng các cảm quan thao thức cảnh giác của người con trai mới lớn được báo hiệu một cách mơ hồ.

Tiết tháng ba khô ráo, những đêm khuya vác cuốc đi tháo nước ngoài đồng tôi thường

bắt gặp những con cá to trườn mình trên ruộng khô. Để ý thì thấy bao giờ chúng cũng hướng đúng về phía có rãnh nước chảy. Cái gì đã báo cho chúng biết cách xa trong đêm tối khiến chúng vội trườn mình tới? Có lẽ chúng đã đón nghe trong gió một hơi mát khác thường phất qua trên lớp vảy tinh vi của chúng. Tôi đã lấy một trường hợp so sánh hơi kỳ quặc. Nhưng câu chuyện có thể khiến hình dung được tình trạng giữa cái sinh hoạt gia đình vị giáo sư không khác gì con cá giữa dòng ruộng khô khốc – và cảm giác mơ hồ về một hướng cảm thông.

Bởi vậy tôi khỏi phải nói rằng tôi yêu cô ta. Vì sự thực tôi đã được chuẩn bị để yêu ngay từ khi chưa trông thấy cô. Buổi tối thứ bảy hôm đó, sau bữa cơm tối, ba đứa trẻ cùng đi dạo phố với bà N.D.Đ., một mình tôi còn lại trong phòng học. Tình trạng lẻ loi khiến tôi có thói quen thích chọn chỗ vắng vẻ và thích ở trong bóng tối, có lẽ trong bóng tối ít ra tôi cũng có những cử chỉ tương đối tự do, bớt giữ

gìn khép nép. Vì thế tôi tắt đèn phòng học và bước đến dựa mình bên cửa sổ, nhìn sang nhà láng giềng. Thường thường những lúc như thế hoặc tôi miên man theo đuổi những câu chuyện tình tưởng tượng, hoặc tôi nhớ về cảnh gia đình ở thôn quê, hoặc tôi lẩm nhẩm các câu hát. Bỗng nhiên bên phòng nhà đối diện tôi trông thấy một người con gái, mặc cái áo cụt tay màu hồng, một người con gái rất trẻ, chừng mười sáu tuổi, chắc chắn là một nữ sinh. Cô ta không trắng trẻo nõn nà. Nhưng cái thân hình đang độ phát triển có một vẻ quyến rũ bất chấp mọi tiểu tiết. Mắt cô ta hơi sâu.

Dưới bóng đèn những tia mắt của cô ta quắc lên long lanh sắc sảo lạ kỳ. Tôi không cần nói dài hơn về sắc đẹp và vẻ người cô ta, vì trong dịp này yếu tố đó có lẽ rất ít quan trọng.

Cứ xem cách ăn mặc và cử chỉ tự do của cô ta trong phòng, tôi biết ngay cô không phải là khách. Nhưng tại sao mãi đến hôm nay tôi mới trông thấy cô? Về sau tôi được biết rằng cô ta

học ở Đà Lạt. Chắc là trường ấy nghỉ hè muộn. Hay là cô ta vừa đi chơi xa? Tôi không biết rõ, nhưng có điều là sự xuất hiện càng muộn màng của cô ta càng có một tác động mạnh mẽ đối với tâm lý khao khát trong cảnh cô đơn của tôi. Tôi ôm song cửa nhìn như ngây như dại sang nhà bên kia. Cảnh tượng ấy kéo dài có lẽ đến hàng giờ mà cô ta không ngờ đến.

Hai nhà cách nhau một bức tường. Nếu ta đứng ngoài vườn thì bức tường cao quá đầu người, nhưng đứng trên nền nhà thì bức tường thấp dưới tầm mắt. Vườn của cô C... rộng hơn bên nhà trọ của tôi nhiều, cho nên từ chỗ tôi đứng đến bờ tường chỉ cách ba thước tây, mà từ đó đến phòng cô ta cách nhau đến năm bảy thước. Giữa khoảng cách ấy có mấy cây bàng và cây trứng cá. Thỉnh thoảng một hơi gió lay lao xao những tàng cây đen trong đêm tối.

Đứng rình mò cử động một người con gái trong phòng riêng của cô ta như thế thực là một điều bất nhã xấu hổ. Vì thế tôi xốn xang lo

ngại. Mỗi tiếng động nhỏ, tiếng ho, tiếng guốc, tiếng bước chân đều làm tôi giật mình. Nếu lỡ ông N.D.Đ, hay một người đầy tớ trong nhà chẳng hạn tình cờ bắt gặp tôi lúc này thì thực là vô cùng bối rối. Nhưng lại chính những lo ngại ấy càng làm cho những giờ phút ngấm trộm như thế tăng thêm sức quyến rũ say mê.

Vào khoảng hơn chín giờ, C... tắt đèn bên phòng cô ta. Vài phút sau tôi thấy cái bóng trắng trắng của cô hiện ra ở cửa phòng. Tôi giật mình sợ hãi né sang một bên, núp vào bóng tối.

Thiện lại ngừng nói, rồi chậm rãi đứng dậy bước vào trong nhà lấy ra gói thuốc và bao diêm. Tôi xem đồng hồ tay thấy đã hơn hai giờ sáng. Sương xuống ướt cả cái bao lơn xi măng lạnh ngắt.

Thiện hút thuốc và lại ngược lên lạng lẽ nhìn cái quảng cáo la-ve chớp chớp giữa trời. Hình người đen thui trước mặt tôi trong hoàn toàn im lặng như bình thản. Nhưng nhìn kỹ

vào chấm lửa ở đầu điều thuốc thì thấy môi và ngón tay anh ta đều run run. Tôi không biết đó là những giậm giật thường xuyên thành cố tật của anh ta, hay là xúc động bất thường.

Anh ta tiếp tục:

– Ngay ngày hôm sau C... đã trông thấy tôi. Và tôi đoán chắc cũng không bao lâu sau đó thì biết tôi thường nhìn trộm cô ta trong bóng tối.

Tuy rằng ngày hai buổi tôi có nhiều thì giờ rảnh rang nhưng dù bốn chồn nóng nảy đến bực nào tôi cũng nhận thấy rằng việc nhìn C... giữa ban ngày rất bất tiện. Trong phòng học ban ngày trẻ con ra vào bất thành linh, không biết đâu mà để phòng. Mà vì bờ tường cao, muốn nhìn qua phòng C... tôi cần phải đứng lên chứ không thể vừa ngồi giả vờ viết lách hay đọc sách vừa lén nhìn được. Vả lại bên nhà C... cũng có nhiều trẻ con và gia nhân. Vì vậy tôi rất dễ bị bắt quả tang. Tôi chỉ có thể liếc nhanh qua mái ngói đen của nhà C... và những tàng cây

bàng bên vườn ấy. Thế mà cũng đủ cho lòng tôi rộn ràng háo hức. Một đôi lần tôi bắt gặp bóng dáng C... trong phòng khi nằm, khi đứng cũng có khi đang ngó ra vườn. Tôi choáng váng sung sướng: có lẽ lúc đó mặt tôi bừng đỏ lên như vừa được gặp sát mặt C... giữa đường. Và tôi vội vã quay mặt tránh đi, vì cứ tưởng tượng tất cả lũ trẻ con và mọi người trong nhà ông N.D.Đ đều biết rõ tâm sự tôi, để ý quan sát tôi từng li từng tí. Bị tình cảm bùng bít nung nấu suốt ngày, tôi rình chờ từng giờ từng phút, trông cho đêm đến.

Tối hôm thứ tư vào khoảng tám giờ, trong lúc tôi đứng ôm cửa nhìn sang phòng C..., C... đang ngồi nghiêng nghiêng đọc một xấp giấy gì như một lá thư dài, bỗng cô ta đứng dậy, đưa tay ra sau vén mái tóc, rồi tiến về phía cửa sổ. Tôi thấy rõ mặt C... chiếu thẳng về tôi. Biết rằng từ trong ánh sáng nhìn ra, C... không thể thấy được tôi trong bóng tối, nhưng tôi cũng luống cuống, và bối rối đến nỗi không kịp nấp tránh sang một bên. Lúc C... đi vượt quá cái

đèn thì gương mặt cô ta hoàn toàn tối đen, tôi không trông thấy gì nữa. C... ngừng lại một tí rồi đưa tay ra kéo cả hai cánh cửa sổ, từ từ khép lại. Đèn trong phòng vẫn sáng.

Tôi điếng người. Tôi thấy nghẹt thở như có ai đè thật mạnh lên ngực. Cử chỉ cự tuyệt của cô ta giữa đêm khuya lặng lẽ âm thầm tuyệt không hề ai hay biết, nhưng tôi cảm thấy xấu hổ như bị tát mắng nhục mạ giữa đám đông, tay chân tôi run lên bủn rủn, rướm mồ hôi. Tôi đứng im lặng, chờ người nhìn ra đêm tối bao la sâu thẳm. Sao trời vẫn nhấp nháy gần như nhịp nhàng. Hơi sương mát. Tôi cảm thấy lẻ loi, cô độc, khổ sở đến cùng cực.

Tôi đứng là như thế rất lâu. Những làn ánh sáng vạch ngang qua khe cửa sổ lá sách phòng C. trông nghiêm khắc lạnh lùng. Lòng tự ti khiến tôi đau đớn nghĩ đi nghĩ lại mãi về hoàn cảnh của mình: Tôi tự thấy là một kẻ quê mùa ngơ ngác giữa một sinh hoạt xa lạ. Ông N.Đ.Đ đối với tôi chỉ có lòng thương hại đối với một

người học trò chăm chỉ, bà N.D.Đ nếu thỉnh thoảng không khó chịu về những vụng về ngớ ngẩn của tôi đã là may. Ông không hề quan tâm, không biết có tôi trong gia đình. Còn lũ trẻ vô tâm thì có lẽ chúng lấy làm thích thú về thái độ khép nép rụt rè của tôi, xem đó là dấu hiệu bất lực trước những đùa nghịch của chúng mà tôi có phận sự kìm hãm lại. Mỗi lúc tôi mỗi thêm đĩnh ninh rằng mình bị khinh rẻ, hắt hủi. Và vừa mới âm thầm tìm đến một người con gái với một thái độ hết sức chân thành và khiêm tốn, thì cô ta lại khép cửa. Mắt vẫn ngó chăm về cánh cửa sổ trước mặt, tôi thầm nghĩ: “Sau đó cử động một thân hình! Trời ơi! Một thân hình xa vời, ngoài sự mơ tưởng của mình.”

Dần dần tôi chú ý đến vài dấu xao động, những cái bóng đen rung rinh hoặc lướt nhanh trên những lần sáng của khe cửa. “C. ! Chính là C. đang cử động! Tôi vẫn còn đoán được một chút nào về sự sống của C.” Đồng thời tôi cũng cảm thấy tất cả cái hèn hạ, nhục nhã đau xót của tình cảnh mình lúc ấy. Bị cự tuyệt đến thế

mà vẫn còn đứng nhìn trộm một vài bóng cử động lâu lâu hiện qua khe cửa sổ, thì thực tôi đã hoàn toàn hy sinh lòng tự ái không còn chút sĩ nhục nào nữa. Tuy nghĩ thế mà tôi vẫn cứ lì ra ôm lấy song cửa, thêm khát rình sang phòng bên bia.

Có lẽ là vì lúc đó tôi đứng trong bóng tối. Bóng tối xóa che sự nhục nhã cho tôi.

Thình lình đèn bên phòng C. tắt. Một lát sau hai cánh cửa mở ra. Rồi C. trắng trắng hiện ra giữa khung cửa. C. đứng như thế một lúc lâu. Còn tôi thì lính quỳnh ngây người cứ trơ ra như tượng. Chúng tôi yên lặng đối diện nhau, không ai có một dấu hiệu, một cử động nào, nhưng lòng tôi rạt rào sung sướng tưởng như đã được C. choàng ôm lấy đầu tôi và tình tự. Không còn nghi ngờ gì nữa, C. trông thấy tôi và đang nhìn tôi, bố trí một cơ hội nhìn nhau cách nhau trăm thước, mỗi người đứng trong phòng riêng của mình, chúng tôi chính thức bày tỏ lòng mình với nhau. Tôi run run, tâm trí

tán loạn, không còn biết gì nữa. C. lúi dúi vào. Cái bóng trắng mờ lần, mờ lần rồi mất trong phòng. Cửa sổ vẫn để trống.

Đêm hôm đó tôi trần trọc, suy nghĩ phân tích tìm hiểu ý nghĩa từng cử chỉ của C., tôi buồn cười thấy mình quá vội vàng thất vọng khi cô ta đóng cửa: Làm sao chẳng có lúc cô ta cần tránh cặp mắt quan sát của tôi một chặp? Có ai mà chịu nổi một sự theo dõi kiểm soát thường xuyên tận trong thâm khuê? Có lẽ lúc đó cô ta thay đổi hoặc dọn sửa chỗ nằm. Tôi tưởng tượng chắc chắn lúc này bên kia tường, C. đang nằm trong phòng cũng bồi hồi xúc động, suy nghĩ và sung sướng như tôi. Nghĩ đến sự cảm thông âm thầm ấy, tôi không thể chịu đựng được nữa, vùng dậy, bật ngọn đèn, phòng tôi sáng lên một chút rồi tắt ngay, để ra dấu. Tôi cho rằng C... sẽ nghĩ đó là một tiếng reo, một tiếng kêu mừng, một lời gọi kín đáo giữa hai đứa với nhau, và C. sẽ đáp lại. Tôi rình một lúc ở cửa sổ. Nhưng bên C. vẫn im vẫn

im lặng, không có gì. Tôi buồn rầu nằm xuống nghĩ ngợi hoang mang.

Tôi suy tính một cách liên lạc thẳng với C.. Định bụng đêm mai, khi C. tắt đèn nhìn ra, tôi sẽ giơ tay lên ra dấu hiệu, rồi tôi ném sang bên vườn C một lá thư.

Thực là dễ dàng. Trong đêm khuya ai mà biết được? Đêm sau C. sẽ ném thư trả lời cho tôi. Chậm lắm là ba hôm nữa tôi sẽ có trong túi một lá thư tình, những lời âu yếm. Cho tay vào túi áo bất cứ lúc nào tôi cũng có thể rờ được lá thư ấy. Tôi sẽ ngủ với lá thư ấy trong túi. C. và tôi sẽ trao đổi với nhau đêm đêm những dòng thăm thiết. Tôi tưởng tượng như thế và hân hoan tha thứ mọi bó buộc nghiêm khắc, mọi phiền hà khó chịu trong cuộc sống của gia đình ông N.D.Đ. Tôi sẽ chịu đựng được tất cả. Vì bên kia bờ tường, cách tôi trăm thước, tôi chắc C. cũng đang tưởng tượng về bức thư đầu tiên viết gửi cho tôi.

Trong ngày sau tôi dám nhìn qua phòng C. đến đôi ba lần. Lần cuối cùng tôi bắt gặp cô ta vừa đi đâu về, đang cởi áo dài với mắc lên móc cao. Trên chiếc áo lót trắng phau, một màu sẫm tối đọng vào khoảng trũng giữa ngực làm nổi hai cái vú căng tròn. C. ngó lại thấy tôi, vội vã đưa hai tay túm vạt áo kéo mạnh xuống và cúi đầu đi khuất. Có lẽ C. kịp thấy tôi cười xin lỗi.

Thế rồi đêm đó, rồi luôn mấy đêm sau nữa tôi cũng không sao ném được cái thư. Trong đêm tối chúng tôi thấy nhau mờ mờ hai cái bóng trắng. Vâng, tôi thấy khuôn mặt của C., hai vai tròn trắng, tôi thấy (hay là đoán thấy?) cả hai bàn tay của C. nữa. Thân hình của C. in lên khuôn cửa đến quá dưới bụng. Có lẽ C. cũng thấy tôi đến chừng ấy chi tiết. Nhưng một lá thư cầm trên tay rồi ném bay loang loảng có thể thấy được không? Nếu vì một lẽ gì mà C. không nhận hiểu ý tôi, không ra vườn lượm ngay bức thư kịp thời! Nếu C. thấy tay tôi vung lên ném thư mà cũng lăm như bao nhiêu lần khác tôi giờ tay chào cô ta thì thực là nguy hiểm:

tôi không thể nào kêu gọi cho cô ta hiểu, không thể liêu lĩnh trèo tường qua bên vườn kia mà nhạt lại! Bức thư ấy có thể vào tay một người ở, mấy đứa em của C., đến tay má C., rồi chuyển đến tay bà N.D.Đ, ông N.D.Đ, rồi tiết lộ đến lũ con tinh nghịch của ông! Tôi e ngại sợ hãi, mãi không dám quyết định hành động. Không biết C. nghĩ thế nào về thái độ do dự quá đáng, kỳ quặc của tôi. Đêm đêm C. vẫn đứng với tôi, có lẽ về sau cũng có lâu hơn trước, nhưng tuyệt nhiên C. chưa lần nào trả lời những vẫy chào của tôi. Tôi lo sợ thái độ tôi có thể khiến C, cho mình là một kẻ khờ khạo, nhưng mà tình trạng ấy cứ kéo dài đến nửa tháng trời rồi, tôi vẫn không dám quả quyết ném cho cô ta một lá thư. Như thế cho tới hôm ấy C. qua nhà tôi...

(còn một kỳ nữa)

VÕ PHIẾN

(Đăng trong tập “Mưa đêm cuối năm” –

Giải thưởng Văn chương toàn quốc 1958-1959)

CHUYẾN XE CHIỀU

Con đường chia hai thành phố

ngủ lạnh dưới mồ cây

Chuyến xe im lặng

như không đi

Chiều bóng mưa thăm thẳm

Màn tâm tư gió lay giọt mắt

Trong ánh đèn không nghe hơi thở

dầu của một làn môi tím ngắt

Đã lỡ rồi lời thể thốt đêm xưa

Thanh âm hình khối sắc màu

Tất cả chỉ còn là tốc độ

NGHEN NGÀO

Một sớm mai khi kinh thành còn thiếp mệ

Chuông cỏ khô chưa ấm thân gầy

Em bỗng thức giấc chim

Tay vẫn nắm tay anh

Chúng ta đi lên cầu sông cái

Chạy băng băng trên những đầu đá sắc

Gót chân son để lại máu hồng

Cộng tuổi anh và tuổi em

Vẫn chưa ngoài hai chục

Em bảo đi nhanh kéo trể chuyến xe

Ở lại một ngày biết đâu là mãi mãi

Chân chúng ta soang soảng va thành cầu

Như riềng xích ngục tù khua cửa sắt

Hay xích xiềng còn vướng chân ta.

Gió lộng thổi bùng da thịt

Dòng nước sâu sâu đón chào

Bình minh dậy trên bát ngát

Em sẽ gọi — chuyển xe.

Anh cũng gọi — chuyển xe

Chúng ta đi vào ánh sáng

Tay em vẫn nắm tay anh

Và dòng sông đưa ta ra biển cả.

KHÚC HÁT MỘT BỨC TRANH

GỬI D T 38

Tiếng ca cũng bé bỏng như người ca nó

Chiều treo buồn gác cao

Phai hồng kỷ niệm

Chiếc máy phóng thanh vật vã

Những sợi tóc đâm vào gan ruột

Sáu con mắt đỏ lừ

Áo cơm. Tình yêu. Nghệ thuật

Bức tranh chưa thành hình

đã cháy tốt

trong lửa tối hôn anh

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

ĐÊM

Tôi đang đi trong bóng tối vô hình

Để tìm một hơi thở

Một linh hồn hấp hối cũng thể

(Có hề gì)

Không gian lừng lầy hương hoa

Nhiều điệu nhạc chen chân bước vội

Tôi đi kiếm tìm cho thức ăn

Một sinh tố mới

Dừng chân bên mồ hoang

Nghe vắng vắng tiếng kêu nức nở

Của những xác chết giấy dựa

Đòi lại linh hồn.

Ở đây là nghĩa địa

Ở đây là nghĩa địa

Mồ chôn chúng tôi

Không đến cả tình yêu

Không từ chối.

Nước mắt đầm đìa tràn tiếng nói

Con mắt nhìn sáng như lân tinh

Đôi môi hồng nằm trong môi xanh

Cười quyến rũ cả những vì sao lấp lánh.

Tôi đã yêu em và trời xanh xanh xanh.

NGỌC DŨNG

NGỎ Ý

Tôi giữ em lại trên một hè phố đông người. Em đừng ngần ngại. Tôi chỉ bảo em rằng: tôi yêu em.

Tôi nói không then thừng, không dẫn đo, dò xét. Bởi vì em ơi, tôi không phải là một gã lái buôn hỏi giá hàng trong một buổi chợ chiều hỗn loạn. Cũng không phải là người thư ký giả ngồi mân mê vài chiếc danh ghim và mưu toan làm chủ sự.

Tôi không thể làm một ngọn đèn xanh, đèn đỏ, làm người cảnh sát đứng ở công trường mà chỉ cho lòng tôi đi vào con đường định hướng. Tôi phải nói với em rất nhanh như một cánh đại bàng vút trên trời cao vì em ơi, cuộc đời sẽ trải qua thẳm thoát.

Một phút trì hoãn, đợi chờ thì lập tức trên cánh đồng bát ngát của cuộc đời tôi sẽ bị biến thành một gã phế binh ngồi khóc rưng rưng. Những giọt nước mắt rỏ xuống bội tinh hoen rỉ ố vàng.

Vâng, tôi khóc và nước mắt sẽ tan thành máu nhỏ.

Tôi sẽ bị lưu đầy nằm gối đầu trên hỏa diệm sơn để sức lửa thời gian nấu nung thể thân tôi thành một loài từ thạch.

Tôi yêu em. Và tôi chỉ van em cho được nói yêu em. Em đừng đi ngay dù trên đường đi ngựa xe mắc cửi.

Cho tôi nói ngay. Nếu không tôi sẽ phải đi tìm tôi như một thân ngựa cuồng điên chạy trên đường hoàng hôn đuổi theo một bóng mặt trời đang khuất núi.

Tôi phải nói ngay bởi vì tôi không thể giấu

tình yêu như biển cả sau một cơn giông to bão lớn cất trên bờ cát trắng những thây ma.

Đợi đến ngày mai tôi e sợ rằng đời sẽ bỏ tôi làm phu lục lộ đi đo sự già nua của tâm hồn mình bằng mớ tóc bà tung, đôi mắt quầng thâm của những người yêu đã đi lấy chồng rồi sinh con đẻ cái.

Cho tôi nói ngay.

Đến ngày mai hơi thở cũng ẩm tanh mùi tội lỗi. Tôi sẽ phải gục đầu tưởng niệm hương thơm mùi sữa mẹ và chất mặn nồng của những giọt nước mắt đầu tiên.

Ánh sáng sẽ mờ hoen. Tôi sẽ nhìn cuộc đời bằng đôi mắt tử thi. Và em ơi, cả tôi, cả cuộc đời, con đường đi và mớ tóc dài thơm sẽ biến thành ảo ảnh.

NGUYỄN SA

VẤN ĐỀ DẠY « VĂN QUỐC NGỮ »

LỮ HỒ

Từ năm 1945, khi Nhật hất Pháp ra khỏi đất này để chiếm lấy địa vị “chủ nhân phụ tá” thì chính phủ Trần Trọng Kim thành lập và ông Bộ trưởng Giáo dục đầu tiên công bố một chương trình giáo dục mới lấy chữ Quốc ngữ làm học thừa cho hai bậc Trung và Tiểu học. Chương trình mới với phần khoa học, toán học, triết lý... nặng gấp mấy lần chương trình Pháp được áp dụng. Người ta đã nghĩ rằng học tập bằng tiếng mẹ đẻ thì có lẽ dễ dàng và học được nhiều hơn. Thế nhưng những hăng hái ban đầu bỗng dịu xuống, người ta bắt đầu lo, lo

làm sao cho đủ thầy có thể dạy bằng tiếng Việt, lo sao cho đủ sách Việt mà học và nhất là lo sao cho đủ tiếng Việt mà dùng.

Mười ba năm qua, mười ba năm vừa học vừa dạy, các giáo sư khoa học Việt Nam đã nêu cao một tinh thần tự chủ, tự tin không bờ bến. Với vài quyển Từ điển thô sơ, vài quyển Danh từ khoa học nghèo nàn họ đã đưa về cho giáo dục ta nhiều thành tích khá tốt đẹp, hy vọng có thể khai triển tới bậc đại học trong ngày mai.

Nhưng! Trong lúc đó, môn học quan trọng, môn học nòng cốt cho chương trình là môn Việt văn dường như đứng hẵn lại, lùi hẵn lại một cách chua xót! Đừng ai vội vàng sung sướng khi nhìn thấy sách luận đề ở các hàng sách ngày một nhiều thêm! Mười ba năm qua nếu không lầm chúng ta thấy môn Việt văn chỉ nằm trong một tập tài liệu nghèo nàn: Quyển Việt Nam văn học sử yếu của học giả quá cố Dương Quảng Hàm!

Đúng lý ra, khi trực xuất được Hán văn, Pháp văn ra khỏi lĩnh vực học thừa, Việt văn phải đóng vai chủ động mà mọi ngành khác, phải chu toàn quanh môn học nòng cốt này mới phải. Và luôn đây ông giáo Việt văn phải đóng vai xứng đáng bảo vệ “quốc hồn, quốc túy” thì trái lại, những ai đã chú ý tới tình trạng dạy dỗ Việt văn hiện nay ở Trung học đều không khỏi có cảm tưởng bi thương. Môn học này đang đi vào nẻo tắt...

Thực vậy. Ngược về quá khứ, nghiên cứu quá trình phát triển của Văn học quốc ngữ từ năm 1915, khi khoa thi Hương cuối cùng đuổi nền Hán học vào trong lũy tre xanh thì chữ Pháp lại được thay thế vào giáo dục. Chính phủ thuộc địa với chính sách ngu dân cố hữu, không muốn dân Nam ngang hàng với mẫu quốc, nên chỉ cho một thiểu số sang Tây, học theo chương trình Pháp, còn ngoài ra đều phải theo chương trình bản xứ cả. Họ muốn dùng chữ quốc ngữ để làm quên chữ Hán. Một mặt họ khuyến khích việc phát huy tinh thần cố

hữu qua chữ quốc ngữ; bọn học phiệt Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh với sự ám trợ của Vayrac, Schneider, L. Marty, Hoàng Trọng Phu hăng hái cổ võ. Ông Vĩnh hét: “Nước ta sau này hay dở là ở chữ quốc ngữ”. Ông Quỳnh cũng lấy truyện Kiều làm thánh kinh và tuyên dương: “Truyện Kiều còn tiếng ta còn, tiếng ta còn nước ta còn”. Và họ đem dịch văn tây ra quốc ngữ (mua lòng quan thầy) dịch sách tàu ra quốc ngữ (mua lòng nho sĩ, chí sĩ lãnh đạo).

Trong Nam, Trương Vĩnh Ký với sự giúp đỡ của Luro, Paul Bert cũng hăng hái bội phần. Mấy mươi năm sau từ Đông Dương tạp chí qua Nam Phong tới Tri Tân và nhiều tạp chí văn học tiếp tay nhau lần lượt phiên ra quốc ngữ những tác phẩm Nôm từ thời Hàn Thuyên cho đến cận đại.

Theo nghị định ngày 3 Février 1938, ông Dương Quảng Hàm đã qua góp một phần lớn in thành ba quyển: Manuel de Littérature Annamite, Việt Nam thi văn hợp tuyển và Việt

Nam văn học sử yếu với lời mở đầu khổ nào sau đây: “Ai cũng biết hiện nay không có quyển sách nào chép về Văn học sử nước ta, không nói gì những sách tham khảo tinh tường cho các học giả dùng, ngay đến những sách tóm tắt về đại cương cũng không có. Gần đây các báo chí thỉnh thoảng có bài nghiên cứu về một tác giả; một tác phẩm hoặc một vấn đề thuộc về văn học sử nước ta, lại có những người Pháp đã dịch tác phẩm của ta ra Pháp văn mà viết những thiên chuyên khảo về văn tịch của ta. Nhưng các bài ấy không có hệ thống gì. Lại có nhiều vấn đề vì còn thiếu tài liệu để kê cứu nên chưa thể giải quyết được.

Nay chúng tôi lấy tài sơ học thiên soạn ra quyển này, cũng tự biết là làm việc quá táo bạo và chắc chắn tác phẩm của tôi còn nhiều thiếu thốn, phải đợi công cuộc khảo cứu tra tầm của các học giả sau này bổ khuyết dần... ».

Những lời thống thiết trên vẫn còn hiệu lực vì hiện nay có thêm tí nào đâu? Không những

không thêm được gì mà phần đông các “học giả có lập trường” hiện tại thường yên chí, căn cứ vào đó mà tô son điểm phấn chứ chẳng khai thác được tí gì cả. Quả thật, những tài liệu ngèo nàn tự tác giả chối bỏ vẫn chiếm địa vị độc tôn trong văn học giới.

Đáng buồn thay! Vì căn cứ vào đó nên sự phân chia chương trình cũng gặp nhiều gai nhọn khó gỡ. Chẳng hạn như lớp đệ tam mà phải phụ trách nhiều quá về phần văn thể, học một lúc bốn tác phẩm trường thiên. Đệ nhị lượn qua một lúc mấy chục tác giả và cả Đoạn trường tân thanh. Đệ nhất không cần học Việt văn vì đủ quá rồi!

Thêm nữa, các tác phẩm, nếu không “chấp râu ông nọ” thì cũng “cắm cằm bà kia”. Có tác giả thì tiểu sử sờ sờ ra đấy mà có người vẫn cương quyết biện luận là vô danh. Đừng bảo họ vô lý, họ có lý lắm, có lý ở chỗ ta không biết dựa vào đâu mà bẻ họ.

Cũng nên hú vía! May mà quyển Chinh phụ ngâm của Hoàng Xuân Hãn chưa vững chắc, chứ không thì giáo giới lại một phen thay đổi lập trường! Khó khăn như vậy. Dạy dỗ làm sao? Cho nên:

Một số giáo sư e ngại cho lý luận của mình nên chỉ chú trọng vào quyển Từ Hải, Từ Nguyên, để tra cứu điển cố đem kể cho học sinh nghe, như ngày xưa các cụ ta kể truyện Tàu. Giờ Việt văn hóa thành giờ kể chuyện rất ly kỳ và không biết như vậy thì trí học trò nảy nở ra sao?

Một số khác thì vương phải cái giới lập trường mà chưa thông nghĩa chữ. Cho nên giờ Việt văn lại thành ra giờ văn nghệ: phẩm luận về môn phái, văn thể từ cổ chỉ kim, từ đông sang tây. Học sinh sẽ rất phục thầy vì kiến văn rộng rãi và sau những cuộc viễn du trong tưởng tượng, chúng trở về hạ giới với một quan niệm vững chắc về phê bình! Rồi từ đó, chưa năm đến sách đã cho sách tồi, chưa đọc tên sách đã

cho sách dở, chưa đọc tên người viết đã bấu môi ném toẹt xuống bàn.

Sở dĩ có tình trạng bi đát trên là vì một đàn ông những tài liệu cũ không còn đủ để cung cấp cho việc giảng dạy nữa. Những tài liệu được sưu tập trong các báo chí ngoài ông Dương Quảng Hàm ra không ai chịu phổ biến trình bày cho có hệ thống rõ ràng để có thể dùng được. Không có gì để dạy, không biết dạy làm sao, kết quả là người dạy cũng như người học đều đóng vai “voi nhai bã mía” thật khổ sở. Lui tới chỉ bấy nhiêu bài thơ bấy nhiêu tư tưởng cơ hồ như Việt văn không có gì khác nữa ngoài những thơ văn thù tạc, vãng lai?

Sự thật đâu phải như vậy. Kho tàng văn học của ta rất giàu nhưng chưa được khai thác triệt để. Bao nhiêu tài liệu tiềm tàng trong các viện tàng cổ, trong các thư viện chưa được đem ra ánh sáng. Hẳn cứ nói những tài liệu đã tìm được đăng trong các báo trước đây bây giờ cũng mất dần cả.

Trong bài: Một vài ý kiến xây dựng nền quốc học: Trường Đại Học Văn Khoa Việt Nam, trước đây. Ông Doãn Quốc Sỹ có đưa những ý kiến vững chắc về việc sưu tầm phổ biến tài liệu sau đây:

... “Thứ nhất: Chấn hưng được công việc sáng tác khảo cứu, dịch thuật khiến các tác giả, dịch giả, yên tâm về việc thu hoạch lợi tức mà hết lòng tiếp tục công việc. Thứ hai là: Giải quyết ngay được vấn đề chính yếu là vấn đề tài liệu để thỏa mãn lòng hiếu học của sinh viên nói riêng và toàn thể dân tộc nói chung”. (Sáng Tạo số 11, tháng 8-1957).

Thêm vào ý kiến trên chúng ta nên để ý tới việc đào tạo lại một lớp giáo sư Việt văn xứng đáng với nhiệm vụ bảo tồn quốc thể. Chúng tôi quan niệm rằng: “Dạy Việt văn không phải chỉ làm mở trí mà còn vun trồng tình cảm cho học sinh nữa. Học phải có hứng, có thích thì mới có lợi. Các môn khác chú trọng về Trí thì văn chương làm sống Tình thương. Tạo cho học

sinh những rung cảm thiết tha với tiếng mẹ là gây cho tâm hồn những tình thương vững chắc. Có thương tiếng mẹ mới yêu được nước, có yêu nước mới chăm nom vun xới quốc học, quốc văn. Trong khi dạy học, nhà giáo đã mặc nhiên biến các văn liệu thành những niềm tin. Tin vào tài liệu, tin vào lý luận, tin vào kết quả”.

Như thế đóng vai dạy tiếng Việt không dễ. Chúng tôi thấy ít nhất ông thầy Việt văn phải có những điều kiện này:

a) Đầy đủ tài liệu. Có thể tin được, có thể dùng được. Muốn thế, ngoài những đề nghị của ông Doãn Quốc Sỹ, chúng tôi thấy phải san định lại bộ Văn học sử của Dương Quảng Hàm hay ít nhất phải có ngay một bộ mới thay thế với phạm vi rộng rãi và đúng đắn hơn. Mở rộng cửa đón thêm tác giả, tác phẩm, phân định thời kỳ cho hợp lý, và sau bao năm thí nghiệm ta sẽ không ngần ngại mời ra bớt một ít tác giả không xứng đáng. Ta không quá nghèo đâu mà hà tiện.

b) Có tài liệu rồi, người dạy lại phải vun trồng khả năng triết học Đông – Tây: Không thông hiểu triết lý Nho Thích Lão thế không giảng nổi tư tưởng trong cổ văn. Không hiểu Tây triết thì không dạy nổi văn mới.

c) Phải biết qua văn nghệ. Dạy là sáng tác. Ta không thể nào làm sống được vẻ đẹp của thơ văn nếu không biết gì về Thẩm mỹ, những nguyên tắc của thi, văn, nhạc, họa... những bộ môn văn nghệ đã hòa hợp đã tạo thành Văn.

d) Tạo không khí chấn hưng quốc học. Công việc này trước đã có Hội thân hữu văn khoa khởi xướng nhưng chưa thấy gì vì thiếu điều kiện hoạt động. Trường Đại Học Văn Khoa cũng chỉ làm công việc trao bằng cấp mà thôi. Gây cho học sinh cái thú đọc sách mà dường như sau mười năm nghe sủng, học sinh ngày nay không đọc gì hơn ngoài tạp chí nhất thời và truyện giải trí.

e) Cố gắng xây dựng một nền Nhân Bản cho văn học; văn học không ở chung với văn nghệ trong phạm vi xây dựng con người toàn vẹn. Văn nghệ phát biểu sự chân thành. Văn học tỏ rõ tinh thần Hướng thiện và Hướng thượng của loài người.

Có như thế, trong một ngày mai chúng ta sẽ không còn phải sống vô hồn như hôm nay. Tình trạng đã cấp bách lắm rồi. Xin bắt tay ngay vào việc vì: “Biết mà không làm thì như không Biết. Làm mà không Biết thì cũng chẳng khác không Làm”.

LỮ HỒ

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

DOÃN QUỐC SỸ

VI

THUYỀN ƠI THUYỀN, THUYỀN TRÔI
NƠI ĐÂU...

PHẢI đợi hai ngày nữa Thiệu mới được gặp Yến để vẽ portrait cho nàng. Hai ngày không gặp nhau, khoảng thời gian dài thật, dài đằng đẵng. Các cụ ngày xưa bảo: một ngày chẳng gặp coi tày ba thu – “nhất nhật bất kiến như tam thu hề” – kể cũng không ngoa. Câu nói thật gợi cảm, tuy bây giờ đã thành sáo ngữ.

Trời về chiều, Thiệu bật đèn rồi mở tấm bìa

cứng vẫn dùng để cặp giấy croquis, bên trong, cài gọn vào phía góc, tấm hình chụp bức họa khỏa thân “La source” của Ingres. Thiệu đắm chiều nhìn bức họa với một vẻ thành kính giáo đường. Người trinh nữ có khuôn mặt hiền, đôi mắt xa vời vợi, bộ ngực tròn trinh bạch, dòng nước từ bình đổ xuống mát rượi như dòng thời gian một đêm xuân trong đó tơ trắng đan cùng tơ gió để lọc các âm thanh từ hoa lá bốc lên, từ các vì sao đổ xuống.

Bên dưới bức “La source” là sáu hàng chữ nhỏ trích trong bài thơ “Tranh lửa thê” của một thi sĩ hồi tiền chiến:

Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm?

Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?

Mắt ngời châu rung ánh sáng nghệ thường,

Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc.

Đêm u huyền ngủ mơ trên mái tóc,

Và chút trắng say động ở làn môi.

Mỗi lần ngắm “La source” như vậy Thiệu thấy thời gian như ngưng đọng hay đúng hơn thời gian nhẹ lướt đi mà mình không biết. Rồi hai ngày qua... Thiệu đến với Yến lấy croquis để nghiên cứu. Kể ra thì lấy croquis xong Thiệu có thể căn cứ vào đấy mà vẽ lên vải, nhưng không muốn xa Yến, và cũng muốn cẩn thận lấy ánh sáng cho đúng, chàng mang cả khung vải cùng bút sơn lại vẽ Yến ngay tại chỗ.

Mỗi lần ngồi chờ Yến sửa soạn, Thiệu mở nhìn bức tranh “La source”. Chàng muốn đắm hồn mình vào một niềm rung cảm cao khiết trước khi thể hiện vẻ đẹp lý tưởng của Yến. Có lần chàng mãi ngắm bức tranh xuất thần đến nỗi Yến tiến lại đứng bên lúc nào không biết.

Về phần Yến thì sao? Ngay từ buổi đầu tái ngộ Yến đã biết Thiệu còn yêu mình lắm lắm. Nhìn vào gương mặt Thiệu, Yến thường bạo dạn để mặc hồn mình muốn trôi đi đâu thì đi.

Nhiều khi nàng thấy như mình đắm vào một thế giới huyền ảo nhưng không hôn mê nên khó đánh dấu không gian, một thế giới bốn mùa xuân bất tận nên khó đánh dấu thời gian — tuy rằng mỗi xuân một vẻ. Điều đó gây cho Yến một cảm giác khá phức tạp: nàng vừa sung sướng vừa sầu khổ. Sung sướng vì tự thấy lạc lõng một cách thân mật vào một tình yêu kỳ lạ khiến cả người yêu lẫn người được yêu như cùng chuyển hóa sang một kiếp khác trong đó màu sắc, âm thanh, tâm tình thấy đều thanh tao, sáng láng muốn phần. Nhưng đồng thời Yến băn khoăn ngổ ngàng đến sầu khổ vì phải tự đặt câu hỏi: “Hay là Thiệu yêu một thần tượng nào qua mình? Sao tình yêu thiết tha đậm thắm hồi hộp là vậy mà vẫn giữ bề ngoài trầm lặng?”

Phải, nàng có thể kiêu ngạo với tình yêu ấy lắm nhưng chỉ có thể kiêu ngạo như ý muốn khi xứng đáng với nó, thành thử tình yêu càng thần thánh bao nhiêu nàng càng phải cố lớn bằng thần thánh bấy nhiêu. Giả sử – Yến biết

lắm – nàng tầm thường thì chỉ có nàng rơi xuống mà ngẩng lên nhìn chính hình ảnh lý tưởng của mình vẫn vọi vọi trên cao. Chao ôi. YẾN tự biết mình chỉ là một người đàn bà, bởi vậy nhiều khi nàng đành phải tránh cái nhìn của Thiệu và muốn kêu lên ảo não: “Anh Thiệu, YẾN không muốn lớn bằng thần thánh. YẾN chỉ muốn lớn bằng người!”

Đã mười ngày qua Thiệu đến vẽ YẾN. Trong khi vẽ Thiệu nói chuyện vui. Thiệu có nhắc dĩ vãng nhưng chỉ nhắc những điểm hài hước. Thiệu kể lại ngày nhảy xuống nước cứu YẾN ở bến phà, hỏng cả chiếc áo trúc bầu mới, về nhà nguyền rủa chịu đòn bên cối xay dưới bếp, xa... thật xa nhà YẾN.

Nghe chuyện YẾN cười như trẻ thơ; tiếng cười đem thêm ánh sáng ân tình vào hồn Thiệu.

Thiệu nhắc lại cả lá thư tình đầu tiên trao cho YẾN, bên dưới những câu hay có kín đáo gạch bút chì đỏ.

Vẫn tiếng cười đậm đà của Yến tô điểm cho câu chuyện, nhưng lần này Yến nói thêm:

– Anh có biết không, bức thư đó tôi giữ mãi đến ngày sắp về nhà chồng mới đốt đi.

Trời, thì ra Yến có chủ ý giữ bức thư! Thiệu toan hỏi vì sao dạo đó Yến lại bảo chàng: « Đừng anh Thiệu ạ ». Nhưng Thiệu nghĩ câu hỏi đó thực là thừa vì Yến đã giữ thư đó đến ngày cưới kia mà.

Khi không nói chuyện vui Thiệu lảng lảng nhìn Yến rồi nhìn bức tranh, rồi ngọn bút sơn đưa lên đưa xuống thốt tiếng kêu nhẹ nhẹ trên vải, rồi Yến như đến ngồi vào bức tranh... rồi Thiệu như đi vào bức tranh... Nhiều khi Thiệu cất tiếng hát khe khẽ, tiếng hát thoát ra tự cõi vô thức vì chính Thiệu. Thiệu không ngờ rằng mình hát. Giọng chàng âm trầm lắm thì phải, chàng hát bài Simple avøeu:

Ánh trăng muôn trùng xa mờ,

Ngàn cây cùng lên tiếng chơi vơi

Khiến lòng xao xuyến băng khuâng

Hồi tưởng nhớ bao năm...

Thời thơ ấu êm đềm...

Biết bao nhiêu tình thương... buồn...

Có lần tiếng Yến hỏi kéo chàng ra khỏi giấc
mơ dĩ vãng:

– Anh Thiệu hát bài gì đó?

Thiệu giật mình thoáng ngơ ngác rồi cười:

– À, một bản romance sans parole.

– Ô hay, đã romance sans parole sao còn có
lời?

– Lời tôi làm!

Yến cười lắc đầu:

– Anh thật lắm cảm.

Đến gần một phút sau Thiệu mới mỉm cười theo:

– Có lẽ tôi lắm cảm thật!

Rồi hai người nhìn nhau, nụ cười vẫn giữ trên miệng, biết bao nhiêu là thơ, như một tia nắng quái bao dung còn dừng lại trên một khoảng đồi dào dạt gió chiều.

Thiệu dự định khi vẽ xong, trao bức họa tặng Yến, Thiệu sẽ nói:

– Đây là đồ sinh lễ đầu tiên của anh, Yến ạ.

Nhưng tới lúc bức họa gần xong Thiệu suy nghĩ lung lắm. Thiệu tự hỏi: đã nên hỏi Yến làm vợ chưa? Không phải Thiệu ngại Yến là gái góa hai con, không phải Thiệu ngại Yến giàu hơn mình nhưng chàng ngại về chính chàng. Thực vậy tương lai của Thiệu chưa có gì bảo đảm.

Nghề làm báo ở xứ này đâu phải là một nghề có thể nuôi sống mãi mãi được người theo đuổi nó. Về kiến thức chuyên môn thì tuy chàng đã tự học hỏi nhiều về hội họa nhưng sao bằng được học đến nơi đến chốn, sao bằng có thầy chỉ dẫn thật sự, sao bằng mình được dự kỳ thi ra hẳn hoi để mình yên lòng với mình, để thiên hạ chính thức công nhận tài năng của mình.

Lần đầu tiên kể từ ngày gặp lại Yến, Thiệu thấy nỗi buồn xâm chiếm cõi lòng ngay cả khi có Yến trước mặt. Thiệu thấy mình quả là kẻ công chưa thành, danh chưa toại. Điều thắc mắc đó Thiệu cho rằng nếu quả chàng biết tự trọng thì chàng nên liệu mà tự xử.

Tự xử? – Làm thế nào để cho công thành danh toại bây giờ? Thiệu nghĩ đến hy vọng sẽ được tòa Đại sứ Pháp cấp học bổng. Chàng sẽ là họa sĩ tốt nghiệp ở trường Mỹ Thuật Ba Lê. Nhưng liệu Thiệu có được cấp học bổng? Nếu có, lại một vấn đề mới đặt ra: Ít nhất chàng sẽ phải xa Yến hai hoặc ba năm. Với tuổi của

chàng, với tuổi của Yến đầu phải chuyện có thể nhân nha gối đầu lên thời gian mà chờ đợi ngày xây dựng cuộc đời.

Hay là... nếu được cấp học bằng Thiệu sẽ cấp tốc làm lễ thành hôn với Yến rồi đôi bên hưởng tuần trăng mật trong chừng một hai tháng. Sau đó Thiệu đi, Yến chờ đợi. Xét ra chỉ còn có cách đó. Kể ra chẳng lấy gì làm êm đẹp lắm nhưng còn biết làm sao hơn? Danh dự không cho phép Thiệu cam chịu ở lại nhà bên một người vợ đã thành đạt.

Ngày cuối cùng Yến lo lắng thấy Thiệu đăng trí hẫn. Khi nàng hỏi, Thiệu làm vẻ tươi cười để cải chính, nhưng chỉ mấy phút sau tia nhìn của Thiệu đã chìm đi đâu.

Rất có thể Yến thoáng ngờ vực Thiệu đương nghĩ đến một bóng đẹp nào mà Thiệu rắp tâm xây dựng tương lai, vì suốt trong mười ngày qua tuy câu chuyện có thân mật nhưng không

hề thấy Thiệu đã động đến chuyện trăm năm nữa.

Phút cuối cùng hoàn thành bức họa Yến mới thấy Thiệu hết vẻ thắc mắc. Chỉ vào bức vẽ Thiệu nói:

– Với Yến phải sửa lại câu tục ngữ “gái hai con trông mòn con mắt” mới đúng.

Yến cười:

– Thôi đi ông, đừng nịnh.

Thiện nghiêng đầu nhìn bức tranh rồi tiếp:

– Kể bức họa thế này là xong nhưng tôi vẫn chưa bằng lòng màu xanh nhạt ở khoảng trống bên trái phía trên mái tóc Yến, có lẽ tôi đem về ngày hôm nay để nghiên cứu lại xem nên dùng màu gì khác cho thật nổi.

Yến gật đầu:

– Phải anh nên nghiên cứu cho kỹ đi. Bức tranh phải toàn bích mới được!

Yến cười tiếp liền:

– Toàn bích theo ý anh chứ còn với tôi thế này cũng đã toàn bích lắm rồi.

Thiệu nói:

– Ngày mai sửa xong tôi sẽ đến đón Yến. Nếu Yến cũng đồng ý, chúng ta sẽ mang tranh về đây tính chuyện treo ở khoảng nào.

– Thế mai độ mấy giờ anh đến đón tôi?

– Ba giờ chiều, nhất định đúng ba giờ chiều Yến nhé.

– Thôi được, cứ giờ đó tôi đến gặp anh.

– Không được, Yến phải ngồi xe 2 chevaux của tôi.

– Thì tôi đi xích lô lại, hay đi chân lại là cùng chứ gì.

– Càng không được! Để Yến ngồi xe 2 chevaux cũng đã là quá lắm. rồi. Có những thứ hoa buông rủ ở ngoài hiên làm bạn với sương gió thì đẹp, như phong lan chẳng hạn; có những thứ hoa cắm trong lọ bày trên bàn thì đẹp, như cắm chướng, glaieul chẳng hạn. Sắc đẹp của Yến thuộc loại hoa nào tôi chưa tìm ra, nhưng phải là thứ hoa mà người ta đã bọc giấy bóng kính rồi lại để trong tủ kính

Yến cười khanh khách rồi lắc đầu:

– Câu nói đó có thể là khen, mà cũng có thể là chê đấy.

Thiệu cũng cười:

– Câu đó không khen, mà cũng không chê đâu Yến ạ, câu đó chỉ nói lên một sự thực khách quan.

Rồi hai người chia tay. Thiệu mang bức tranh và các đồ vẽ ra xe.

Yến hẹn với:

– Mai ba giờ anh nhé.

Thiệu đáp:

– Đúng ba giờ.

Đổi bên còn nhìn nhau một lần nữa. Có lẽ kể từ nay ngày nào ít nhất hai người cũng phải được nhìn nhau một lần như vậy thì cuộc sống của ngày đó mới khỏi vô nghĩa.

Thiệu mang máng nhớ có lần được nghe người thuyền chài kể: đem con cá bể thả vào chậu nước ngọt, cá không chịu được, nhưng chỉ cần múc một thìa nước bể đổ vào là con cá bơi lội thành thoi ngay, hình như thìa nước bể đem lại ý nghĩa cuộc sống cho cá. Thiệu nghĩ rằng giây phút nhỏ bé trao đổi tia nhìn với Yến cũng là một cách rót thìa nước bể để

đem lại ý vị cuộc sống cho chàng và chắc chắn cho cả Yến nữa. Ý nghĩ so sánh đó làm ấm lòng Thiệu nhưng tối đến khi Thiệu đứng trước giá vẽ nhìn bức tranh sẽ làm đồ “sính lễ”, bao điều băn khoăn thắc mắc cứ tuần tự xuất hiện trong trí y như một cuốn phim được đem chiếu lại.

Kết cục Thiệu cũng nghĩ:

“Hay là... nếu được cấp học bằng mình sẽ cấp tốc làm lễ thành hôn với Yến rồi đôi bên hưởng tuần trăng mật trong chùng một, hai tháng, Sau đó mình đi, Yến chờ đợi. Xét ra chỉ còn có cách đó... Kề ra chẳng lấy gì làm êm đẹp lắm nhưng còn biết làm sao hơn?”

Còn biết làm sao hơn?

Câu nói “vô hình” đó cứ luẩn quẩn hoài trong trí Thiệu trong khi chàng sửa lại một vài đường, vờn thêm một vài nét và đổi màu xanh nhạt khoảng bên trên mái tóc Yến ra màu tím ngát.

Tối một giờ khuya Thiệu mới lên giường.

Cấp tốc thành hôn... Hưởng trăng mật...
Thiệu đi... Yến chờ... Còn biết làm sao hơn?

Thiệu chấp chờn thiếp ngủ mà thấy hôn
bồng bênh như con thuyền, con thuyền xuôi
dòng chảy mà vẫn chẳng biết sẽ trôi về đâu.

VII

KHÚC QUÀNH CŨ, CON SÔNG XƯA

Bảy giờ sáng hôm sau Thiệu còn nằm ngái
ngủ trên giường có tiếng Tạo bên ngoài:

– Thiệu!

Thiệu tung vội chăn nhảy xuống đất:

– Có ta!

Thò tay vào qua cửa sắt bắt tay Thiệu, Tạo nói:

– Sửa soạn đi nhé lát nữa cả hai vợ chồng tôi sẽ lại đón. Tôi phải đến trước báo cậu chẳng có lát nữa không biết đâu mà tìm.

– Đi đâu? — Thiệu hỏi.

– Hạ hồi phân giải! — Tạo đáp vẻ bí mật.

Thiệu sửa soạn vừa xong thì vợ chồng Tạo đến thật, ngoài xe lố nhố toàn những mặt quen, những mặt vẫn từng xếp chặt ních trong xe 2 chevaux của chàng để đi quanh Saigon hay vượt cầu Quay đi Nhà Bè, vượt cầu Bông đi Biên Hòa, Thủ Đức.

Lên xe ngồi giữa các bạn Thiệu hỏi:

– Đi đâu thế này?

Tất cả mọi người không ai biết sẽ đi đâu.

Vợ Tào cười hóm hỉnh. Tào nhắc lại câu nói bí mật:

– Hạ hồi phân giải!

Thấy Thiệu bắn khoản ra mặt một bạn phải nói:

– Quái tên Thiệu thích hợp bạn vô điều kiện mà sao lần này hấn thắc mắc dữ?

Tiếng Tào ở tay lái chắc lưỡi nói xuống:

– Có mà thánh hiệu được nó.

Xe vượt qua cầu Bông, thẳng quốc lộ số 1, rẽ vào đường nhựa nhỏ hơn bên trái.

Thiệu giật nảy mình:

– Ấy chết đi Tây Ninh à?

Vợ Tào cười khanh khách. Tào điềm nhiên:

– Thì đi Tây Ninh cũng được chứ sao.

– Này đừng đùa dai, tôi không đi Tây Ninh đâu.

Tạo hơi ngoẹo đầu, ghéch khuỷu tay trái lên thành xe, tay phải nhẹ nhàng vặn lái cho xe lượn theo một khúc quanh, không nói. Thiệu đưa cả thân người về phía trước nhắc lại:

– Này đừng có đùa dai, tôi không đi Tây Ninh đâu!

Vẫn cái giọng cố tình điềm nhiên của Tạo làm Thiệu tưởng phát điên lên được:

– Sao lại không đi Tây Ninh được? Báo mới phát hành hôm qua, chúng ta có thừa thì giờ mà.

Vợ Tạo ý chừng thương hại Thiệu nên cố nín cười quay xuống nói:

– Đùa đấy, anh đừng lo chúng ta chỉ đến Thủ Dầu Một thôi mà.

Thiệu thở phào như trút được gánh nặng:

– Bố lão! Trêu người ta “goài”!

Cả bọn được dịp cười vang.

Tạo nói — vẫn với Thiệu:

– Tâm bệnh của cậu, “thằng này” biết rồi đấy nhé, hôm qua thoáng thấy đứa nào ở hiệu bào chế đường Bonard ra...

Thiệu cướp lời:

– Sao tôi không thấy cậu?

Nói xong Thiệu mới biết mình ngây thơ. Quả nhiên Tạo đáp:

– Lúc đó thì cậu còn nhìn thấy cóc ai nữa!

Tới Thủ Dầu Một xe rẽ ra bờ sông, leo lên một đường đồi gỗ ghề, dừng trước một ngôi chùa cổ kính có sân gạch, có hồ bán nguyệt thả sen, gần đấy có bãi cỏ và rất nhiều cây cổ thụ. Tạo nhảy xuống trước tiên vừa mở hòm sau xe vừa hô hào mỗi người giúp một tay. Có gà quay, có bánh mì, có vang, bia đóng hộp. Thì ra vợ chồng Tạo tổ chức “picnic” bất thường để kỷ niệm ngày cưới của hai người.

Lẽ cố nhiên bữa tiệc ngoài trời hôm đó vui lắm và kéo dài bất chấp sự sốt lòng nóng ruột ngấm ngấm của Thiệu.

Tiệc tan, tuy đã nhiều lần giục khéo mọi người nên về sớm mà khi xe Tạo nhả Thiệu ra trước cửa tòa báo cũng đã bốn giờ chiều rồi. Tất cả các anh em khác còn theo Tạo về nhà để nghe Tạo đọc tấu dương cầm.

Thiệu nặng chân dặn ga cho chiếc deux chevaux lướt veo veo về hướng Bonard.

Tới nhà Yến, chị Hai ra mở cửa nói:

– Thừa cậu cô con vừa đi khỏi.

Cho là có khi Yến đợi mình lâu nên đến tòa báo tìm, Thiệu quay xe trở về ngay. Không gặp Yến! Nhìn qua cửa sắt cũng chẳng thấy danh thiếp hoặc thư viết. Thiệu đành mở cửa vào ngồi ở bàn giấy có ý chờ cho tới sáu giờ rưỡi chiều. Biết là vào giờ này hiệu bào chế của Yến đã mở cửa. Thiệu lái xe đến tìm gặp nàng.

Yến vừa xem xong đơn của khách hàng để bảo người lấy thuốc, thấy Thiệu đến nàng khi làm điệu chào.

Thiệu đến bên Yến nói khẽ:

– Bị mắc bận bất ngờ nên bốn giờ tôi mới tới đây, Yến vừa đi khỏi.

– Tôi đi xi-nê. – Yến đáp gọn rồi cúi xuống xem đơn.

Ngập ngừng một giây rồi Thiệu nói:

– Yển đương bận, lát nữa tôi đến vậy nhé.

Yển ngẩng lên đáp: – Vâng. Rồi cúi xuống ngay.

Tuy còn ngờ ngợ nhưng Thiệu cũng mang máng đoán là Yển giận mình. Chàng tự nhận việc để người đàn bà phải ngồi chờ hơn một tiếng đồng hồ trong hoàn cảnh đặc biệt đó kể ra cũng là một lỗi khó tha thứ. Thiệu nhắm lựa sẵn trong trí lời xin lỗi Yển.

Hai giờ sau.

Vừa lái xe sát vỉa hè Thiệu thoáng thấy Yển có ngẩng nhìn rồi vội vã đi vào nhà trong. Lúc đó dễ đã tới chín giờ khuya, cửa hiệu không còn khách.

Lần này Thiệu biết chắc là Yển giận mình. Vừa cho xe đi thẳng chàng vừa nghĩ thầm:

“Thôi để Yến giận qua một đêm cho hả, mai mình đến cười xòa cũng vừa”.

Thiệu đâu có biết không những Yên giận chàng đã để nàng ngồi chờ hơn một tiếng đồng hồ, mà Yến còn cho rằng nàng đã không nhầm khi trước đây quan sát đôi mắt chìm đi đâu của Thiệu. Nàng ngờ Thiệu nghĩ đến một bông đẹp thanh tân nào mà Thiệu ráp tâm xây dựng tương lai.

“Phải, chàng trai ấy cần gì mình!”

Câu đó tuy là câu nhủ thầm mà như biến thành bão táp trong tâm hồn Yến. Nếp sống hoang toàng của Thiệu có một vẻ gì quyến rũ lắm, Yến lạ gì.

Yến quên hết... quên hết rồi những lời nói nồng nàn cảm tình, những săn sóc kín đáo tế nhị của Thiệu. Theo Yến đó chỉ là cách thù tạc thường tình của bất cứ chàng trai nào đối với người đàn bà còn nhan sắc.

Mười giờ hôm sau Thiệu đến. Chị Hai ra mở cửa nói ngay:

– Thưa cậu cô con vừa đi khỏi.

Thiệu đoán rằng Yến đã dặn chị Hai nói thế.

Chúng bắt đầu thấy khó chịu nhưng sau còn đủ bình tĩnh nhận lỗi về phần mình. Dù sao chàng cũng cần phải gặp Yến để nói cho dứt khoát.

Tám giờ tối hôm đó Thiệu tới hiệu bào chế đi thẳng đến gần Yến và nói ngay, giọng nói cố giữ cho thật êm dịu, bình tĩnh và thân mật nữa:

– Tôi đã sửa xong bức vẽ, lát nữa chín giờ tôi đến đón Yến lại xem nhé.

Giọng Yến cũng bình tĩnh nhưng không có nụ cười:

– Cuối tháng nên tôi phải kiểm toán sổ sách không đi đâu được anh ạ.

– Thôi chào Yến.

– Chào anh!

Chiếc 2 chevaux rú máy chồm lên rồi vút thẳng.

– Coi như là hết! - Thiệu nghĩ vậy.

Như bị một sức hút dị kỳ, êm ả Thiệu lái xe lại đường 20.

Chị Hoa có nhà – thường thì bao giờ chị cũng có nhà vào giờ này – cả anh Biển nữa. Trong khi Thiệu bắt tay anh Biển, chị Hoa nói:

– Gớm cậu vui anh vai em gì mà để đến hai tháng nay không thấy mặt?

– Trông nom tờ báo như vậy bạn lắm chị ạ.

Tuy trả lời trôi chảy thế nhưng trong thâm tâm Thiệu có thấy với ngượng với chị. Kể từ ngày làm báo vui anh vui em rồi gặp lại Yến mọi ý nghĩ của Thiệu đều chảy về Yến như trăm ngàn con sông chảy ra biển. Thiệu sống ngộp trong hình ảnh Yến mà quên khuấy hẳn chị. Đến lúc thoáng gợn đổ vỡ Thiệu mới trở về tìm nguồn an ủi ở đôi mắt, nụ cười hiền diệu, bao dung của chị. Chàng hỏi anh Biển để quên nỗi lòng dằn vặt:

– Các cháu đâu hờ anh?

– Các trẻ nhà này bao giờ cũng đi ngủ sớm cậu ạ.

– Mới có tám rưỡi mà các cháu đã đi ngủ?

Chị Hoa đỡ lời chồng:

– Có khi chúng đi ngủ từ tám giờ, sáng dậy rất sớm y như chị em mình ngày xưa ở cùng Thầy Mẹ.

Khuôn mặt chị Hoa chợt buồn rầu – chắc là vì chị vừa nhắc đến Thầy Mẹ. Chị nhìn Thiệu dịu dàng hơn nữa:

– Cậu phải nghe chị, dirng có chơi bời, phải tinh chuyện lấy vợ đi mới được.

Thiệu nhìn anh Biền cười rồi mới quay lại nói:

– Chị khỏi phải cần dặn em điều đó. Thì chị đi hỏi vợ cho em đi.

Cả ba vùng cười. Thiệu nói:

– Anh chị đi xi-nê với em nhé.

Biền suy nghĩ một giây rồi đáp:

– Thôi cảm ơn cậu sổ sách cuối tháng còn bẽ bộn lắm.

Chị Hoa nói đùa:

– Bao giờ cậu có ô-tô đẹp đã, ô-tô làm bằng tôn lợp vải ấy chị chẳng đi.

– Được rồi em giận chị, em đi một mình vậy.

Rồi Thiệu ra đi vui vẻ. Chị Hoa nhìn theo âu yếm.

Thiệu cho xe đi vào những đường phố lớn và vắng. Chàng đi như vậy khá lâu, chẳng hiểu đã qua những đường nào. Chàng không khỏi thấy chán nản chua chát mỗi khi tự nhắc thầm câu: « Coi như là hết! » nhưng chàng cũng phải nhận thầm rằng lúc Yến giận môi Yến đỏ mọng khuôn mặt Yến phụng phịu quyến rũ một cách lạ. Hình ảnh đó tuy đẹp thật Thiệu vẫn nhất quyết không tìm gặp Yến nữa.

Chẳng hiểu vì một sự run rủ huyền bí nào hôm sau Thiệu gặp nhà tư bản đã mua bức tranh « Khúc quanh của dòng sông ». Nhà tư bản cho Thiệu biết ông là một trong những người

di cư đầu tiên vào Nam và bức tranh « Khúc quanh của dòng sông » là một trong những vật đầu tiên ông cho lên xe di cư. Thiệu nhận lời mời đến thăm ông và nhân tiện ngắm lại bức tranh cũ. Thiệu đã ngồi trước bức tranh tới ngót một giờ, tách nước trên bàn để nguội. Chủ nhân ý chừng biết kính trọng sự gập gở của « hai cha con » nên không hề tới quấy rầy sự yên lặng thần thánh đó.

Nhìn bức tranh Thiệu thả cho hồn chìm vào dĩ vãng, chàng như thấy mình trở về làng để cùng Yến leo lên đê nhìn lại khúc quanh cũ của con sông xưa.

VIII

HAI NHÁNH SÔNG PHÂN LY

« Nhất nhật bất kiến như tam thu hề! »

Đã hai hôm nay Thiệu không gặp Yến!

Chẳng phải là ngày nghỉ, nhưng nhìn đồng hồ thấy kim gần chỉ ba giờ chiều Thiệu cũng quyết định đi xi-nê. Vừa bước vào cửa rạp chàng đứng sững lại: YẾN có mặt trong hàng người nối đuôi chờ lấy vé. Thiệu biết là Yến làm như không trông thấy mình vì rõ ràng khuôn mặt nàng càng phụng phịu và mỗi nàng càng đỏ mọng.

Đã từ hai hôm nay Thiệu vẫn nghĩ: trong khi chưa có dịp may đẹp đẽ, thì cứ giận nhau mà trọng nhau còn hơn làm lành gượng gạo mà rẻ rúng nhau. Thiệu chưa muốn làm lành với Yến trong dịp này nhưng nghĩ bất chợt hai người gặp nhau ở đây mà cùng quay mặt đi thì thái độ đó cạn tàu ráo máng quá.

Chính vì ở tình trạng cõi lòng bị chia xẻ giữa hai thái độ trái nghịch mà khi tiến lên lời chàng nói với Yến nghe gượng gạo:

– Yến ra ngoài này chờ, để tôi lấy về một thể.

Yến cười xã giao nhưng vẻ mặt vẫn nghiêm lạnh:

– Thôi cảm ơn anh, chẳng cần anh ạ.

Đâm lao đành phải theo lao vậy, Thiệu nói:

– Bức tranh của Yến xong rồi, Yến đến xem nhé.

– Thôi cảm ơn anh, chẳng cần anh ạ.

Như một bức tranh vẽ hồng, nét bút đưa vào để chữa làm hồng thêm, Thiệu thấy giận mình, giận Yến đến cực độ. Chàng đi ra khỏi cửa rạp.

Rồi mười ngày qua đi nặng nề Thiệu không gặp Yến. Chàng thấy cõi lòng hoang vắng và chàng biết Yến cũng chẳng sung sướng gì hơn. Vì lòng kiêu hãnh, vì lòng tự ái cố hữu của con người Thiệu, Yến cùng mắc vào khe răng cửa của định mệnh. Thiệu phải cố gắng lắm

mới giữ được cho tờ Nguồn Việt bộ mặt khá ái cũ — kể cả về nội dung lẫn hình thức. Văn chương, nghệ thuật, nếp sống mà làm gì khi không còn tình yêu? Chỉ có tình yêu làm đẹp người và người chỉ đẹp trong tình yêu. Thiệu thâm trách Yến đã không hiểu rằng mọi sự ở đời đều hư ảo trừ tình yêu. Trong tình yêu của Thiệu, Yến sẽ đẹp mãi, Yến đã dại đột chạy trốn tình yêu của Thiệu!

Hồn Thiệu là một khoảng trời.

Khoảng trời đó có một vì sao đẹp.

Vì sao đẹp rụng rồi.

Làm sao nói hết được cái hoang vắng của khoảng trời chột rụng mất vì sao đẹp?

Ngày nào Thiệu cũng đến thăm chị Hoa. Để tự an ủi. Nhưng nhiều khi bóng hiền dụ của chị Hoa cũng không an ủi nổi. Có đêm đang ngủ chàng sực thức giấc lắng nghe tiếng

ống khói chuyển tàu đêm phụt lên, âm thanh nặng nề như bước đi của một loài ác quỷ đang cố kéo trái đất vào lò hủy diệt.

Dù trái đất có hủy diệt thì tro bụi của Thiệu cũng phải tìm tro bụi của Yến mà hòa quyện lấy nhau.

Thiệu muốn hét lên: « Yến ơi, không có vũ trụ khách quan, vũ trụ nhuộm đậm tâm tình cá nhân, em thấy không? »,

Ngày thứ mười hai một tin vui sét đánh đến với Thiệu: chàng nhận được thư tòa đại sứ Pháp cho hay chàng đã được cấp học bổng vào học năm thứ ba trường Mỹ Thuật ở Paris. Lúc đó vừa là trung tuần tháng chín. Tính ra chàng chỉ còn một tháng trời để sửa soạn giấy tờ, thu xếp công việc sao cho lên đường kịp ngày nhập học vào đầu tháng mười một sắp tới.

Định mệnh đã làm xong công việc của nó, chẳng còn sao cứu gỡ được nữa! Bây giờ Thiệu

thấy chỉ nên thuận theo định mệnh mà làm cho cuộc tình duyên giữ được vẻ đau thương quyến rũ. Chàng không báo cho Yến vội. Chàng đã có một ý định.

Từ ngày gặp lại Yến, tuy hai người gần gũi nhau mà Thiệu chưa hề ôm Yến trong vòng tay bao giờ. Chàng đã ôm các vũ nữ, chàng đã ôm các cô gái thường, nhưng chàng không muốn ôm Yến. Trước đây chàng vẫn thầm tự nguyện: chàng chỉ ôm Yến khi Yến là vợ mình. Chàng sợ việc ôm trước Yến, gần gũi da thịt nàng như vậy sẽ làm mất cái đẹp lý tưởng của mối tình chằng. Hình như khi người đàn bà, đã biến thành bản thể của tình yêu thì dù ở tuổi nào, dù đã lăn lộn đến đâu trong trường tình người ta vẫn nén lòng với thái độ trầm lặng để đứng vừa đủ xa người yêu mà ngấm cho lòng thêm mê say hơn là tiến lại quá gần mà lòng kém thanh tao. Định mệnh đã quyết thế: hai người như hai vì sao lân cận — chẳng ai chịu là hành tinh của ai — mỗi vì có một quỹ đạo riêng nếu sát gần lại quá sẽ gây rối loạn cho nhau.

Suốt hai mươi năm hôm liền Thiệu đi lo giấy tờ, thu xếp bàn giao công việc tòa báo, sửa soạn hành trang. Thiệu hết sức tránh không đi qua hiệu bào chế đường Bonard, không đi cả xi-nê nữa e bất chợt gặp Yến như hôm nào. Chuyện này Thiệu có tâm sự qua với Tạo. Trước ngày đi hai hôm, Tạo họp các anh em trong tòa soạn làm tiệc tiễn hành. Đặc biệt hôm đó Tạo ít bông đùa và nhìn Thiệu bằng đôi mắt ưu ái. Thiệu biết không phải Tạo trầm ngâm vì đôi bạn sắp phải xa nhau hàng năm trời mà Tạo còn thông cảm với nỗi buồn của chính Thiệu nữa. Lúc dùng đồ tráng miệng Thiệu yêu cầu Tạo đờn cho mình nghe. Tạo ngồi ngay vào dương cầm và chơi khúc « Marche funèbre » trong bản Đại Hợp Tấu thứ ba của Beethoven. Tiếng đàn dứt, mọi người vỗ tay, Thiệu buồn rầu hỏi Tạo.

– Sao cậu chơi Marche funèbre?

– Đây không phải Marche funèbre của Chopin – Tạo nắm lấy tay Thiệu, đáp lại... mà

là Marche funèbre của Beethoven, cậu đi vào tương lai màu hồng của sự nghiệp nhưng mang theo một cái tang trong lòng!

Đôi bạn nắm tay nhau im lặng; niềm thông cảm như ánh sáng biêng biếc ấm của vài vì sao trên vòm cao một đêm đông hiu hắt.

Ngày cuối cùng là tiệc tiễn hành của chị Hoa. Lần này đến lượt chị Hoa đi Cái Sắn đón anh chị Tín và các cháu. Bữa tiệc khá lớn và vui. Y như lần trước, chị Hoa chỉ ngồi để gấp thức ăn cho Thiệu. Tuy chị không nước mắt chạy quanh vì chị biết Thiệu đi lần này là đi du học ở một nước văn minh và khi thành tài Thiệu sẽ có một địa vị đáng kể, nhưng thỉnh thoảng chị vẫn nhắc câu:

– Sang bên đó đừng chơi bời gì nhé, cậu nhé, mình đã trưởng thành, giờ bắt tội cha mẹ chết sớm...

Chắc là chị có được nghe nhiều chuyện về

cung cách ăn chơi tại kinh thành ánh sáng.

Thiệu khuyên các anh chị đừng ai phải ra tiền tận trường bay Tân Sơn Nhứt làm gì, vì chàng sẽ ngủ lại ở đây, sớm mai khi ra đi có đông đủ cả nhà là được rồi. Ý kiến này được chị Hoa nhiệt liệt tán thành. Chị vốn ghét đưa tiền!

Chín giờ tối hôm đó Thiệu đến tìm Yến. Chàng cho xe 2 chevaux đậu vào góc đường Bonard đúng chỗ xe đã đậu ngày chàng gặp lại Yến lần đầu. Thiệu thủng thỉnh đi lên. Nụ cười và đôi mắt Yến cùng sáng lên khi nàng vừa nhận ra Thiệu.

Thiệu nói:

– Tôi muốn gặp Yến một chút được không?

Yến vui mừng:

– Được chứ. Mời anh vào trong nhà.

Thiệu lắc đầu:

– Không, xe tôi để ở đầu đường, Yến theo tôi tới đây.

– Nếu vậy anh chờ tôi vào thay chiếc áo blouse này đã.

Yến đã thay blouse, nàng mặc một chiếc áo màu cánh chả rực rỡ nhất.

Khi ra tới đường Yến hỏi:

– Anh giận Yến?

Lần đầu tiên Yến xưng « Yến » thật thân mật với Thiệu.

Thiệu cười hỏi lại:

– Hay là Yến giận anh?

Lần đầu tiên Thiệu xưng “ anh với Yến mà cả hai đều cảm thấy rất tự nhiên.

Yến nói lại giọng tỉnh nghịch:

– Nhất định anh giận Yến.

Thiệu đi sát lại hơn, vai Thiệu và vai Yến cố ý dựa vào nhau để cùng tiến bước. Thiệu cúi xuống âu yếm:

– Nếu hiểu chữ giận theo nghĩa siêu hình của nó thì anh thường xuyên giận Yến nghĩa là thường xuyên... yêu Yến.

Yến ngược mắt nhìn Thiệu rồi cúi xuống không nói. Hai người vừa tới chỗ để xe.

Thiệu dừng lại trước, hai người đứng đối diện, đôi mắt Yến nhìn Thiệu thoáng vẻ lo lắng. Hình như linh tính đã cho nàng biết trước sự chẳng lành.

– Anh phải đến báo Yến – Thiệu nói... đến chào Yến thì đúng hơn, mai anh đi Pháp.

Thực tình lúc đó Yến tưởng nàng khuyu xuống:

– Anh đi Pháp?

– Anh được cấp học bổng sang đó học nốt về hội họa.

– Anh đi mấy năm?

– Có thể là ba bốn năm có thể là năm mười năm.

Hai tay Yến nắm lại và nàng cắn môi, không phải để suy nghĩ mà để có đủ lực chịu đựng nhát búa khốc liệt của định mệnh. Giây lâu Yến hỏi, giọng lạc hẳn đi khiến Thiệu có cảm tưởng như nghe tiếng đó trong một giấc chiêm bao:

– Chúng mình đã giận nhau thật ư hở anh?

– Thật chứ!

– Kể có thể mà chúng mình giận nhau, vô lý thật.

– Cuộc đời mà không có những cái vô lý như thế thì chán chết.

Yến ngược nhìn Thiệu trách móc:

– Đến lúc này mà anh còn đùa được ư?

Thiệu nhìn Yến như muốn để Yến cảm thấy chết đuối trong tình mến thương của mình rồi nói:

– Yến nghĩ xem anh còn biết làm gì hơn? Giờ còn có khi nắng khi mưa hươg chi là người. Miễn là bây giờ chúng ta không giận nhau nữa là được rồi. Ấy là tại mai anh đi Pháp, nếu anh còn ở đây lẽ cố nhiên chúng ta còn giận nhau như thường. Định mệnh muốn thế Yến ạ.

Giọng Thiệu trầm xuống nữa:

– Nhưng quả là chúng ta đã yêu nhau thật, điều đó mới cần yếu. Giả sử anh giàu, anh có nhà cao cửa rộng, có ô tô Mỹ thì gặp nhau, thân nhau, yêu nhau chúng ta vẫn nhiều khi bối rối tự hỏi: chúng ta có yêu nhau thật không, hay là cái giàu sang cái hợm hĩnh của anh đã kêu gọi được cái bất kham ở Yến và cả hai cùng có ảo tưởng là đương yêu nhau. Cái nghèo của một trong hai người là một thứ cửa hẹp lọc lấy phần tinh túy của tình nhau.

Có hai giọt nước mắt đọng trên mi mắt Yến mà Yến thì đứng lặng yên như tượng. Thiệu nắm lấy tay Yến:

– Kiếp sau Yến là vợ anh! Kiếp sau em là vợ anh! Cho đến cái ngày xa xôi đó, anh lúc nào cũng mê say hình ảnh em.

Buông tay Yến ra, Thiệu thấy hai tay nàng bỏ trống. Yến vẫn không nói gì, không nói được gì.

Thiệu mở cửa xe lấy ra bức tranh trao cho Yến. Chàng nói thật nhanh:

– Thằng hoặc có nhớ đến anh, em nghĩ đến một người yêu em từ thuở còn thơ ấu, yêu tha thiết mà vẫn cố nén lòng không ôm em, không hôn em để giữ trọn vẹn tình lý tưởng. Hình ảnh của anh đó.

Thế là thoát, câu cuối cùng Thiệu nói xuôi một mạch trơn tru như một dòng suối lao mình trên một triển đá phẳng.

Yến vẫn không nói gì, không nói được gì. Nàng lẳng lặng cầm bức tranh rồi quay đi. Nhìn phía sau, Thiệu thấy hai cánh tay Yến hai co lên để khung tranh khỏi sát đất. Ánh ngọn điện đường lọc qua lùm cây đổ xuống đôi bờ vai thon chột rung động của nàng.

Thiệu không thể đi theo Yến, Thiệu không thể cầm bức tranh đó cho Yến, bởi còn gần Yến lúc này chàng e rằng mình sẽ không nén được

nổi lòng cảm động, và như vậy – theo ý chàng — hơi lố đối với một người đàn ông.

Về phần Yến, tuy đi trong bàng hoàng đau đớn, mà nàng còn kịp nghĩ rằng: phải, Thiệu chưa hề ôm nàng thật nhưng nàng đã thất thân với Thiệu từ lâu rồi. Cả tâm hồn Yến là của Thiệu. Yến chẳng thể tự chủ mỗi khi bị chìm ngập trong đôi mắt của Thiệu. Yến thừa biết đã tự bao giờ trong trí tưởng tượng cao khiết và hùng vĩ của người yêu nàng chỉ là một pho tượng khỏa thân.

* * *

Khi bóng Yến đã khuất vào Pharmacie, Thiệu thở phào một tiếng thật dài, ngược nhìn lùm cây, ngẩng nhìn bóng đèn rồi phóng tầm mắt lên gặp mấy vì sao.

Vừa đóng cửa xe, chàng vừa chép miệng nói khẽ:

– Có thể mình đi mới yên lòng. Còn gì buồn hơn khi xuôi dòng con sông còn phải ngoái cổ lại thắc mắc về một khúc quanh!

Thiệu nghĩ thầm sẽ đến thẳng nhà Tào xem sớm mai có những bạn nào ra Tân Sơn Nhứt tiễn mình.

Nhưng sao Thiệu chưa cho xe chạy?

Từ nay nắng vàng chẳng còn chiếu lên con đường mịn nằm nép dưới cầu như người vợ yêu nằm nép dưới cánh tay chồng, mà là thứ nắng vàng làm căng dây tâm tình để bắt lấy tiếng sầu từ vạn ngả:

Ôi, nắng vàng sao mà nhớ nhung

Có ai đàn lẻ để tơ trùng

Có ai tiễn biệt nơi xa ấy.

Khiến bước chân đây cũng ngại ngừng.

(thơ Huy Cận)

Hình như có mùi thơm hoang dại của những đôi hoa sim màu tím, mùi thơm như vùng lên thành tiếng kêu thương bát ngát, rồi quện lấy người bộ hành trên đường mòn cho cả hai cùng bớt cô độc.

Hình như có người con gái mặc áo hoa thắm hể nói lên là bối rối như ánh trăng trong chậu nước sóng sánh. Vì nàng trong trắng quá, trong trắng như con chim nhỏ kia cất tiếng hót mà chẳng kịp nghe tiếng mình hót. Người con gái áo thắm, nét mặt thật đẹp, mũi dọc dừa thật đẹp, khi miệng cười thì mắt cũng cười. Nhưng sao cả khuôn mặt đẹp đó bỗng trôi theo dòng sông mây trắng trên đèo Hải Vân?

Máy đã nổ dừ dừ. Thiệu vẫn chưa cho xe chạy.

Yến bướng bỉnh thế đấy. Không bao giờ chịu khóc trước mặt ai, chỉ khóc một mình. Hay là Thiệu đi thẳng vào cửa hiệu, tới phòng Yến gõ cửa. Yến đương khóc. Yến sẽ lay vội

nước mắt nhưng vẫn còn ngấn ướt để Thiệu thấm cho khô. Lau nước mắt cho Yến làm gì nhỉ? Lau như vậy là khơi nguồn nước mắt vô tận cho người yêu đáng thương. Mai Thiệu đã ra đi sớm rồi mà. Đừng lau ngấn nước mắt đó để tư tưởng của đôi bên gom lại có đủ sức mạnh khơi cho “càng sâu nghĩa bể, càng dài tình sông”.

Ôi, con sông dài!

Con sông dài làm sao!

Con sông dài như chẳng bao giờ gặp biển!

(Còn một kỳ nữa)

DOÃN QUỐC SỸ

BẠCH MAI THI XÃ

THÁI BẠCH

Thảo thụ tổng phi tiên độ sắc,

Yên hà bất tự vãng thời xuân.

Hai câu thơ này của thi sĩ Tào Đường xưa tả cảnh Lưu Thần, Nguyễn Triệu khi trở lại thiên thai, có nghĩa là:

Cây cỏ khác xa đường lối cũ,

Yên hà chẳng giống nếp xuân xưa.

Nay để hiến các bạn về Bạch Mai thi xã, chúng tôi xin tạm mở đầu bài bằng hai câu thơ trên, vì ngày nay nhắc đến Bạch Mai thi xã, nơi tụ họp của các bậc văn nhân tiên bối Đồng

Nai xưa, những ai là người thích ngắm trăng vịnh nguyệt, những ai là tao nhân mặc khách muốn tìm lại dấu cũ của người xưa để cũng không khác nào như hai chàng Lưu, Nguyễn khi trở lại Thiên thai. Nếu Thiên Thai nơi hoa đào nước biếc đối với hai chàng Lưu, Nguyễn ngày xưa khi trở lại đã nhuộm màu trần, thì ngày nay Bạch Mai thì xã đối với thế hệ cũng chỉ còn là một nơi đá xanh cỏ mọc sen lẫn với đồn binh trại lính.

Sao rời vật đổi, ngày qua tháng lại, chỉ mới chưa đầy một thế kỷ mà cái cảnh lá xanh bông trắng của đôi mai với những dư âm của thi tứ, sớm đã đi vào một dĩ vãng tựa hồ như xa lơ xa lắc.

Trên đường Sài Gòn – Chợ Lớn – Phú Lâm, du khách đi qua trường võ bị Cây Mai, ngừng bước lại thấy đó bây giờ là một nơi đào tạo những thanh niên hồ thỉ của thế hệ hai mươi. Nhưng cách đây vào khoảng một trăm năm, chính đó là nơi nổi tiếng bậc nhất về hào hoa

phong nhã của đất nước miền Nam với cái tên là Bạch Mai thi xã.

Bạch Mai thi xã lập ra ở đó, vì nơi đây, khi xưa còn ngôi chùa cổ “Mai sơn tự” và trên ngọn đồi cứ mỗi độ xuân sang, những cây mai trên đó lại nở những bông trắng đưa ra mùi hương bát ngát để đón khách thừa lương khi nhàn du khiến hứng, mà thứ bông này là một thứ bông rất hiếm ở miền Nam, cho nên nữ sĩ Sương Nguyệt Anh trong bài thơ vịnh “Bạch Mai” đã cho là một thứ hoa thần, phải nhờ ở cái cảnh “non linh đất phước” mới có sanh ra được.

Người sáng lập ra thi xã này là ai?

Chính là nhà thơ Tôn Thọ Tường, mà nói đến thân thế cùng sự nghiệp ông, chúng ta ngày nay cũng không còn lạ nữa.

Xuất thân giòng trâm anh thế phliệt “bốn đời chung đội ơn nuôi dưỡng” với văn tài lỗi lạc, họ Tôn tưởng sẽ vén bước thang mây bằng

con đường bút nghiên lều chõng. Nhưng mấy lần ra đi, lại mấy lần trở gót về không. Thế rồi sau khi bị bắt giải về kinh thọ tội vì ăn tiền đội quyền đi thi cho người khác, họ Tôn được vua Tự Đức thương tình ân xá và cấp cho năm mươi lạng bạc trở về Gia Định, mới lập ra thi xã này ở trên đồi Cây Mai, lấy tên là Bạch Mai thi xã để cùng các bạn văn thơ nhàn du và xướng họa.

Bạch Mai thi xã ra đời vào khoảng năm 1856–1857, lúc ấy sáu tỉnh miền Nam còn đang ở trong một cảnh trí thái bình, nên rất được các sĩ tử ở bốn phương đi lại tụ họp. Trong số những tao nhân mặc khách của Bạch Mai thi xã có đủ các hạng khoa bảng và sinh đồ như các ông: tấn sĩ Phan Hiến Đạo, thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, tú tài Nguyễn Đình Chiểu, cử nhân Huỳnh Mẫn Đạt v. v... đa số là những văn nhân thi nhân trứ danh ở Đồng Nai, Bến Nghé.

Theo tục truyền, Bạch Mai thi xã cứ mỗi tháng một lần vào tuần trăng sáng có một cuộc

hội họp để cùng nhau uống rượu ngâm thơ. Rượu đây không phải của người sáng lập xuất tiền mua, mà cũng không phải là những món tiền góp lại của các ông trong thi xã, vì Bạch Mai thi xã lập ra không có điều lệ và cũng không bắt buộc một ai phải đóng một số tiền nào. Vốn là một tay khoáng đạt, nên người sáng lập ra nó chịu mọi phi tổn về chi phí, đãi thọ. Nhưng sau cứ mỗi lần có cuộc họp mặt anh em như vậy thì những rượu và đồ ăn đều do các sĩ tử ở khắp nơi đem lại.

Mỗi ông đi lại Bạch Mai thi xã thường với một tập thơ và luôn cả những thứ thực phẩm của địa phương mình, vì phần nhiều các sĩ tử ở miền Nam khi đó đều là những gia đình khá giả. Các ông thường từ miền Hậu Giang đi lên bằng ghe mui ống với kẻ hầu người hạ, và mỗi lần đi như vậy, trong ghe của các ông đã mua sắm đủ thứ đem theo nào là quà tặng để họp anh em, nào rượu, nào trà, nào các thứ khô biển, nào các thứ thịt rừng. Và mỗi lần họp, các ông trong thi xã chẳng những đã được sảng

khoái về tinh thần mà còn được thêm no đủ về vật chất. Có khi ở trên đồi Cây Mai, các ông ngâm vịnh chán lại xuống ghe thả hồn trên sóng nước Đồng Nai, nên đương thời có người đã cho các ông là những chích tiên ở trên đồi Bạch Mai đi xuống với bầu rượu túi thơ.

Thơ của Bạch-mai thị xã có rất nhiều, nhưng tiếc thay không in ra để phổ biến, nên qua nhiều cuộc biến cố của thời đại, ngày nay chỉ còn sót lại mấy bài như « Chiêu quân xuất tái » của Tú Tuyền:

Phong trần tránh tui phận hồng nhan,

Nhắm mắt đưa chân lúc quá quan.

Tay ngọc gượng nâng dây bán nguyệt,

Gót sen lần bước dặm trùng san,

Năm canh nhớ Hán sầu vương ngôn

Sáu khắc cắm Hồ lửa đốt gan.

Chín bệ những dầu an gối binh;

Ngàn thu tiết gái tạc bia vàng.

Và sau đây là một bài thơ trào phúng “Vịnh làng Hòa Khánh” của Cử Thạnh:

Nực cười Hòa Khánh quá nên hư

Cha mẹ chẳng nuôi, nuôi Đạo Tử.

Thịt béo hàng ngày đem cúng tự,

Gái xinh thường bữa đến hầu sư.

Giảng kinh cứu thế mồm lau láu,

Thâu của nhân gian đẩy cứng khừ.

Nghĩ lại mà thương làng xóm ấy,

Không say lại mắc bệnh lữ đừ.

Bạch Mai thi xã tuy không được mở rộng, vì nó chỉ đóng khung trong hàng các sĩ tử, nhưng dù sao đi nữa, và tuy chỉ là để ngâm nga khiến hứng cho thỏa mãn cái tinh thần nhàn hạ khoáng đạt của một lớp người thôi, nhưng vô hình trung, chính nó cũng có một tổ chức văn nghệ rất ảnh hưởng đến đương thời và góp trên lịch sử thi văn nước nhà một công trình hữu ích, mặc dù người sáng lập ra nó về sau có nhiều điểm không tốt với quốc dân, mà các nhà phê bình, làm sử không thể bỏ qua được.

Kể ra, người lập ra Bạch Mai thi xã cũng là một người có óc sáng kiến trong văn giới nước nhà để đoàn kết các văn nhân thi sĩ, và Bạch Mai thi xã cũng chính là một cái cầu liên lạc và trao đổi tâm hồn của những tay cầm bút đương thời. Giá phải trường đời đừng có những éo le thay đổi thì Bạch Mai thi xã còn biết bao nhiêu là những cái đáng khen đáng mộ.

Nhưng tiếc thay, Bạch Mai thi xã chưa sống được bao năm thì cái cảnh nhà tan nước mất

xảy đến với đồng bào miền Nam. Năm 1860, quân Pháp vào Gia Định, Bạch Mai thi xã chết đi không kèn không trống, và nơi tụ họp của các tay thơ thần rượu thánh trên “non linh đất phước trở hoa thần” phải biến thành một chiến trường đầy rẫy những xương rơi máu đổ. Và sau đó, những ông trong Bạch Mai thi xã liền chia ra hai khối, một khối là Tôn Thọ Tường và Phan Hiến Đạo thì ra giúp việc cho chánh phủ “Tân trào” còn một khối nữa là các ông Phan Văn Trị, Huỳnh Mẫn Đạt v. v... quyết chống lại, thà chết chứ không chịu đem thân ra làm tay sai cho giặc để sát hại đồng bào.

Trạnh niêm nhớ cảnh “xưa sao thơ phú ngâm nga, giờ sao tan tác như hoa giữa rừng”, Tôn Thọ Tường khi ra làm việc cho Pháp, một ngày nọ trở lại thêm xưa, có làm bài thơ vịnh:

Đau đớn cho mai cách mấy đèo,

Mười phần trong sạch phận cheo leo.

Sương in tuyết đóng nhành thơ thót,

Xuân đến thu về, sãi quạnh hiu!

Lặng lẽ chuông quen con bóng xế,

Tò te kèn thổi mặt trời chiều.

Những tay rượu thánh thơ thần cũ;

Nhìn cảnh bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu.

Và một người nữa, cũng chân trong Bạch
Mai thi xã là Lê Quang Chiêu, cai tổng ở Cần
Thơ có làm bài họa lại:

Tìm mai mấy độ đã xa đèo,

Xót lẽ thân gần vắng vấn leo.

Sương tuyết bốn mùa hoa sạch sẽ,

Gió đông đôi trận sắt đìu hiu.

Đầy đưa cửa Phật hơi kèn sớm

Quanh quẽ nhành chim xế bóng chiều.

Thăm tiếc phải còn phong cảnh cũ:

Văn nhân tài tử biết bao nhiêu!

Than ôi! Bạch Mai thi xã không còn. Tiếc thay cho sự nghiệp của người đã gây dựng ra nó! Và nói đến Bạch Mai thi xã ta hãy tạm gác ra một bên, đoạn đời chánh trị, cũng của con người ấy.

Đôi Bạch Mai còn, nhưng đối với Bạch Mai thi xã, ngày nay có ai tìm dấu vết xưa kia mặc dù đã rêu phong cỏ mọc, của những khách túi thơ bầu rượu, khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.

Vậy nhắc đến Bạch Mai thi xã những văn nhân tài tử khi ngang qua đôi Bạch Mai, hỏi ai không giây phút chạnh lòng, nhớ lại những cái

đã một thời vang bóng. Những cái đó tuy đã trôi theo ngày tháng không trở lại, nhưng nói tới, hỏi ai những khách đa tình đa cảm, không mơ thấy lại những buổi sum vầy khoáng đạt của Bạch Mai thi xã để cho tâm hồn được sáng khoái tự nhiên với mọi tình mọi cảnh.

THÁI BẠCH

ĐI TÌM THẾ GIỚI TRẺ CON

Cuối thế kỷ hai mươi

Hay đầu một thế kỷ tương lai

Trong một sớm có thể là rất sớm

Giữa một chiều vàng, lúc nắng ngả về tây

Vào một đêm sao yếu trăng gầy

Vào một đêm lập lòe mười con đóm

Hay quá khuya bởi không đợi được ban ngày

Sương ướt giăng mờ thôn xóm

Anh sẽ đến với các em

Thuở mới lên ba lên bốn

Tuổi chín tuổi mười

Lời nghe như là lời thơ ngây

Quen reo cười quen đùa giỡn

Anh sẽ đến với các em

Nhi đồng sao chóng cao sao chóng lớn!

Lớp thiếu niên nghịch ngợm!

Dấu chân vẽ ngoằn ngoèo trên khắp nẻo năm châu

Từ Á sang Phi, từ Úc Mỹ qua Âu

Từ đông về tây, từ nam lên bắc

Triệu triệu nhịp cầu

Vô hình nhưng vững chắc

Kết chặt bằng tình yêu thương nhau

Bằng những mái tóc tháng giêng lá biếc

Bằng những ánh mắt sáng trắng

Bằng những chuỗi hôn tha thiết

Bằng nụ cười cởi mở dù mới quen mới biết

Bằng cái nhìn thâm lặng hiểu nhau

Bằng giọt lệ ứa trào

Buổi nào đưa chuyển tàu tạm biệt

Tiếng nói hơi thở ghen ngào

Bằng muôn chiếc khăn tay vấy lên mãi miết...

Bằng gót chân chim con tổ mẹ còn quẩn quít

Bằng những cánh tay măng non

Quàng chặt lấy cổ

Bằng môi son miêng sữa

Ơi tình anh em!

Muôn đời tình anh em!!

Gì vững bền hơn nữa?

Anh hẹn đến với các em

Anh sẽ lên đường đi một mình một bóng

Nuôi đức tin nên lòng tràn trề hy vọng

Quá yêu thương đành chọn kiếp gian lao

Quá yêu thương cần sống chết bên nhau

Dù câu chuyện nợ duyên kể chưa trọn buổi

Chỉ thoáng trông nhau lúc trời vừa sập tối

Rồi nhìn nhau trong một phút

Trong khoảnh khắc

Mắt mơ màng giây lát

Dù trải qua nửa giấc chiêm bao

Các em ở đâu? Ở đâu anh cũng tới

Các em không thích xưng tên xưng tuổi

Nên anh không trình danh thiệp hỏi thăm nhau

Khăn gói quần vai, cam khó thêm tý muối

Lộ phí nghèo nhưng ý chí dồi dào

Thề với lương tâm xin nói thật.

Các em là mặt trời

Anh xin làm trái đất

Quay tròn quay tròn suốt đời

Không bao giờ chán nản

Không bao giờ nghỉ ngơi

Ước ao được đón ánh sáng

Thèm khát sưởi nắng tươi

Anh sẽ nhặt từng mảnh nụ cười tan vỡ

Tổ điểm mùa xuân với cuộc đời.

Các em là mặt trăng

Anh sẽ về xóm nhỏ

Làm dòng sông lơ lửng uốn quanh

Đêm chờ trăng lên hơn hờ hơn hoa nở

Dù trăng khuyết hay trăng tròn

Dù trăng mà hay trăng tỏ

Trăng buồn cuối tháng

Hay trăng vui đêm rằm

Trăng sẽ nghiêng mình trên xóm nhỏ

Trăng sẽ soi hình trước gương nước trong xanh.

Đẹp gì đẹp hơn nữa?

Các em là sao điều tung tăng trên trời cao

Anh xin làm mây hiền gió nhẹ

Mây hiền bay phời phới

Gió nhẹ thổi lao xao

Các em thoát khỏi hấp lực địa cầu

Anh xin làm vệ tinh dám đâu chậm trễ?

Các em về đâu mà chạy mau?

Thằng tới tương lai, đường dài đừng vội rẽ!

Anh sẽ đuổi theo sau

Ngày ngày đêm đêm quyết đuổi theo sau

Đường liên hành tinh quyết đuổi theo sau!

Lo chi giờ tận thế?

Các em là mặt biển sóng vỗ ạt ào

Không chắc anh sẽ làm tàu

Vì tàu chạy bằng dầu bằng than bằng máy

Sắc nước xanh lơ bỗng hóa đục ngầu

Các em hờn dối, anh lo âu biết mấy!

Sóng mắt đôi mày sẽ cau...

Bởi vậy... bởi vậy...

Anh xin làm thuyền nan buồm căng gió đầy

Làm cá làm chim mặc tình vùng vẫy

Khăng khít duyên cá nước chân trời

Cảnh thuyền nan buồm trắng biển khơi

Muôn đời sống nhấp nhô thuyền nhún nhảy

Vui gì vui hơn nữa, các em ơi!

Các em là nguồn

Anh xin làm dòng nước chảy ngược

Nước ngược về, nguồn bớt khổ đau

Các em là thác

Anh xin làm lưu vực trung châu

Các em là ven sông quê nghèo vườn rau xớ xác

Anh xin làm phù sa bãi cát chân cầu

Các em là giống khoai tiếp sản ruộng dâu

Anh xin làm nắng mưa phân đất

Các em là giống hạt thóc

Anh xin làm nước ngọt cho nẩy mầm

Các em là đồng lúa gió giỡn sóng vàng

Anh xin làm bù nhìn đứng canh chim chóc

Các em là cốm xanh thơm phức

Anh xin làm tay ngọc tay ngà

Các em là hoa

(Chúa tể những loài hoa!)

Anh xin làm bướm

(Bướm ngũ sắc như màu cầu vồng đem nhuộm)

Suốt tháng nhón nhơ

Quanh năm đùa giỡn

Cành đào khóm huệ vẫn vơ

Các em là nhụy vàng hương phấn

Anh xin làm giọt sương đọng ban mai

Các em là núi cao rừng rậm

Anh xin làm suối róc rách, mạch nước trong veo

Ngang đèo về thôn bản xa heo hút...

Anh xin làm một gốc thông reo

Tóc mây lòa xòa trên vùng trán

170 | Sáng Tạo số 20 _ 5.1958

Mặt trời e then má ửng hồng buổi sáng

Hoàng hôn lưu luyến lưng đôi đũa hiu

Các em là đàn chim yêu đời múa hát

Anh xin làm khúc nhạc hân hoan

Các em là trẻ chăn trâu lạc bước

Âm thầm qua thung lũng vắng hoang

Muốn thốt lên tiếng nói cho lãng quên khủng
khiếp

Anh xin làm lá vàng

Nguyện trọn kiếp làm lá vàng

Cơn gió thoảng, trùng trùng điệp điệp

Xác lá ngồn ngang

Tràn ngập lối mòn ngõ hẹp

Các em đừng tội nghiệp

Lá già rơi – nếu cành còn xanh biếc đọt non

Anh xin hóa thân hâu kế tiếp

Làm lá trái đường cho trẻ con

Anh xin đời đời chờ đợi dịp...

Làm bạn đồng hành với các em

Các em là nghĩa sống

Vạch đường dẫn đến tương lai

Các em là hy vọng

Mắt xanh xanh thăm mi dài...

Anh nguyện hiến đời cho nghĩa sống

Ngay hôm nay, chẳng đợi ngày mai!

Cho tương lai chứa chan hy vọng

Cho niềm vui cộng thêm nữa niềm vui

Trái tim, thôi! Không bao giờ, thôi, không bao giờ đóng cửa

Giăng đôi cánh tay vạm vỡ

Giăng đôi cánh tay dẻo mềm

Hơn cả chân trời mở rộng

Như tình yêu thương các em

Hơn cả Thái bình dương ba đào chuyển động

Đáy nước thăm thăm trào mông mênh...

Buồng phổi, thôi! Không bao giờ, thôi! Không bao giờ ngạt thở

Các em còn vươn lên.

Đường đến nhà các em nhiều trắc trở

Đường đến tình yêu thương

Trời long đất lở!

Bao nhiêu là hăm hố!

Bao nhiêu là lũy thép chiến hào!

Đạp gai dưới chân, dội lửa trên đầu

Sa mù rét hăng bão tuyết

Vì quá đổi yêu thương

Vì lòng anh quả quyết

Sá gì Hy-mã-lạp-sơn!

Máu tim trào sôi nồng nhiệt

Vì ước muốn tha thiết

Sá gì Bắc cực hay lục địa Nam-băng-dương!

Thời gian không gian bao la muôn dặm

Miễn chúng ta gần nhau gặp nhau

Anh đang đi, trán ngời sắc nắng

Giữa sa mạc miền bắc Phi châu

Anh đang đi, mưa đầm vai chiu nặng

Gió mùa thổi nghiêng quá nửa địa cầu

Hành trình còn dài lâu đặng đặng

Đường đến nhà các em khúc khuỷu hiểm sâu

Chưa gặp ai trên đường hầu xin kết bạn

Một mình một bóng trong đêm thâu

Gà đặng xóm biết bao giờ đua nhau gáy sáng

Cho chúng ta thử đoán phút gần nhau

Anh đang đi, nhìn vô cùng vô tận...

Anh đang đi, lửa bóng tối tan mau

Vì muốn đuổi xua ghen ghét căm giận...

Anh đang đi tìm thế giới mai sau...

Thế giới trẻ con không điều ngoa tàn nhẫn.

Khởi hành từ Việt Nam của ngõ Á Châu

Các em chờ anh, thể sống chết bên nhau.

HOÀNG BẢO VIỆT

TRONG VƯỜN ĐỊA ĐÀNG

TÔ THÙY YÊN

THẾ là xong cái toán cộng. Thế là xong tất cả công việc ngày hôm nay. Hạnh buông bút xuống, ngả lưng vào ghế và ngó mơ màng ra ngọn cây lấm lem màu chiều ngoài cửa sổ, mặc cho thân thể bỗng bệnh trong cảm giác mỗi một pha lẫn êm ái ngấm ngấm.

Năm giờ kém hai mươi trên chiếc đồng hồ tay của Hạnh. Còn những hai mươi phút nữa. “Còn sớm quá!” Hạnh nói thầm và thấy áy náy lạ. Lệ tan sở ở đây là năm giờ, năm giờ thật đúng. Từ nàng mới vào làm đến nay tức đã hơn mười một năm ròng rã, bác gác dan

già giữ việc nhận chuông chưa một lần để xê xích một phút nhỏ. Hình như người đàn ông úa héo, khô đét, buồn thảm ấy sinh ra chỉ để mà ngồi co ro nhẫn nại đợi chờ những giờ mở và đóng cửa sổ. Điều này, không phải chỉ mỗi mình Hạnh công nhận thôi...

Hạnh cố moi bởi trí nhớ coi còn việc gì chưa làm không nhưng không, tất cả đều đã xong xuôi đâu vào đấy rồi, tất cả; phải, nhất định là như vậy.

Thì đã mười một năm nay rồi chứ mới đầu hôm sớm mai gì cho cam. Đã mười một năm nay với ngần ấy việc không thay đổi tăng giảm bao nhiêu, như kẹo cao su, nhai đi nhai lại hoài hoài. Đã mười một năm nay trong cái phòng này, ở cái góc này, sau cái bàn này, trên cái ghế này; đã mười một năm nay và tất cả nếp sống hoàn toàn gồm bằng những thói quen nên những sự vật và người có mặt ở đây, đối với Hạnh, cơ hồ đã mất hết ý nghĩa. Vẫn cái cửa sổ này mở ra một vuông nhỏ thiên nhiên và nó

không còn gây cho nàng mấy may rung động nào nữa. Bởi vì sự rung động bao giờ cũng bắt đầu từ sự hiếu kỳ vô tư lợi, từ sự ngạc nhiên. Ôi! Mười một năm quá dài để mà sống và quá ngắn để mà nhớ!

Đã mười một năm nay và chỉ còn độ một tháng nữa thôi là Hạnh đã ba mươi ba tuổi, chao ôi! Thường buổi sáng sửa soạn đi làm, nàng soi gương thấy mình càng già và xấu xí thêm. Có phải chiếc gương là nơi lui tới của sự tàn tạ: nhìn vào đấy tức chỉ để thấy mình càng ngày càng bất lực; tuổi tác làm việc âm thầm như một bầy ong mật bên trong một cái tổ bằng pha lê. Một lần, Hạnh bỗng thấy mặt mũi mình lu mờ đi rồi từ từ sụp đổ khốc hại như một đụn cát hầm hiu trên bãi biển vào lúc nước lên, nước lên. Từ đấy, nàng thường bị hành hạ bởi một danh từ quái ác. Danh từ: gái già. Và sự hành hạ đó càng đau đớn bao nhiêu càng làm cho nàng hổ thẹn bấy nhiêu. Nên nàng vẫn cố tìm đủ mọi phương cách ngăn ngừa như là để tự nhiên da mặt không phấn sáp nữa, như là

bằng lòng với những màu áo khiêm nhường; nàng cố tập lấy cho mình tính an thường thủ phận, điều rất khó làm đối với các cô. Nàng đành nhắm mắt trước gương, trước hình hài nàng. Nàng đành nhắm mắt trước đời nàng. Nhưng cũng thường khi, giữa hai giấc ngủ, nàng tự vỗ về:

– Ôi! Bốn phận mình đối với em gái mình đáng bận tâm hơn!

(Mà bốn phận thì bao giờ chẳng đòi hỏi người thừa hành hãy bỏ quên chính mình trước đã?)

Phải, Huệ cần nàng; còn nàng thì nàng cần sự “cần” ấy của em gái. Nàng sống cho em gái và như vậy, nàng mới sống thật cho mình. Không, nàng không hề cô độc.

Nàng còn nghĩ thêm rằng đôi khi người ta sung sướng không phải vì hạnh phúc của riêng mình. Vả lại thứ hạnh phúc của riêng mình thì

đố ai là kẻ có lòng mà còn tìm thấy được?

Xưa, mẹ nàng cũng đã thể hiện điều đó và Hạnh càng định ninh rằng người ta sinh ra với cái nhiệm vụ vừa thú vị vừa cơ cực là nhận lãnh tính cứu mang từ thế hệ đi trước mà truyền giao lại thế hệ đến sau, đời đời không để hao mòn, thất lạc.

Vì vậy, mỗi lần nhớ đến người mẹ đen đui, sớm góa bụa, với hai đứa con thơ và sự khốn khó trên tay là Hạnh khóc. Chẳng rõ những dòng nước mắt đó dùng để thương xót mẹ hay để an ủi mình. Có lẽ nàng khóc cho cả hai thân phận hay đúng hơn, cho mỗi một thân phận thuần nhất mà nàng là sự kéo dài của người mẹ vậy.

Đã mười một năm nay, từ mẹ mất đi và Huệ từ thuở tấm còn ở trường đã đến tuổi thành lập gia đình và Hạnh từ...

Hạnh xuống cầu thang rồi bước trên những

vừa hè tấp nập của buổi chiều oi bức bốc lên thành hơi, tâm trí thần thờ trống trải cho đến lúc chợt tỉnh, nàng thấy mình đang đứng trong đám đông ở trạm đợi ô tô buýt. Ở đây, nàng nhận ra đám kẻ đồng hành hàng ngày và nàng hơi ngượng ngùng khi cảm thấy họ, cũng như nàng, đã nhận ra nàng như một chỗ quen biết từ lâu. Nàng liền tách ra, đến đứng sát bờ lề, lưng quay về phía đám đông.

Nhưng một bàn tay đã vỗ mạnh vào vai Hạnh. Nga. Hạnh nghiêm mặt chào lại bạn ngấm vẻ trách móc về cử chỉ quá ư thân mật ấy. Nàng vẫn cho là mình không thể gần Nga được dù là bạn học thân thiết ngày xưa; Nga thuộc vào các hạng đàn bà đông đảo, với một khắc đồng hồ, có thể tường thuật lại tất cả chuyện đời mình, đầy đủ chi tiết. Và Nga đã bắt đầu:

– À, nghe đầu gần đám cưới Huệ rồi phải không? Mà với ai vậy? Hiền à? Hiền giáo viên trường quận phải không? Thế nào bà với Huệ cũng phải mời tôi đấy nhá! À, năm nay Huệ

được bao nhiêu tuổi hả? Trời, mới đó mà đã hăm mốt! Còn bà thì chừng nào? Tôi có lột da sống đời được đâu mà đợi hoài vậy chứ!

Rồi ý chừng thích chí vì câu nói bốn cột ấy, Nga cười thành tiếng giòn dã. Còn Hạnh thì trong một giây, nằng đỏ mặt. Thật chưa bao giờ Hạnh phát ghét cái tật nhảy mồm nhảy miệng của bạn đến vậy. Còn Hạnh thì chừng nào? Chừng nào? Nga quả là một đứa hồ đồ quái ác.

May sao xe đến, kịp giải thoát Hạnh. Và nàng lên ngay vào một góc đông khuất. Chiếc buýt vào giờ tan sở như thiếu phụ gần ngày trở dạ. Hạnh đọc trong trí: “Hiện tại và có thể cả tương lai đáp chuyển buýt chạy hoài trên con đường quá khứ”. Lúc xuống xe, Nga đôi lần khấn khoản mời Hạnh tới chơi nhà, sáng chủ nhật nhưng nàng một mực thoái thác.

Đêm ủa vào chiều. Gió ngất trên khoảng cao. Một chặng đường vắng và một bãi đất

hoang còn phải qua cho Hạnh đủ thì giờ để ôn lại trọn vẹn mối tình đầu và độc nhất của nàng. Ở đây, chữ mối tình dùng không được sát nghĩa cho lắm vì thật ra, đó mới chỉ là những thoáng gọn mỏng manh của tình cảm, Hòa và nàng, chưa ai kịp thổ lộ với ai lời gắn bó nào thì bỗng giặc giã. Người con trai ra đi mang theo tất cả son sắc của đời Hạnh, biến biệt: nàng gan dạ nhận lãnh số kiếp của đoá hoa hàm tiếu nhưng hẩm hiu bị vây phủ cho đến thời xác xơ, bởi gai góc chẳng chịt là Huệ, mặc ong bướm đi về ngao ngán. Để rồi thường những lúc cuối ngày, nàng tự hỏi vô vọng rằng Hòa hiện ở góc bể chân trời nào và có lấy người con gái nào có phước?

Về nhà, suốt bữa cơm, hai chị em nuốt uế oải không nói năng gì với nhau. Hạnh mê man và Huệ ái ngại. Hạnh nghĩ rằng những bữa cơm sau này, khi Huệ về nhà chồng rồi, sẽ buồn tẻ xiết bao. Và căn nhà thừa tự này mà cả những người chết cũng có mặt, sẽ u ẩn dường nào.

Hỡi ơi! Hạnh đã dám đem đời mình đánh đổi hạnh phúc cho Huệ thế mà nàng lại xót xa khi em gái mình sắp được!

Tương lai; nàng đã trông ngóng nó mòn mỏi tựa cơn mưa đối với mùa màng, để rồi khi nó đến nơi, nàng lại chán chê nghĩ nó đã ở đây từ bao giờ lận. Vậy người ta phải tạo cho bằng được hoài hoài một ảo tưởng nào bất cứ để mà chạy đuổi theo, không nghỉ ngơi sao?

Khuya, không khí khô ngon; giấc ngủ Hạnh chìm xuống chiêm bao.

Nàng thấy mình chạy hốt ha hốt hải trên bãi đất hoang trước nhà lồng lộng ánh trăng, không thể khóc thành tiếng rồi đuổi sức ngã lăn xuống cỏ may dày, thêm thiếp chập chờn. Gió phều phào trong mái tóc xõa. Rồi bóng Huệ tiến tới thoăn thoắt, lả lướt như làn khói; những tiếng gọi tên nàng dội nhói vào gương kiếng của đêm trăng. Nhưng không phải Huệ mà là Hòa. Đúng rồi, Hòa. Nàng khép mắt mơ

màng nép đầu vào ngực người đàn ông trong khu vườn tĩnh mịch bên dòng nước róc rách. Tất cả có màu của trắng và màu của đầm ăm. Hòa vút dòng tóc mun thuở mười tám của nàng mà tỏ tình rồi ngỡ ý sẽ dìu nàng về xứ sở. Rồi giấc mơ trở lại trên bãi đất hoang, người đàn ông cúi hôn nàng vào môi, truyền sang thân thể nàng sự tê dại hiển dụ. Nàng hé mắt nho nhỏ và trong ánh trăng đùng đục, Hiền. Trời ơi, Hiền. Nàng thét lên, té vào vô giác.

Giật mình, Hạnh nghe mí mắt cộm cứng và cổ họng ứ đọng đặc. Cái mừng như sương mù mỏng, như ánh trăng sông. Đâu đây còn phảng phất hương chiêm bao ngào ngạt. Tiếng không khí chuyển động ngoài khoảng rộng. Và tiếng Huệ từ giường bên:

– Khuya rồi, chị còn thức sao?

TÔ THÙY YÊN

THÂN THỂ THI SĨ HENRY WADSWORTH LONGFELLOW

NGUYỄN ĐÌNH HÒA

LTS. – Để tìm hiểu và đi sâu hơn nữa vào các vấn đề văn học nghệ thuật thế giới chúng tôi sẽ mỗi tháng một lần giới thiệu với bạn đọc về một tác giả nước ngoài. Hoặc về thân thể sự nghiệp, khuynh hướng nghệ thuật, hoặc qua một sáng tác phiên dịch ra Việt ngữ, của tác giả đó. Để mở đầu lần này, bài viết về thân thể nhà thơ Mỹ danh tiếng Henry Wadsworth Longfellow đã được tham khảo với những tài liệu hết sức xác thực trong thời gian tác giả lưu trú tại Hoa Thịnh Đốn.

HÔM 27 tháng 2 vừa rồi, người ta làm lễ kỷ niệm năm thứ 150 ngày thi sĩ Longfellow ra đời. Nhân dịp này chúng ta có thể nhắc lại thân thể của nhà thơ danh tiếng ấy.

Longfellow (1807-1882) sinh tại tỉnh Portland, xứ Maine, là một xứ thuộc vùng Tân Anh-Cát-Lợi ở đông bắc bộ Hoa Kỳ. Họ ngoại Ông là họ Alden, có ông bà John và Priscilla đã đáp chuyến tàu Mayflower từ bên Âu Châu sang lập nghiệp bên Tân Thế Giới.

Ngoại-tổ-phụ nhà thơ chúng ta là nhà võ, tướng Peleg Wadsworth. Thân mẫu nhà thơ, bà Zilpal, chỉ quanh quẩn lo cho con cái (bốn trai, bốn gái) như bất cứ một bà mẹ hiền nào khác. Thân phụ Longfellow có chân trong ban quản nhiệm Đại Học Bowdoin là nơi mà lúc mới mười lăm tuổi Longfellow đã ghi tên vào học năm thứ nhì. (Một bạn học của ông lúc ấy là Nathaniel Hawthorne.) Cụ là một luật sư có tiếng, về sau làm thẩm phán và đắc cử nghị sĩ. Tủ sách gia đình cậu Henry đầy đủ những tác phẩm của Dante, Cowper, Thomson và Macpherson. Bà mẹ cậu thường đọc cho cậu nghe những đoạn tuyệt tác nhất của những thi bá Dryden, Milton, Goldsmith, Shakespeare. Mới nhỏ xíu cậu đã đọc qua Kasselas,

Don Quixote, Ossian và cuốn Sketch Book của Washington Irving: đọc đi đọc lại mãi không biết chán, ngoài những giờ học ở trường và ở nhà. Cậu Henry thích bắt chước tản văn của Irving. Thầy giáo ở trường luôn luôn khen ngợi cậu học trò thông minh tuần tú, mới mười ba tuổi đã làm bài thơ The Battle of Lovell's Pond gửi đăng báo The Portland Gazette ở tỉnh Portland.

Cậu ghi tên vào trường Đại Học Bowdoin cùng với anh ruột tên là Stephen. Trong bốn năm học, cậu đã xuất bản nhiều tập thơ có giá trị. Trong khi thư từ cho ông bố, cậu thường tỏ bày hoài bão muốn trở nên một nhân vật có tên tuổi trong làng văn, song ông thân không ưng điều đó lắm.

Năm 1825 cậu tốt nghiệp ở trường Bowdoin ra, đứng thứ tư trong số 39 sinh viên. Lúc ấy cậu đã đủ khả năng viết văn làm thơ và vẫn ôm mộng trở nên một văn hào, mặc dầu thân phụ muốn cậu học luật. Nhưng Đại Học Bow-

doin lại tự ý cấp cho cậu một học bổng trong ba năm, mỗi năm sáu trăm Mỹ-kim để sang Âu Châu học, rồi về làm giáo sư sinh ngữ tại trường ấy. Cậu nói mãi, ông thân mới ưng cho cậu đi. Tháng năm, 1826, cậu đáp tàu sang Âu-Châu du học. Trong ba năm, người sinh viên trẻ tuổi ở Pháp, Tây Ban Nha, Ý-Đại-Lợi và Anh-Cát-Lợi nhất tâm cầu học.

Người ta kể chuyện rằng trước khi du-Âu, cậu xin được bức thư giới thiệu của một giáo-sư Đại Học Harvard, để cậu có thể làm quen với ông Washington Irving, tác giả Rip Van Winkle, lúc ấy lưu trú tại Madrid. Trong cuộc hành trình đầy hứng thú, vẫn là mộng của thanh niên tri thức Bắc Mỹ, Henry Longfellow có ghé lại Sudbury và ngụ ở nhà trọ Hồng-Mã TỬu-Điểm (Red Horse Tavern).

Năm 1827 Longfellow sang ở bên Tây Ban Nha sáu tháng, và có gặp Irving thật. Nhà văn lớn tuổi đó khuyên cậu Henry phải “làm việc đều đặn, sáng dạy sớm mà viết. Và ban ban

đêm thì mơ mộng nhiều vào”.

Khi ở Ý (Longfellow không thích sang Đức), Longfellow có gặp George W. Greene, và hai người trở nên thân thiết. Chính ta có được nhiều chi tiết về đời tư của nhà thơ cũng là nhờ những bức thư Longfellow viết cho Greene về sau.

Tháng 8-1829, Longfellow hồi hương, làm giáo sư sinh ngữ và thủ thư cho Đại Học Bowdoin ở Brunswick, xứ Maine. Đời sống ở tỉnh ấy, Longfellow thấy nó hơi chật hẹp đối với một giáo sư trẻ tuổi, có nhiều tham vọng và lịch duyệt. (Đáng lẽ nhà trường hứa cho ghế giáo sư, lúc về nước lại định cho ông bắt đầu từ chức giảng viên; Ông tranh đấu mãi, nhà trường mới chịu giữ lời hứa nhưng lại bắt ông nhận thêm việc quản thủ thư viện). Dầu sao chẳng nữa, lúc ấy ông biết tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Y-Pha-Nho và cũng thật xứng đáng là một giáo sư ngoại ngữ.

Năm 1831, Longfellow kết hôn với cô Mary Storer Potter, một cô bạn học cũ, cũng người tỉnh Portland. Cảnh gia đình đầm ấm của đôi vợ chồng trẻ đem lại cho ông nhiều hạnh phúc. Ông sáng tác rất nhiều, nào viết sách giáo khoa, nào dịch sách ngoại quốc, hoạt động không ngừng. Ông hay viết về nước Pháp, nước Ý, nước Tây Ban Nha, nhất là thuật lại những kỷ niệm riêng của một thanh niên du học. Những loại bài lấy nhan là *Outre-Mer* (Hải Ngoại), *European Sketches*, đăng dần trong tờ tạp chí *The New England Magazine* từ 1831 đến 1832, về sau được thu thập lại, sửa chữa lại và in thành sách năm 1835. Những bài đó, tuy căn cứ vào những cảm tưởng của tác giả, một khách du lịch nơi đất lạ, cũng cho thấy ảnh hưởng của Washington Irving, Tuy văn nghiệp đầy hứa hẹn mà Longfellow vẫn không được thật bằng lòng. Ông tìm việc nơi khác, và có lúc chỉ ước ao được một việc ở Nữ Uớc. Mãi đến 1834, khi giáo sư George Ticknor từ chức giáo sư sinh ngữ (ghế Smith) ở Đại Học Harvard, trường

đó liền mời và Longfellow liền nhận lời ngay để kể chân một nhà sư phạm lỗi lạc. Nhưng tháng từ 1835, ông lại đáp tàu sang Âu Châu lần nữa, có bà vợ đi theo. Hai ông bà qua thăm nước Anh, Thụy Điển, Đan Mạch. Thăm thay, trai tài gái sắc đang đắm thắm yêu đương thì lúc rời Bắc Âu sang Hòa Lan, bà Longfellow sinh con bị khó khăn đã từ trần tại thành phố Rotterdam ngày 19 tháng 11 năm 1835. Sau cái tang đó, Longfellow còn gặp William Cullen Bryant, rồi thì sang Đức và Thụy Sĩ một mình. Tại Đức ông học ở Đại Học Heidelberg. Lúc còn ở Thụy Sĩ, ông gặp hai cô con gái một phủ thương người Boston tên là Appleton. Cả hai có cùng điểm lệ như nhau. Lúc ấy Longfellow 26 tuổi, cô Frances Appleton (là cô em) mới 19. Và trước khi trở về dạy học ở Đại Học Harvard năm 1836, Longfellow đã mơ màng muốn sánh duyên cùng cô gái đẹp ở trung tâm văn hóa của vùng Tân Anh-Cát-Lợi.

Thoạt tiên ông trọ ở ngôi nhà Craigie House,

một ngôi nhà lộng lẫy ở tỉnh Cambridge (mà về sau ông nhạc mua làm của riêng cho hai vợ chồng Longfellow).

Dạy học ở Harvard được ba năm, tới 1839. Longfellow cho xuất bản hai cuốn sách. Cuốn đầu là một thi tập, nhan là *Voices of The Night* (Tiếng Nói Ban Đêm), đã làm cho Longfellow nổi danh là một thi sĩ có chân tài, cả đến Edgar Poë cũng phải khen. Còn cuốn kia, *Hyperion: A Romance*, có một sự tích lý thú. Nguyên cô Appleton chưa để hình ảnh chàng thi sĩ trẻ tuổi bông bột kia vào mắt xanh. Chàng mới nghĩ định viết cuốn sách có nàng làm vai chính để mượn câu văn mà tỏ tình yêu. Ai cũng nhận ra cô Frances là vai chính cuốn đó, nên cô tức giận vô cùng. Chính Longfellow đã phải viết: “It is the end”. (Thôi hỏng rồi). Nhưng chàng thanh niên tri thức đầu có ngã lòng. Sau bảy năm trời dang dở, thấy chàng kiên nhẫn và cũng có nhân cách làm cho cô hãnh diện, cô Frances Elizabeth Appleton mới thuận lấy Longfellow năm 1843. Chính ra trước khi cưới

người vợ sau, Longfellow còn sang Âu Châu một chuyến nữa, và gần ấy năm vẫn tiếp tục sáng tác thêm. Năm 1841, có tập thơ nhan là *Ballads and Other Poems* có bài “The Black smith”. Sang Âu Châu chuyến đó, Longfellow có gặp Dickens. Lúc về xuất bản luôn tập *Poems on Slavery* (1842).

Đời sống của Longfellow tại tỉnh Cambridge, xứ Massachusetts là một đời sống sung túc, ngôi nhà rộng rãi có kẻ hầu người hạ, đồ xa xỉ có, vật chất thật là đầy đủ. Tuy nhiên Longfellow vẫn không sao nhãng đời sống tinh thần, và hai ông bà đã nuôi sáu người con trong cảnh phong lưu trang nhã của một gia đình có máu mặt, trong nhà đồ bày biện có nhiều, nhưng sách vở không thiếu. Xung quanh toàn bạn bè làng văn, bà vợ kể cũng tâm đầu ý hợp, tuy chưa quên được hình ảnh người vợ đầu tiên qua đời lúc ở Âu Châu, Longfellow cũng hoàn toàn sung sướng vì xung quanh toàn những bộ óc và những trái tim siêu việt. Đáng lẽ viết văn

phạm, khảo cứu ngữ học, vị giáo sư của chúng ta lại sản xuất nhiều thơ văn.

Năm 1843, Longfellow viết một vở kịch thơ, *The Spanish Student* (Người sinh viên Tây Ban Nha). Năm 1846, thì có tập thơ *The Belfry of Bruges and Other Poems* (có bài “*The Evening Star*”). Bản in thử được gửi đến cho tác giả hôm 18 tháng 11 năm 1845, là ngày sinh con trai bé ông, tên là Ernest. Chính bài *The Evening Star* (trước đã đặt tên là *Hesperus*), ông viết ngoài vườn lúc chơi với cậu con Charles.

Riêng tập *Evangeline*, xuất bản năm 1847, có một sự tích lý thú. Nguyên Longfellow cùng học với Hawthorne ở Đại Học Bowdoin. Hai người lúc ấy tuy không thân thiết hết sức nhưng vẫn thỉnh thoảng chén chú chén anh và thư đi thư lại luôn luôn. Đến năm 1847, nhân dịp ba người bạn làng văn là Hawthorne, H. Leonolly và Longfellow ăn uống với nhau, Hawthorne mới giao cho Longfellow chuyện *Evangeline* mà Conolly vẫn thúc dục Hawthorne phải viết

bằng tản văn. Chuyện Evangeline mà Longfellow viết bằng vận văn đã giúp ông danh tiếng nổi bật hẳn lên. Về sau, lúc được Hawthorne khen ngợi, Longfellow đã khiêm tốn nói rằng đó là công của Hawthorne, đã “chịu nhin cái thú viết một câu chuyện bằng văn xuôi mà nhiều người sẽ có thể nhầm là văn vần” để cho Longfellow có thể “viết một bài thơ mà nhiều người nhầm là văn xuôi”.

Tháng 5, năm 1864 khi Hawthorne qua đời, chính Longfellow đi sát xe tang. Mấy tháng sau, tờ tạp chí The Atlantic Monthly đăng bài thơ “Concord” trong đó nỗi buồn nhớ và thương tiếc một người bạn thiết được bộc lộ một cách chân thành.

Longfellow cũng đã bắt đầu dịch Divina Commedia của Dante từ 1843, và cho xuất bản cuốn tiểu thuyết Kavanagh năm 1849, và tập thơ The Seaside and the Fireside năm 1850.

Năm 1854, Longfellow xin từ chức giáo sư ở

Harvard để có nhiều thì giờ làm thơ. Liền năm sau, có *The Song of Hiquatha*, chuyện người da đỏ, và tập *The Courtship of Miles Standish and Other Poems* ra mắt độc giả năm 1858. Mãi sau khi vợ ông bị chảy áo bông nặng mà từ trần ngày mùng 10 tháng 7 năm 1861, Longfellow đau buồn hết sức mới để hết thì giờ dịch cho xong kiệt tác của Dante. Năm 1863, ông cho xuất bản nửa đầu của tập *Tales of a Wayside Inn*, và từ chuyển đi sang Âu Châu năm 1868 (để nhận bằng cấp của Đại Học Cambridge và Oxford, và danh dự của Hàn Lâm Viện Hoàng Gia Tây Ban Nha) đến lúc ông nhắm mắt (năm 1882), ông còn viết sáu bảy tập thơ nữa.

Nếu nhân dân Anh đã chịu đặt tượng kỷ niệm Longfellow trong đền Westminster năm 1884 (người Mỹ thứ nhì được danh dự ấy là James Russell Lowell) thì hẳn phải có lý do chính đáng. Thật vậy Longfellow là người được đọc nhiều nhất và yêu chuộng nhiều nhất trong hàng ngũ thi sĩ Hoa Kỳ thời đó, và đồng thời ông cũng là tay kiệt xuất trong làng thơ Anh văn

bất cứ thời đại nào. Tập *The Courtship of Miles Standish*, chẳng hạn, ngày đầu đã bán ngay một vạn cuốn tại thủ đô Anh, và chính Hawthorne, lúc ấy làm Lãnh Sự Mỹ ở Liverpool, nói rằng chưa có thi sĩ nào khác được yêu thích đến thế. Hoàng đế nước Ba Tây (Brazil) cũng định dịch ra tiếng Bồ Đào Nha. Thơ của, Longfellow đã được dịch ra tiếng Pháp, Đức, Hòa Lan, Ý, Đan Mạch, Nga, Tây Ban Nha, Hung Gia Lợi, v. v...

Qua những câu thơ của Longfellow, ta nhận được vài nét trong tâm hồn thi sĩ ấy. Lúc mới 31 tuổi chẳng hạn và đã dạy học ở Đại Học Harvard được hai năm, tuy bị thất vọng vì cô Appleton chưa yêu mình, Longfellow cũng không chịu thốt ra những câu như: “Đời chỉ là một giấc mộng rỗng tuếch” mà lại nói: “Đời là thật! Đời là tha thiết!” Ảnh hưởng của Goethe rõ rệt trong bài “A Psalm of Life”: Longfellow muốn vượt hẳn nỗi thất tình, cương quyết hoạt động, sống, sáng tác trong tin tưởng và can đảm.

Rồi về sau, những bài trong tập *Voices of*

the Night đều phảng phất hình ảnh bà vợ trẻ chết bên Hòa Lan, cô Appleton, thiếu nữ xinh đẹp mới gặp gỡ, và có giọng êm đềm chứ không náo nhiệt, trầm mặc chứ không nồng nàn.

Ta có thể nói Longfellow là nhà thơ của người dân Mỹ: không những ông nói hết sự thật về đời sống thời ông, ông còn diễn tả khúc chiết rõ rệt những mơ mộng của con người nói chung. Lúc ông 60 tuổi sang Anh nhận bằng danh dự của Đại Học Oxford, người ta bảo tóc bạc râu bạc của ông vẫn không giấu nổi cái bộ mặt trẻ trung. Nhà thi sĩ học giả suốt đời vẫn có tâm hồn một thiếu niên.

Kinh nghiệm du lịch bên Âu của Longfellow và ấn tượng của ông về những nhà thơ, viện bảo tàng, văn chương các nước Bắc Âu, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, đều được pha trộn vào với dĩ vãng của Tân Thế Giới, với bao nhiêu tình và cảnh từng được văn gia đương thời ca tụng. Chính sự kính cẩn của Longfellow đối với Âu Châu và việc ông lý tưởng hóa

cái quá khứ của Hoa Kỳ đã là nền tảng cho sự
lãng mạn trang nhã mà mấy thế hệ các nhà tả
thực về sau ra công đã kích Longfellow, thi sĩ
học giả và dân chủ, quả là một tay kiện tướng
trong rừng văn học Mỹ quốc, như bất cứ ai đã
học văn chương Hoa Kỳ đều công nhận.

NGUYỄN ĐÌNH HÒA

TRĂNG ĐỐM ĐÈN

THẠCH TRÂN

NĂM lên sáu tuổi tôi không lên tỉnh học như những trẻ em cũng làng. Cha mẹ tôi bận buôn bán chốn kẻ chợ nên chẳng thể gần gũi tôi. Trong những ngày thơ ấu đẹp để phảng lảng, tâm hồn thơ dại của tôi đã mở rộng – nhiều nhất – trong những đêm trăng sáng. Chú Ba tôi quý tôi như một đứa út trong một gia đình đông đúc. Chú hai mươi tư tuổi nhưng có lẽ đạo đó cứ nghe chú kể truyện vào những đêm trăng đẹp, tôi ngỡ rằng Chú mới mười chín. Khuôn mặt Chú lâu ngày, theo ký ức lười biếng tôi không còn gợi lại được một hình nét gì rõ ràng. Nhờ đến Chú, tôi chỉ còn

thấy phảng phất trên khuôn mặt nhiều nắng ấy những mơ màng êm dịu trong mỗi lời truyện, trong sáng như tờ trắng vào tuần. Tôi yêu một hình bóng Chú Ba trong tâm tưởng. Và cái vẻ đẹp ở đôi mắt Chú, nếu sau này tôi có gặp lại ở những người bạn hay người yêu, cũng sẽ có những ấn tượng thú nhất phát khởi cho những gì sẽ tới. Sự chuyển tiếp ấy không cần suy tính mà hoàn toàn tự nhiên. Nếu đã nghe khúc hồ cầm vào một đêm mưa thật buồn ngày cũ thì một đêm mưa nào khác trong đời hôm nay cũng sẽ ngân ngất tiếng đàn xưa, dù chỉ trong tâm tưởng.

Khu vườn chung quanh nhà là nơi thân yêu nhất về những bước chân nhỏ của tôi trong những đêm trăng sáng. Chú Ba dắt tôi dạo quanh vườn một vòng, tối nào cũng vậy, trước khi chúng tôi tìm một bờ ao hay một gốc cây ngồi ngắm trăng và nghe gió ca hát trên cành lá ngọn tre. Tôi nghĩ rằng tôi chẳng gan dạ gì, trong những đêm trăng xanh lạnh, thơ thẩn trong vườn vắng cây um, nếu Chủ Ba không

nắm thật chặt lấy tay tôi dắt đi, và đôi khi, trong những đêm mát mẻ, Chú cẩn thận tọng đầy túi áo tôi nắm ngô rang cúp giòn thơm ấm. Trời càng về đêm càng dịu dàng và cuộc đi dạo của chúng tôi càng thú vị. Nếu là những đêm hè, chúng tôi ngồi bên bờ ao hóng gió đêm và tôi mơ màng trong tiếng sáo diều bay bổng ở cánh đồng xa. Giấc ngủ đến đẹp đẽ những ấn tượng vào tận giấc mơ tràn đầy xúc cảm. Tôi ngủ trên hai cánh tay Chú Ba. Có những buổi trăng đẹp lạ lùng. Chú Ba mang theo chiếc ống sáo. Và chờ cho giấc ngủ của tôi đến, Chú dắt tôi ngồi dựa lưng vào lưng chú, mơ màng và ngáy ngất tiếng sáo của Chú dâng lên hòa với sáo diều đồng vọng. Khi ấy tôi yên lặng và nhắm mắt, nghe gió mơn man trên má và tiếng sáo đê mê. Lúc chú Ba đặt ống sáo xuống cỏ, tôi choàng dậy ôm lấy cổ Chú và thốt kêu lên:

– Thối nữa đi Chú, Chú nhé!

Chú Ba mỉm cười đứng dậy dắt tôi tìm lối nhiều hoa thơm và trên những ngách vườn thân

yêu ấy Chú đã kể cho tôi những câu chuyện, mà theo sự hiểu biết thơ đại của tôi, tất cả chỉ là vẻ đẹp của đêm trăng quê hương. Chú Ba kể chuyện thật có duyên. Trên lối đất ngô vườn, một tay Chú dắt tôi và thỉnh thoảng Chú ngắt một bông hoa mới nở trao cho tôi. Sự thích thú nghe Chú kể chuyện có khi làm tôi quên hẳn giấc ngủ. Những buổi sáng trở dậy, khi Chú đã ra đồng trông nom cây cấy, tôi nhìn những chú sẻ nâu và tự hỏi sao Chú Ba nhiều chuyện thế. Hình như Chú kể không bao giờ hết chuyện. Tôi muốn hỏi Chú học ở đâu vậy. Tôi nghĩ rằng Chú sẽ không trả lời tôi mà chỉ cười. Sự so sánh thơ đại của tôi thoáng hiện: những chuyện Chú Ba kể có khác gì những đàn sẻ nâu thôn quê. Nhiều khi tôi cố nhớ lấy một chú sẻ non độc nhất có bộ cánh hơi nhạt hơn những con khác và đôi mắt nhỏ đen thơ ngây để tìm lại người bạn buổi đầu ấy vào những sáng nắng ấm áp. Tôi đã không thể tìm lại được chú sẻ nâu thơ ngây ấy nữa. Ngày hôm nay và ngày mai ở sân thóc nhà tôi có muôn ngàn chú sẻ giống nhau như đúc đã bay tới và sẽ còn bay tới.

Những câu truyện Chú Ba kể cho tôi nghe phần nhiều đến sáng hôm sau tôi chỉ còn nhớ rất mơ hồ. Ánh trăng, con đường bênh bạch, những bông hoa mới nở, tất cả gieo vào trí óc tôi những hình ảnh tổng hợp của một vẻ đẹp riêng trong đó lời kể truyện của Chú và những con sẻ nâu dẫn đầu, thắm đậm trầm thắm hơn cả.

Một buổi sáng về mùa đông, Chú Ba nắm tay tôi ngồi sưởi nắng bên bờ ao. Chú đem theo cần câu và chúng tôi hí hoáy đào giun. Buổi sáng rét ngọt. Nắng xuống thấp tới ngọn tre và sương tan dần. Khói bốc thật êm ở những mái nhà xiêu. Đàn sẻ trở lại như sau những ngày xa vắng, hót nhảy rinh rích. Tôi ngẩng nhìn theo tiếng kêu trên cành, một chú hạt mít bụng bạc đang uống những giọt sương đêm còn đọng trên kẽ lá.

Chú Ba thả cần. Mặt ao một thoáng gọn nhỏ rồi tan rất nhanh. Trí tưởng tượng thơ dại của tôi khi nhìn làn dây câu cong vút theo gió

thối, mềm mại duyên dáng như giọng nói của Chú. Năng lấp lánh trên bờ gò. Chú Ba gác cần bên bờ. Chú nắm lấy tay và nhìn thẳng vào mắt tôi thân mật:

– Cháu muốn xem được truyện như chú không?

Tôi hơi ngạc nhiên:

– Có ạ. Nhưng cháu có biết chữ đâu.

Chú Ba mỉm cười. Phao động đậy: “Cá mùa rét tinh lắm đây...” Chú nói với tôi rất nhỏ. Làn dây câu căng thẳng. Con cá từ giếng mặt nước để bước vào ánh nắng ban mai và dấy dựa trong lưới câu sắc nhọn. Chú Ba bảo tôi sau một lúc mỉm cười với những ý nghĩ:

– Cháu bằng lòng học với Chú không?

Gần gũi với Chú Ba, ảnh hưởng tính tình bình thản lặng lẽ của Chú nên tôi không ham

chơi mấy. Tôi nghĩ đến những câu truyện những dòng chữ khỏe khoắn mình sẽ viết ra và sẽ đọc của người khác. Một vài bạn tôi đã thoáng nghe mẹ tôi, những buổi về thăm con, nói với Chú Ba về việc học hành của tôi. Nhưng tôi ước ao khác người, khác với những dự định của người. Tôi muốn tôi sẽ biết vẽ đầu tiên, trước khi biết viết. Và nếu tôi được bút giấy để vẽ, hình ảnh những chú sẻ thân yêu sẽ đến với tôi trước nhất. Bờ ao, hoa cỏ, trăng nước thúc đẩy tôi đi tìm tôi những hình nét sắc màu. Tôi còn nhớ tôi đã vẽ những nét đầu tiên trong đời, không phải bằng bút chì màu hay bằng mực, cũng không phải trên vải và ống sơn, mà là một mẩu gạch màu cá vàng thật tươi, phác lên nền đất nâu xám khô mịn của thềm nhà rất nhiều chim sẻ. Chú Ba xoa đầu tôi:

– Cháu nghĩ gì thế?

Tôi quay nhìn Chú. Tôi nhìn vào một đôi mắt rực rỡ ánh thân yêu. Đôi mắt tôi đã từng yêu trong nhiều tháng nhiều ngày rất hồn nhiên,

đang chờ đợi lời nói nhỏ của tôi. Tôi cúi xuống một lúc lâu, bàn tay Chú Ba rơi xuống vai tôi. Êm ấm và thương mến phát khởi từ trong lòng thơ dại của tôi, gặp gỡ sự thương mến ở hơi ấm bàn tay Chú giúp tôi quyết định. Tôi ngẩng lên, nhìn Chú Ba như nhìn một người cha:

– Chú dạy cháu học nhé!

Chú Ba cười thành tiếng, ôm tôi vào lòng:

– Chú chả dạy cháu thì sao nữa. Chủ sẽ dạy cháu vẽ này, cả thổi sáo như chú nữa. Cháu thích chứ?

Tôi vòng tay ôm chặt lấy cổ Chú, thủ thủ:

– Nhớ cháu lười, Chú đừng đánh cháu nhé!

Những buổi học thật đẹp trôi qua. Chú Ba kê chiếc bàn nhỏ bên giàn thiên lý dạy tôi học. Về đêm ánh trăng đọng trên trang sách của tôi, những dòng chữ ướt mực thấp thoáng

ánh vàng. Tôi yêu những nét chữ khỏe khoắn do tay tôi viết ra bên ánh trắng xanh như tuổi mới ngày mới, màu mực tím đặc khi khô hẳn trên giấy thành những nét vàng ánh. Ban ngày Chú Ba bận việc đồng áng nên Chú chỉ dạy tôi về đêm. Tôi coi đó là một may mắn. Ban ngày tôi sẽ bỏ bút vở, đi tìm những tờ giấy viết hỏng đem ra vẽ. Hình nét trong tâm tưởng tôi về những chú sẻ hiện trên giấy tuy nhem nhuốc bừa bãi nhưng tôi vẫn thấy đẹp. Những nét sắc mỏng của bút sắt làm tôi hài lòng. Chú Ba biết tôi thích vẽ, nhiều khi quên cả học, nhưng Chú cũng không quở trách.

Hai tháng sau khi tôi đã đọc được những trang sách thú nhất, vào một đêm trăng thì nổi sung sướng của Chú Ba không kể xiết. Đêm đó Chú ngồi thổi sáo bên cạnh tôi rất khuya.

Đến khi tôi biết đọc thì nổi buồn bã nhất của tôi là không có sách truyện gì mà đọc. Những cuốn sách dày của Chú Ba tôi không có can đảm đọc hết tờ thứ ba. Nghĩ đến những

truyện Chú kể tôi nhớ đến những trẻ bạn hàng xóm. Chúng có được nghe Chú Ba kể truyện như tôi đâu. Chúng cũng xứng đáng được biết những truyện như tôi đã biết lắm chứ.

Tôi sống gần gũi Chú Ba được tròn hai năm. Tiếng sáo của Chú Ba những đêm trăng sáng vườn cây và những mẫu truyện của Chú kể thường trực trong tôi. Hôm tôi từ biệt Chú để lên tỉnh theo cha mẹ tôi ra kẻ chợ là ngày buồn bã nhất trong giai đoạn thơ ấu nhỏ bé của tôi. Tôi còn một đêm ở gần Chú. Đêm đó tôi thấy tôi đã xa Chú hẳn. Tôi nghĩ rằng tôi ra tỉnh, rồi như lời mẹ tôi nói, tôi sẽ vào học trong một nếp trường lớn, tôi sẽ có nhiều bạn bè, và theo sự tưởng tượng của tôi, chuyến đi này chắc chắn sẽ gửi tôi đến một nơi xa, rất xa. Xa như những phiến trời xanh biển biệt sau tầm mắt.

Chú Ba không buồn bã gì. Tôi biết Chú mong muốn tôi lên tỉnh học từ lâu. Tôi muốn giận Chú lắm. Tôi thấy ghét Chú, ghét ghê. Nên

cho tới khi tôi theo mẹ tôi từ giã căn nhà thân yêu cũ, tôi lần sau tà áo mẹ tôi để tránh Chú. Tôi không ngăn nổi nước mắt. Mẹ tôi dắt tôi đi chậm trên đường vườn ra cổng. Những giọt nước mắt cay nhè làm tôi quay trở lại những hình ảnh trước mặt. Những đàn chim sẻ tôi gặp đầu tiên đem đến những xúc cảm trong trắng êm đềm. Thấy tôi đi bên mẹ tôi quần áo gọn ghẽ chúng bay ào ào và hót nháy rinh rích như tiễn biệt tôi. Tôi tiếc không được bỏ đi vào một đêm trăng sáng.

THẠCH TRÂN

SỰ CÔ ĐỘC THIẾT YẾU

NGUYỄN SA

NGUỜI đọc sách thường nuôi dưỡng trong trí tưởng tượng một ấn tượng mơ hồ về người làm văn. Những kẻ rẻ rúng văn chương nghĩ rằng bọn nhà văn gồm một lớp người quái đản, gàn dở, lập dị. Lối sống của họ là một lối sống mơ mộng, tuyệt đối xa lánh cuộc đời thực tế, thường nhật. Cuộc đời của họ chìm trong một sự bừa bãi, xa đọa, trác táng. Những kẻ khác sẵn có một thiện cảm văn chương hình dung người làm văn như một thần tượng. Những người văn nghệ, theo họ là những người siêu đẳng.

Nếp sống và cuộc đời của người văn nghệ không có lấy một nét tương tự với cuộc đời của chúng nhân. Mắt người văn nghệ phải đắm chiều hay mơ mộng. Mớ tóc phải bù tung. Thái độ thường xuyên của nhà văn phải là một thái độ luôn luôn khinh bạc đối với cuộc sống cũng như đối với người đời. Tóm lại thế giới của văn nghệ bao gồm những sự kiện bài trí cố hữu khi thì là trăng sáng gió thổi mây bay, khi thì là rượu ngọt kỳ nữ, là những cuộc mạn đàm thanh tịnh hay là những cuộc truy hoan suốt sáng thâu đêm. Những hình ảnh công thức vì con người văn nghệ đó hầu như quá quen thuộc trong đời sống xã hội nên thường gây ra những tác dụng khôի hài khi những hình ảnh tưởng tượng bị đem đối chiếu với thực tại, bị thực tại làm cho đổ vỡ.

Người nuôi trong óc tưởng tượng một hình ảnh công thức về nhà văn thường tỏ dấu ngạc nhiên khi thấy con người văn nghệ thực sự không phù hợp với mẫu người tưởng tượng được nặn nên trong trí óc mình. Có người hỏi:

Thi sĩ làm sao sống thực tế quá như vậy? Có người thốt nên lời kinh ngạc: Văn nghệ mà cũng trần tục như thế ư? Nơi những người văn nghệ thường có hai phản ứng khác nhau. Những người văn nghệ chưa ý thức được vai trò của mình, việc làm của mình thường bị những hình ảnh công thức của cuộc đời xâm chiếm. Họ khoác trên vai, trên mỗi hành động cử chỉ cái lớp áo văn nghệ khuôn sáo mà người đời mặc cho họ. Nhưng đa số những người hiểu thấu đáo nghề làm văn từ khước lớp áo văn nghệ hợp với thời trang đó.

Một người bạn văn bảo tôi:

– Trong những giờ phút gần gũi người đàn bà tôi thường muốn vạch rõ cho họ thấy cái khía cạnh « người » nhất của tôi. Có thể là bỉ ổi. Có thể là chán chường. Nhưng nhất định không nói chuyện văn chương. Phải gác văn nghệ sang một bên.

Thái độ đó có thể được coi như một phản

ứng chống lại mọi sự đóng khuôn, mọi sự công thức hóa, kỹ nghệ hóa cuộc sống văn nghệ bởi người đời. Cho nên cần phải nói thẳng rằng: Người làm văn cũng biết no, biết đói, biết ăn ngon ngủ kỹ, phải biết đau khổ mến yêu. Họ cũng sống như tất cả mọi người thường trực trong những mối lo âu về thể sự cuộc đời hay tình riêng. Họ cũng sống liên đới mật thiết với vũ trụ, xã hội và vạn vật bao quanh. Lý do thật giản dị: Trước khi là nhà văn họ là người và khi sống thường xuyên trong cuộc đời văn nghệ, nhà văn vẫn không ngừng là người bởi lẽ không thể ngừng được.

Sự sống liên đới với cuộc đời đó còn cần thiết hơn nữa cho người làm văn bởi vì đó là một trong những điều kiện sáng tạo. Cuộc đời đem lại cho nhà văn một phần chất liệu trong đặc phẩm. Tiểu thuyết gia sẽ không biết viết gì cả, họa sĩ không biết vẽ gì cả, thi sĩ không biết ngợi ca gì cả nếu họ không biết yêu mến buồn giận, đau đớn khinh ghét. Và những tình cảm vui buồn đó cần thiết phải được phát xuất ra

từ sự va chạm với cuộc đời. Phải yêu mới nói lên được trữ tình, phải chán chường mới giải tỏ được niềm đau. Bởi vì sáng tác là thành thật chứ không phải tuân theo quy tắc. Không thể mô tả tình cảm, giải bày tư tưởng theo sự minh định của sách tâm lý học, theo những đường lối chính trị đã được hoạch định trong những bài xã thuyết khô khan. Không sống trong sự va chạm thường xuyên với cuộc đời người văn nghệ sẽ chỉ sản xuất được những tác phẩm giai đoạn, những tiếng vang của giọng hô khẩu hiệu, những ý tưởng cán bộ cấp xã. Cho nên muốn có được một hình ảnh xác đáng về người văn nghệ thì trước hết phải nhớ rằng họ vẫn là một người sống mật thiết với cõi đời, với xã hội.

* * *

Nhưng những chất liệu đến từ cuộc đời chưa đủ để làm nền tác phẩm văn nghệ. Lý do cũng thật giản dị: Không phải chỉ riêng nhà văn mới biết sống và chạm với cuộc đời. Mọi người đều sống mật thiết với cuộc đời và duy

chỉ người văn nghệ mới rút ra được những chất liệu của đời để xây dựng tác phẩm nghệ thuật. Bởi vì ngoài những phút sống dao động trong lòng đời nhà văn còn có những phút trở về với mình, riêng sống với nội tâm. Cũng như người kiến trúc xây dựng một ngôi nhà không thể hoàn thành bằng cách chở gạch ngói đến một khu đất rộng rồi xếp chồng chất gạch ngói lên nhau. Cần thiết phải ngắm địa thế của khoảng đất. Cần phải biết lùi ra một khoảng để nhận cho rõ phương hướng. Người sáng tác muốn thể hiện một tác phẩm bao giờ cũng phải đứng lùi ra ngoài khoảng đất rộng của cuộc đời, phải trở về với nội tâm. Phải trở về một niềm cô độc.

Từ một sự thực đơn giản nhất ta đã thấy ngay rằng sự sống là khởi điểm nhưng trong giây phút linh thiêng của sáng tạo sự cô độc vốn thiết yếu. Bắt đầu ngòi vào bàn viết, nhìn thẳng về trước mặt để nhập tâm thì lập tức cuộc đời đã lùi ra xa thẳm. Cuộc đời, có thể nói như Mai Thảo: ở dưới ấy. Có thể nó ở sau lưng, ở chân

trời đằng trước mặt. Nhưng dù sao thì một bức tường vô hình đúc cốt nên bởi sự suy nghĩ lao lung, bởi niềm riêng bùng cháy đã ngăn cách người văn nghệ và cuộc đời trong giây phút sáng tạo — Tiếng xe chạy ngoài đại lộ chỉ còn là một tiếng vang xa. Khói thuốc lá trước mặt mang một màu sắc, hương thơm kỳ ảo. Cảnh trí đột nhiên tan biến, xa vời. Cả những ưu tư, những phiền muộn, lo âu tấp nập về cuộc đời thường nhật cũng theo đó mà tan biến, xa đi. Không phải tất cả mọi tình cảm, ý tưởng đều tan biến. Nhưng người xây cất chỉ giữ lấy gạch ngói đồ lẽ, còn cỏ rác cành khô, những sự kiện không cần thiết cho thẩm mỹ đều bị loại bỏ, lu mờ. Sự thoái bỏ ra ngoài cái quay cuồng điên loạn của cuộc đời để trở về một trạng thái trầm tĩnh, yên lặng đó quả là cần thiết.

Tôi có người bạn ở cách nhà tôi hai dãy phố. Hắn có người vợ hiền dịu và chân thật. Người đàn bà ấy săn sóc người chồng nghệ sĩ như người ta chăm chút một cánh chim, một bông hoa yếu mỏng. Nhưng thỉnh thoảng

người hội họa ấy thường bỏ nhà đi biệt đôi ba hôm. Hối ra mới biết rằng hấn đến một ngôi nhà hẻo lánh ở ngoại ô thành phố để phết màu sắc và đường nét lên khung vải. « Không thể về ở nhà được ». Hấn bảo như thế. Tại vì những phút say mê sáng tạo của hấn thường va chạm với những bữa cơm, những phút họp mặt gia đình. Người đàn bà hiền dịu thường đem lại gần giá vẽ những tách cà phê nóng hổi và giục giã hấn uống, giục giã nghỉ ngơi. Hấn không thể giải thích để người đàn bà hiền dịu và chân thật ấy hiểu được cái vẻ thiêng liêng của giờ phút sáng tạo, sự cô độc cần thiết cho sáng tạo. Lời giải thích vụng về có thể gây ra hiểu lầm chua xót về tình cảm. Nên hấn vẫn phải đi vẽ ở ngôi nhà ngoại ô.

Cũng vì giây phút nhập tâm để sáng tạo đòi hỏi người văn nghệ trở về với một niềm cô độc tuyệt đối nên có nhiều người thực thà được mục kích, quen biết người văn nghệ thường cho rằng sáng tác là tưởng tượng là giả tạo. Họ nói về trăng mà không ngồi giữa vườn

trắng. Nói về rượu mà không nghiêng bình cạn chén. Nói về chuyến tàu đi, về bến đò ly biệt, về chiến trường mà trước mặt chỉ có một tờ giấy mới trắng tinh. Tôi không nghĩ rằng sáng tác là không tưởng, giả tạo. Kẻ đủ sức thoát ra cuộc đời trong giây phút nhập tâm, trở về với niềm cô độc trước một tờ giấy trắng lạnh lẽo và lặng im tức là người đã sống đến điều. Họ đã cô đọng lại được trong đôi mắt tìm tòi, đôi môi mím chặt màu vàng lướt của trắng khuya, nét long lanh của nước chảy, vị đảo điên của rượu ngọt, chất đắm say của đôi mắt đàn bà...

* * *

Sự cô lập với cuộc đời vật chất đó mới chỉ là điểm khởi đầu. Muốn lên một ngọn núi cao thì ngay từ chân núi người lữ hành đã gặp những vách đá, dốc cao, đã phải cách xa đô thị, xóm làng. Nhưng núi cao còn ở trên kia. Có tuyết trắng; sương mù, gió bạt ngàn và những màn mây kinh dị. Từ sự cô lập vật chất cần thiết đó người làm văn đi mất hút vào trong một sự cô

độc tinh thần. Sự cô độc có những tính chất nặng về siêu hình.

Trước một trang giấy trắng trải rộng vấn đề không phải là chồng chất, xếp đầy ắp lên trên những dòng chữ đen sì. Văn tự và ngôn ngữ là những dấu hiệu gửi đến những nội dung (Trừ thì ca. Bởi vì mỗi tiếng của thơ không nhất thiết phải phản ánh một nội dung. Vì ngôn ngữ của thơ có thể có được một vẻ đẹp nội tại). Làm thế nào diễn tả cho đúng nội dung. Làm thế nào nói được điều muốn nói. Người muốn giải tỏ, phơi bày lên tác phẩm một tình riêng vì vậy phải dò hỏi lòng mình nhiều lần. Phải đối chiếu mình với mình. Tôi phải nghiêng đầu nhìn xuống tâm tư tôi như một người soi gương nhận xét từng nét, từng đường diện mạo. Như một người soi gương nhưng cũng chưa hẳn là một người soi gương. Bởi vì khi soi ngắm người đàn bà không thể phút chốc nhìn thấy diện mạo đổi thay, mái tóc phai màu, đôi mắt mờ hoen. Trái lại khi tôi nhìn tôi nơi tâm tưởng thì cái tôi của phút trước và phút sau khi

đối chiếu đã thay đổi khá nhiều. Tôi có nên sống tiếp tục trong tâm sự đó nữa không. Tiếp tục vì óc bảo tồn, lòng kiêu hãnh hay tình cảm bi quan. Không tiếp tục thì sẽ thay đổi ra sao, đi đến viễn tượng nào. Dù tiếp tục hay hủy bỏ thì sự đối chiếu, soi gương qua tờ giấy trắng, giữa tôi và tôi đã làm thay đổi tâm hồn. Trong sự đối chiếu, soi gương đó tôi đột nhiên bị du đẩy vào cái khoảng mênh mông của thời gian, mênh mông của tâm tưởng để nhìn mình, soi xét mình. Chỉ có tôi nhìn tôi như người lữ hành nhìn bóng mình giữa một sa mạc hoang liêu về buổi xế chiều. Phải, xung quanh là sa mạc bởi vì không ai nhìn thấy tôi như tôi nhìn tôi trong giờ phút kiểm tìm để sáng tạo đó.

Làm thế nào? Nói được điều muốn nói? Nỗi lo âu đó đẩy người làm văn vào một niềm cô độc khi đối chiếu lòng mình. Nhưng từ giây phút dò xét đến giây phút thể hiện niềm cô độc càng trở nên sâu rộng mênh mênh.

Người sáng tạo sống trong tình cảm của

một Moise khi dắt những con người bơ vơ trở về đất thánh. Moise hoàn toàn cô độc bởi vì trong đám người lẫn lữ đi đằng sau kia không một ai giúp đỡ người được một chút gì. Những người yêu mến tôi có thể khuyến khích hay thương xót cho tôi. Họ có thể an ủi, vuốt ve. Nhưng làm thế nào nói được điều muốn nói? Không một ai có thể giúp đỡ được tôi một tý gì trong giờ phút thể hiện tác phẩm cả. Tôi ngồi ở đây một mình tôi. Phải làm thế nào? Tôi chỉ hỏi được lòng tôi.

Và tôi không thể lùi lại được. Khi đã lao mình vào một công cuộc sáng tạo, khi muốn nói « một cái gì » người ta không thể lùi lại được nữa. Có thể việc phải làm đêm nay tôi khất lại đến đêm mai. Nhưng không thể trốn tránh, xóa bỏ được. Khi tự hỏi « làm thế nào nói lên được điều muốn nói » tôi đã bị đưa đến một mỏm núi cao. Trước mặt, sau lưng, bên phải và trái đều là vực thẳm. Đằng sau là hư vô, xung quanh là hư vô. Cái thẳng người đang ngồi đăm chiêu, tìm kiếm, ở bên một chiếc bàn,

một ngọn đèn nhỏ này không còn là tôi nữa. Tôi là sự kiện sắp được thể hiện trên mặt giấy này. Tôi đang ở trên đường tạo ra cuộc đời tôi. Trong sự thể hiện tác phẩm tôi sẽ làm nên tôi và làm nên đời tôi. Phải làm bằng được. Không làm được tôi sẽ bị biến thành một con người chưa bao giờ tôi nghĩ tới. Tôi không còn là tôi nữa. Tôi bị xô ngã xuống vực thẳm. Tôi bị xô ngã xuống hư vô. Vì vậy nên ta thường thấy những người đã chọn nghề văn rồi vì một lý do này hay một lý do khác đã dứt bỏ sự sống trọn đời trong một niềm mong nhớ. Họ có thể thành công về tiền tài, khoa cử. Nhưng họ vẫn thèm, vẫn nhớ một cuộc đời xa cũ. Khi thì thái độ của họ như phản ánh một tự ty mặc cảm. Khi thì mong nhớ vẫn vơ. Bởi vì hư vô như đã bao bọc lấy họ. Họ nhìn cuộc đời hiện tại như bóng ma bởi vì cuộc đời của họ đã rơi vào vực thẳm ngày xưa. Họ nhớ văn nghệ như những người giang hồ mong nhớ quê hương. Nhớ nơi mà ở đó họ không cảm thấy mình là người lạ mặt.

Đứng trên một mỏm núi cao mà bốn bề là vực thẳm, hư vô lập tức một niềm lo âu xuất hiện. Lo âu chứ không phải là sợ hãi. Ở đây không có gì để sợ hãi cả. Không có ai đe dọa, ức hiếp tôi cả. Cũng không phải sợ « mất tiếng », « danh dự suy giảm ». Không phải bởi lẽ những sự kiện phụ tạp đó đã mờ đi ở phía sau cùng với tiếng xe chạy, người đi. Nếu chỉ vì tiếng tăm, danh dự thì có thể dùng mảnh lời. Dĩ vãng có thể bảo đảm được những sự kiện đó rồi.

Ở đây là một niềm lo âu. Lo âu vì đột nhiên bị đứng trước hai cái có thể: có thể có và có thể không. Có thể tôi sẽ nói được và có thể tôi không bao giờ nói lên được điều muốn nói. Có thể tôi là một con người sáng tạo, có thể tài năng của tôi là tưởng tượng, nó đang bị tiêu diệt như cơ thể tôi hao mòn trong thời gian. Đó là một niềm lo âu bằng bạc, thôi thúc, bao bọc đến nghẹn thở đến cuồng loạn tâm thần.

Đó là một niềm cô độc kinh khủng. Nhưng đó cũng là sự cô độc thiết yếu cho sáng tạo.

NGUYỄN SA

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của: T. T. Hiệp, Nguyễn Trung, Trường Giang, Nguyễn Đông

BAN CA VŨ NHẠC HUẾ TRÌNH DIỄN CA, VŨ, NHẠC CỔ V. N.

Tôi đã được nghe giới thiệu nhiều lần về Ban Ca, Vũ, Nhạc Huế: một ban có nhiều « thẩm quyền » về văn nghệ dân tộc, đã trình diễn trên sân khấu ngoại quốc.

Trong hai đêm 12 và 13-4-1958 tại Rạp Thống Nhất qua một chương trình chọn lọc gồm hơn mười màn. Ban Ca, Vũ, Nhạc Huế đã tự giới thiệu. Tôi đi dự một buổi trình diễn với tất cả thiện cảm chờ đợi. Nhưng sau hết cũng chỉ để thêm nghiêm khắc.

Về ngành nhạc, các nhạc công trên phạm vi cá nhân đã làm tròn, nhiệm vụ; họ nhập thể tiết tấu các nhạc phẩm trình bày. Nhưng một điểm đáng bàn luận. Kỹ thuật hòa tấu. Phần phụ họa át hẳn phần âm điệu. Nhất là chiếc « trống tiêu » nhiều lúc làm nhức óc. (Phải chăng còn một phần trách nhiệm về phía những chuyên viên đặt máy phóng thanh?) Đặc điểm của từng nhạc cụ không có cơ hội phát hiện. Đã thiếu một kỹ thuật hòa tấu vững chắc lại còn thiếu nốt cả một nghệ thuật hòa tấu. Không đủ tình tiết, biến cường, các bản nhạc trình bày rút lại chỉ còn là những tiếng kêu không hồn.

Tuy nhiên, dẫu sao, một đôi khi giọng « sáo » trong trẻo lướt trên nhịp « trống cơm » thủ thủ cũng đã lôi cuốn.

Về ngành vũ, có thể nói thất bại hoàn toàn. Trước hết là bởi đã trình diễn một ngành vũ chưa thành hình, từ “thành tổ” cho đến “bố cục”, một ngành vũ không có “ngôn ngữ”. Các vũ sinh chỉ trình bày được ít nhiều cử chỉ tẻ

nhật chỉ có tính chất phụ diễn những lời ca, mà lại còn độc điệu, vụng về trong bố cục. Sau nữa là bởi các vũ sinh phần nhiều đã cầu thả, từ hóa trang cho đến kỹ thuật trình diễn cá nhân. Họ lúng túng ngượng ngập trong điệu bộ. Những sự thiếu sót ấy không thể tha thứ được. Điệu múa Lục Cúng nhiều lần được vỗ tay tán thưởng nhưng tiếc rằng lại không phải là một điệu “vũ” mà chỉ là một cách “trông người”.

Điểm sau cùng: thái độ trình diện của Ban Ca, Vũ, Nhạc Huế làm nhớ đến công việc của những người thuở xưa “dâng rượu chúc thọ”, nhất là qua các màn “vũ”. Người ta liên tưởng đến ngành vũ của Ấn Độ mà đường nét là nhịp điệu vũ trụ. Người nghệ sĩ tự do từ trùng khít vào nhịp điệu vũ trụ. Từ đó sẽ có một phong độ của những con người nghệ thuật. Và nghệ thuật như là một giá trị tuyệt đối, không là một trò du hí cho các bậc vua quan.

Dem trình diễn Ca, Vũ, Nhạc Cổ Việt Nam trong lúc này như Ban Ca Vũ Huế đã làm, là

muốn cho những ngành ấy phải chịu những thử thách mới. Ban Ca, Vũ, Nhạc Huế quả thật chưa đủ “thẩm quyền” để đại diện cho văn nghệ dân tộc (như người ta thường nói) nhất là trước những con mắt phê bình khe khẽ của những nhà nghệ thuật ngoại quốc. Cần dứt khoát như vậy để không quá chủ quan.

Tuy nhiên dù sao tôi vẫn thấy mến Ban Ca, Vũ, Nhạc Huế như thương tiếc một thứ gì sắp tàn tạ.

Ở đó có những yếu tố căn bản, chúng ta không thể bỏ quên nếu muốn tái tạo văn nghệ dân tộc.

Trần Thanh Hiệp

TRIỂN LÃM NGUYỄN VĂN QUẾ

Giới hâm mộ Mỹ thuật thủ đô vừa được thưởng thức nghệ thuật của Nguyễn Văn Quế qua cuộc triển lãm tại phòng thông tin đô thành.

Hơn năm mươi bức họa bằng lối hiện thực, họa sĩ Nguyễn Văn Quế ghi lại những cảnh vật gần với cảm quan của phần đông dân chúng. Những hình thể nhân vật trong các tác phẩm chứng tỏ ông có một căn bản hội họa vững chắc.

Tuy nhiên vì không được kiểu thức hóa nên trông hơi “cứng”. Bố cục phần nhiều mượn của thiên nhiên (những bức vẽ cảnh); một số do sự cấu tạo các nhân vật. Bố cục trong bức Thành tâm khiến ta nghĩ đến nghệ thuật trên lụa. Có

nhiều chân dung khá đẹp.

Màu sắc không mới lạ song gần gũi. Họa sĩ hay đem màu tím giữa những màu sáng. Nhiều khi vì bố trí màu sắc táo bạo mà làm mất thăng bằng, hòa hợp trong bức tranh: trong bức Đồng bái ở Koli, màu tím của con sông quá nặng, làm màu lam nhạt của trời không cứu được! Có khi nhờ một vệt màu chấm phá nhỏ mà bức tranh nổi bật: trong Theo dòng chấm màu đỏ để diễn tả một nhân vật ngồi trên thuyền làm nổi bật mà không mất sự hòa hợp. Tương đối những bức vẽ bằng phấn tiên màu sắc đẹp hơn những bức sơn dầu. Nhưng điều người ta chú ý ở họa phẩm Nguyễn Văn Quế là ánh sáng! Nếu ở Nhớ nhung không có những mảng ánh sáng rơi rớt trên vai thiếu nữ, trên ghế một cách khéo léo, bức tranh sẽ mất linh động! Tuy nhiên đôi khi họa sĩ đã lợi dụng ánh sáng một cách quá đáng những mảng màu thật sáng trên các thân cây trong Ta-Phrom buổi trưa đã làm bức tranh thiếu tự nhiên và hòa hợp.

Tuy là lối hiện thực cũ, đôi khi ta cũng thấy được nét hoạt của họa sĩ cứu lại đôi phần sự gò bó vì quá trung thành với thiên nhiên. Song là hiện thực hay không hiện thực, ở đây không thành vấn đề. Điều quan trọng là với lối đó, họa sĩ có thành công hay không.

Nhìn chung họa phẩm Nguyễn Văn Quế, ta không thấy trọng điểm của cuộc triển lãm này! Không một ý tưởng gì của họa sĩ được thể hiện qua các tác phẩm. Có chăng cũng chỉ là một tình cảm cá nhân nhẹ nhàng.

Đề tài không có gì mới lạ. Vẫn những cảnh, những người mà muôn đời đã được giới hội họa ghi chép lại nhiều rồi. Do những bố cục thiếu tự nhiên, một bút pháp gò bó mà tranh thiếu sự sống động. Hơn nữa có lẽ trong lúc sáng tác, họa sĩ chưa có nguồn cảm hứng đúng lúc và chân thành, cho nên hầu hết họa phẩm đều mang nặng một nếp sống, một tâm hồn bình dị, có thể nói chưa có bức nào phản ảnh

được tâm tư và sinh lực của nhân dân miền Nam tự do trong cuộc sống từng bừng. Sinh lực đó tiềm tàng, không những ở nhân vật mà còn ở cảnh vật nữa. Một dòng nước, một khóm cây, nếu do sự rung cảm chân thành của nghệ sĩ cũng cho ta một sức sống mãnh liệt, một tương lai rực rỡ huy hoàng.

Cuộc Triển lãm của họa sĩ Nguyễn Văn Quế làm mọi người nhớ đến Mai Trung Thứ, Lê Phổ là những họa sĩ tầm tiếng thời tiền chiến. Với một căn bản hội họa như thế, với một bút pháp già dặn như thế – xét trên phương diện nghệ thuật – họa sĩ đã thành công. Nhưng kiểm điểm toàn bộ nhiều văn nghệ sĩ, tiếc rằng tại sao giáo sư Nguyễn Văn Quế không dùng cái ưu thế về kỹ thuật của mình để diễn tả trung thành những khía cạnh phong phú nhất trong cuộc sống đang vươn lên của dân tộc để nâng cao chất lượng và phẩm lượng cho một cuộc triển lãm giá trị? Phải chăng giáo sư sống xa rời sinh hoạt của dân chúng nên chưa tìm được đề

tài mới mẻ thích hợp với thị hiếu tiến bộ của dân chúng? Do đó sự thành công của giáo sư Nguyễn Văn Quế chưa được trọn vẹn lắm.

NGUYỄN TRUNG

Sinh Viên Mỹ Thuật

TRIỂN LÃM HUY TƯỜNG VÀ ĐÌNH TRỌNG

Hội quán Pháp văn đồng minh — 22 Gia Long
Saigon.

Đây là lần thứ hai Huy Tường và Đình Trọng lại sát cánh trong một cuộc triển lãm với một số lượng tác phẩm dồi dào hơn, cố gắng hơn. Sáu mươi họa phẩm đầy màu sắc đã nói lên điều đó.

Người ta thấy ở hai họa sĩ trẻ tuổi này sự

mong muốn tìm kiếm một lối thoát cho nghệ thuật mình. Đình Trọng rụt rè và thận trọng. ông theo đường lối hiện thực. Tranh ông dễ hiểu, bình thường. Sự rung cảm ở Đình Trọng không sôi nổi, tôi cho đấy là lý do khiến người xem tranh ít phần rung động trước tranh ông. Đình Trọng thích vẽ cảnh, ông đặt giá vẽ trước sự vật rồi cố chép cho đúng. Đó cũng là một khuyết điểm. Bởi quả thật thà và lối nhìn của ông hơi bình thản, nhà họa sĩ diễn đạt hơi ngèo nàn, cả về màu sắc lẫn nét bút. Đôi khi Đình Trọng cũng muốn vượt khỏi vị trí cố hữu của ông bằng cách chơi màu sắc, tiếc rằng điều mong muốn này không thành công bởi sự giả tạo gán ghép của tác phẩm. Ông cũng không nên bước quả vào lãnh vực lập thể vì đó chưa phải đất đứng của ông.

Tôi cho rằng Đình Trọng chỉ nên vẽ phong cảnh, ông chỉ cần rung động nhiều trước thiên nhiên là có thể tạo nên nhiều tác phẩm giá trị.

Huy Tường mạnh dạn hơn, đi sâu vào đường trù tượng, lập thể. Nhưng người ta cũng thấy rằng đây chỉ là những thí nghiệm nhỏ. Bởi Huy Tường bày lần cả những tranh vẽ cảnh vẽ người có khuynh hướng ấn tượng.

Về màu sắc Huy Tường dùng nguyên chất. Trong những tranh trù tượng nho nhỏ mà phần bố cục khá vững vàng họa sĩ đặt ‘những màu xanh đỏ vàng tím rất liều lĩnh. Điều đáng trách là Huy Tường dùng phần màu trong những khoảnh này. Những miếng màu khô khan xếp cạnh nhau làm tôi nghĩ đến những màu giấy cắt xếp lại. Trong hội họa cách bôi màu rất quan trọng. Phải làm thế nào trong miếng màu bôi lên đó phải “giàu có” mới được. Nhà họa sĩ Gustave Moreau có lần bảo với học trò: Chỉ cần đưa một phân vuông là tôi có thể biết miếng màu đó là do một họa sĩ hay một anh thợ vẽ bôi rồi.

Huy Tường cần phải để ý hơn nữa trong phương diện này. Những tranh vẽ thiên về lập

thể cũng chưa nói lên được gì. Họa sĩ mới chịu ảnh hưởng trong sách vở Âu châu chứ chưa có định hướng rõ rệt.

Tại sao Huy Tường không trở sự dễ dàng, cho nên sáng tác rơi lại lối vẽ kiểu ấn tượng pha dã thú? Chính ở những tranh này người ta mới tìm thấy bản chất của ông. Và thấy họa sĩ có thể tiến xa được.

Trong kỳ triển lãm này cả hai họa sĩ đã tỏ ra cố gắng nhưng thành thật mà nói, chưa vượt lên mức khả quan. Nhưng tôi cho rằng có lẽ cả hai người chưa nhận thức rõ yếu điểm của mình. Cuộc triển lãm sắp tới đây biết đâu rằng Huy Tường và Đình Trọng chẳng lập được những thành tích đáng kể.

TRƯỜNG GIANG

TRĂNG NƯỚC ĐỒNG NAI CỦA

NGUYỄN HOẠT Nguyễn Thế xuất bản

Từ lâu tôi vẫn chờ đợi một tác phẩm dài thể hiện được linh động và đầy đủ những sắc thái điển hình nhất về cuộc sống mới của lớp người miền Bắc tới đây sau biến cố chia cắt đất nước. Cuộc tiếp xúc chưa từng thấy của miền Bắc với miền Nam phát sinh ở từng cá nhân, những trạng thái tình cảm và tâm lý mới, và trong cuộc sinh hoạt toàn thể, những hiện tượng đặc biệt mà chúng ta có bốn phận ghi lại bằng những tác phẩm lớn. Đó là những chứng tích thời đại và lịch sử không thể bỏ qua. Với Trăng Nước Đồng Nai Nguyễn Hoạt đã đi vào cái đề tài chính yếu đó. Cuốn sách 300 trang, chữ nhỏ, có một chiều dày đáng kể. Tiếc thay giá trị nghệ thuật của nó lại không tương xứng. Trước một đề tài đã sẵn có những tài liệu không thể

phong phú hơn, vậy mà Nguyễn Hoạt đã lựa chọn sự dễ dàng, cho nên sáng tác rơi đổ cả về diễn tiến của sự việc lẫn tâm lý và cá tính nhân vật. Hai nhân vật chính, Cẩn và Yến Nguyệt, tuy có mặt trên từng trang sách chỉ là những con người công thức, khía cạnh mòn nhẵn, sống một cuộc tình duyên cũng công thức họ vậy. Tôi không thấy một khám phá nào. Rõ nhất ở Cẩn. Đi quá xa trong dụng công tạo một cho Cẩn đủ mọi đức tính, đủ mọi con người lý tưởng tác giả đã dồn cái tốt cái đẹp khiến cho người đọc liên tưởng đến một mẫu người hùng nào đã bị đào sâu chôn chặt. Tôi không muốn hạ thấp Trăng Nước Đồng Nai xuống loại tiểu thuyết diễm tình ai cũng viết được kể cả những người thiếu ý thức nghệ thuật. Tôi đón cuốn sách như đón một tác phẩm. Tôi nói Nguyễn Hoạt đã chọn lựa là thế. Thật là một điều đáng tiếc. Tập sách nhiều đoạn thừa và kéo dài chỉ còn gửi lại cho người đọc nó một cảm tưởng tốt đẹp, ở chỗ: tác giả có một lối hành văn thật duyên dáng lưu loát và một dụng ý tốt. Hơi văn dồi dào và vốn sống phong phú của tác giả là

hai yếu tố cho phép chúng ta chờ đón ở ông những tác phẩm thành công hơn.

NGUYỄN ĐĂNG

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Các bạn yêu nghệ thuật nên tìm đọc:

GÁNH XIẾC

Truyện ngắn của Doãn Quốc Sỹ có bán ở các
Nhà sách và tại nhà xuất bản Nguyễn Đình
Vượng 38 Phạm Ngũ Lão Saigon — Giá 40\$00

VĂN HÓA NGÀY NAY

Do nhà văn Nhất Linh chủ trương, những tập giai phẩm dưới đầu đề Văn Hóa Ngày Nay, sẽ được phát hành một ngày gần đây. Nội dung Văn Hóa Ngày Nay sẽ gồm có những sáng tác mới nhất của Nhất Linh như trường giang tiểu thuyết Xóm Cầu Mới, ký sự Đời Làm Báo, ký sự vui Đời Tu Tiên, thiên khảo luận Viết và Đọc Tiểu Thuyết và truyện dịch Đỉnh Gió Hú.

Ngoài ra, Văn Hóa Ngày Nay còn được sự cộng tác của các nhà văn Đỗ Đức Thu, Nguyễn Thị Vinh, Linh Bảo, Duy Lâm, Trường Hùng, Bảo Sơn, Nguyễn Thành Vinh v. v...

Văn Hóa Ngày Nay cũng sẽ đăng lại những sáng tác chọn lọc trong hai tập báo Phong Hóa và Ngày Nay, với mục đích ghi lại một giai đoạn văn hóa và dùng những sáng tác đó làm tài liệu nghiên cứu.

HỘP THƯ SÁNG TẠO

Các bạn: Lê Khanh, Nguyễn Huy Xuân, Hàn Sinh, Tăng Kỳ Duyên, Hàn Giang, Thanh Trầm Hương, Vy Linh, Phụng Hoa, Cẩm Cẩm, V L., Phan Duy Nhân, Thanh Chi, Vĩnh Nhân, Thủy Linh, Thanh Lam Tử, Huyền Diệu, Dương Hùng Cường, Thanh Sơn Thủy, Đỗ Hoài Lữ, Nhị Thanh Nguyễn Hà, Hữu Nghĩa, Nguyễn Hòa Mai, Huy Lâm, Trưởng Dzi, Phạm Văn

Mai, Nguyễn Đông, Đặng Hữu Đại, Lưu Vũ Yên, Nhuệ Linh, Thế Nguyên, Nguyễn Văn Châu, Nguyễn Ân, Thạch Đình, Lam Hà, Nguyễn Xuân Sơn, Mạc Thanh, Thương Tú Thủy, Thúy Liên, Huy Trâm:

Đã nhận được thư và sáng tác của các bạn.
Thân ái.

Ô. Vĩnh Lộc: Sẽ cố gắng sửa đổi về hình thức.

Nguyễn Trung: Mong gặp anh ở Tòa Soạn. Buổi sáng,

Ô. Cao Hữu Huân: “Người con gái đường Âm Hôn” đã nhận được. Cảm tạ.

Mai Thi: Bạn quá chưa có ý kiến gì. Đừng nóng ruột.

Bạn Xuân Dưỡng: Lúc nào cũng hoan nghênh sự hợp tác của bạn. Nhưng bài nào tòa soạn nhận thấy có giá trị mới dùng được.

Từ Thế Mộng: Đã nhận được thư. Cảm tạ. Báo cũ số nào cũng còn một ít. Cứ gửi ngân phiếu về Quản Lý.

Bạn Lôi Tam: Ân hận gửi nhầm tên họ. Đã gửi lại cho đúng. Thân mến. Bạn Trần Xuân Đắc: Đã nhận được thư. Đa tạ những lời quá khen của anh.

D.Q.S.